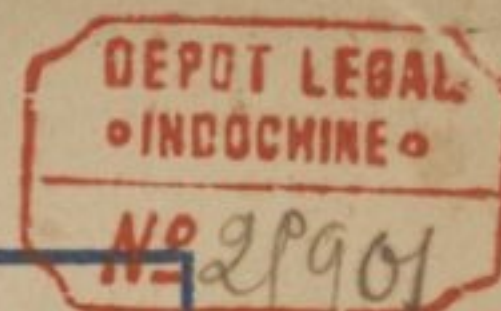


16°
Indoch
1302

June 1940



TRẦN-NGUYỄN-LƯỢNG

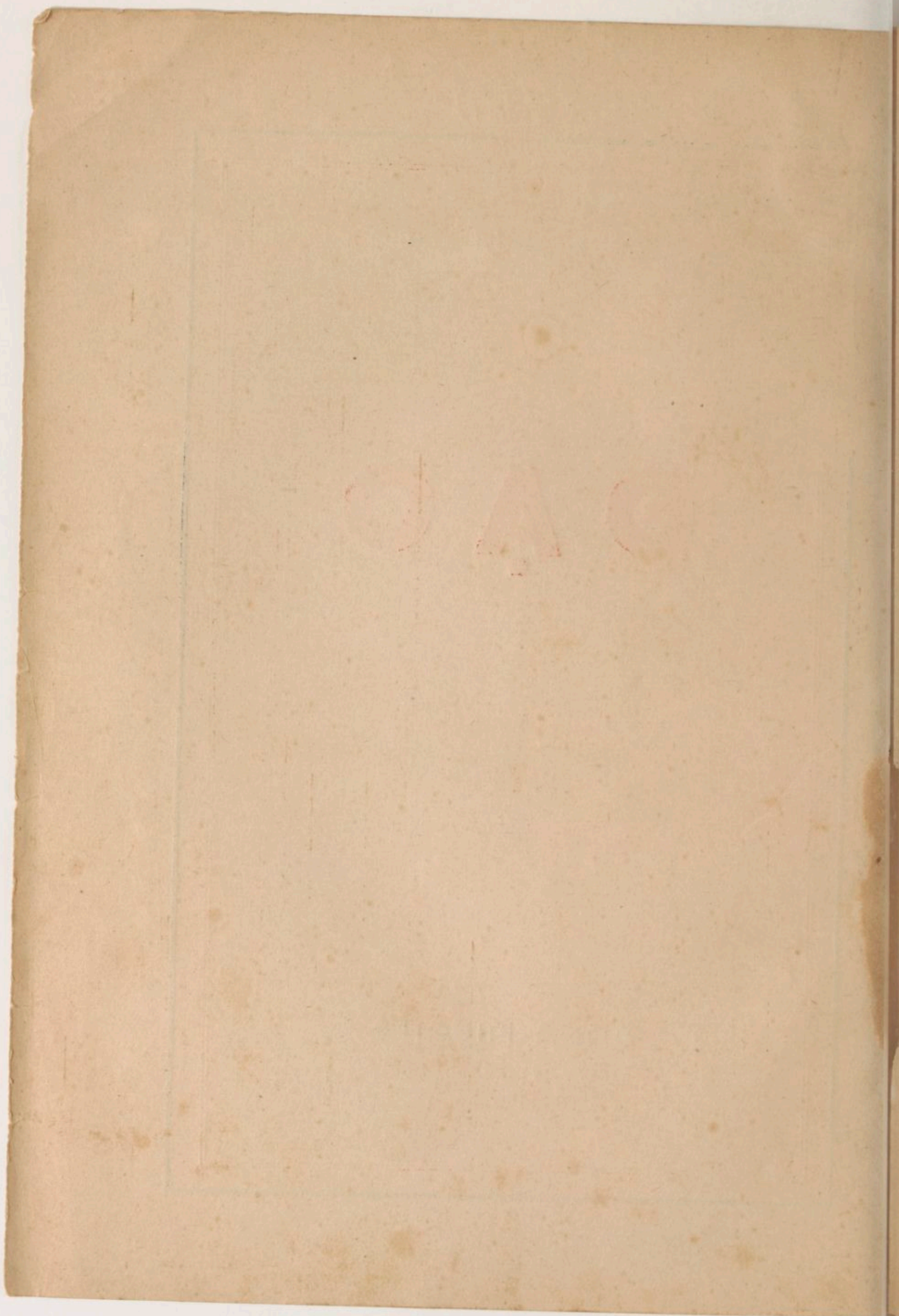
ĐẠO

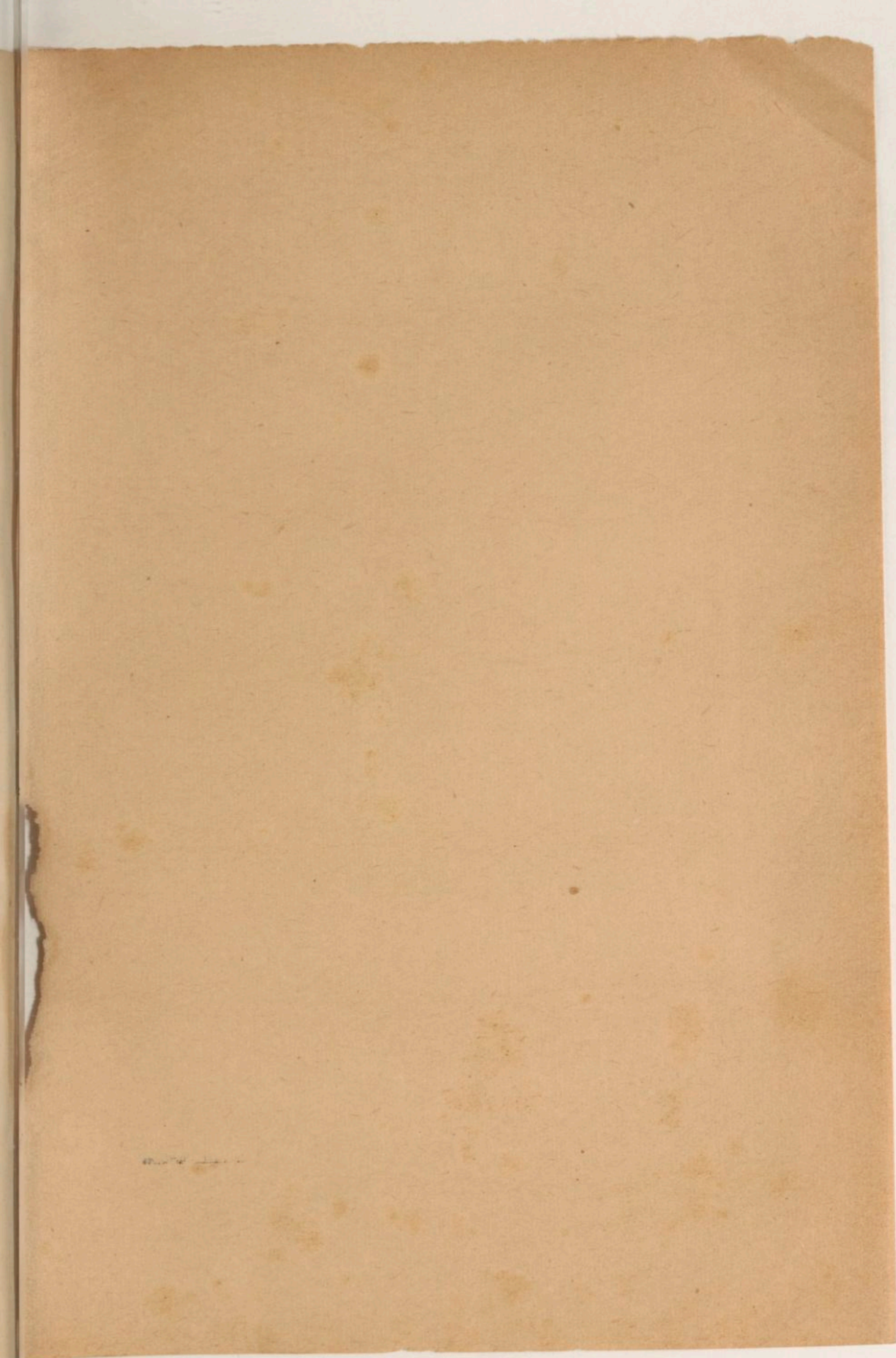
DONG-PHUONG

125, RUE CAY-MAI, 125
CHOLON



1302

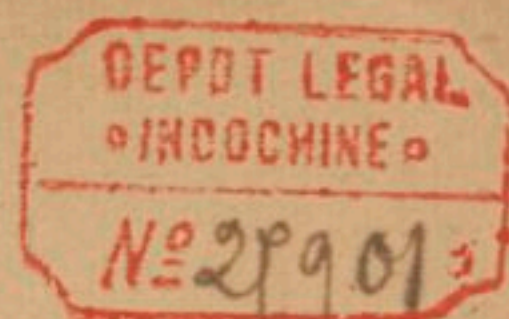




ĐẠO

B. 40

TRẦN-NGUYỄN-LƯỢNG



ĐẠO

DONG-PHUONG

125, RUE CAY-MAI, 125

CHOLON

16° Indo ch.
1302

10-13

1

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

CHICAGO

CHICAGO
THE UNIVERSITY OF CHICAGO
CHICAGO

Quyển sách này viết ra chẳng phải vì sự mê-tin, mà do nơi sự tuyền hiệp các lời thánh giáo xưa và nay lại rồi dung hòa với khoa-học kim thời mà vệt ra một lối tinh-thần mới, phù hợp với Đạo với Đời, có thể kêu sáng được đức tin của con người.

Thành kiến là điều trở ngại rất lớn trên con đường tâm chơn-lý; vì vậy mà H. Bergson: một nhà triết học cận đại, có nói câu này: « muốn phê-bình một tôn-giáo hay học thuyết nào điều-kiện cần-yếu là phải vào trong nó. »

Vịn theo lời nói đó và trước những điều đã thấy đã nghe, tác-giã ước mong sao cho ai muốn biết đạo Tam-kỳ, hãy phá tan thành kiến đi và chịu khó theo tác-giã cho tới cùng trong quyển sách nhỏ này, thì có lẽ sẽ thấy được cái chơn tướng của nó.

T. N. L.

Cùng bạn đọc

Trời chiều chim băng ngàn mà về rừng về núi, tuổi già người tìm Đạo cho biết cội biết nguồn. Ấy là lẽ cố nhiên, cổ kim hằng có vậy. Huống chi sanh trong kiếp gặp Đại-Đạo hoằng khai, có Thần linh giáng thế độ đời, mà lại không ra cầu minh sư học hỏi ?

Nghĩ vậy mà tề sĩ, trong lúc hồi hưu, khi đọc sách xem kinh, có thuở lại cầu Thần linh chỉ giáo.

Vui say mùi Đạo, an thích cảnh già, mấy thu công quả tài liệu góp nhóp ít nhiều, nay noi gương tiền bối ngày xưa, đem ra đây mà luận bàn Đại Đạo.

Kêu anh em cùng chung suy nghiệm, chớ nào có dám bảo nghe theo ; bởi vì tề sĩ luôn luôn kính trọng chỗ tự do tín ngưỡng của mọi người, mà lại cũng hiểu rằng : « Đạo lý cao thâm,

tâm hoài rộng mãi » bao nhiêu lời dẫn giải đều là lý thuyết đó thôi. Nhưng Đạo là khuôn mẫu của sự lành, để ung đúc tinh thần con người tiến hóa trên đường Chơn-lý ; còn người học đạo là kẻ tìm lý, thì phải nghiệm suy cho thấy cái lý ấy chỗ nào, mặc dầu lý tưởng của mình, nó cũng là một Đức-tin vững vàng minh bạch.

— Bởi vậy mà tề sĩ mới sắp đặt ra câu chuyện sau này, ặng đề cùng anh em trong lúc giờ nhàn, giải khuây đàm đạo.

Cùng bạn tán học rộng đường quan-sát, tề sĩ xin phụ trương sau đây một vài bài pháp-văn của danh nhơn hiền triết nước ngoài ; trước là mời đọc-giã đề ý vô cái vấn-đề rất mới này mà kinh nghiệm, sâu lại cho biết rằng chúng ta chẳng phải lẽ loi trên đường tâm lý.

Mytho le 30 Septembre 1938
TRẦN-NGUYỄN-LƯỢNG

Câu chuyện về Đạo Tam-kỳ phổ độ hay là Đại chơn truyền cứu thế kỳ ba



CHƯƠNG THỨ I

Đạo — Trời — Đạo tịnh — Đạo động — Lý
chơn — Chơn lý — Huyền vi bí pháp —
phép lạ — Hữu vi khoa học — Bí pháp
chơn truyền — Thần đồng chơn hơn —
thiên mạng, cứu thế — Chơn truyền riêng
chơn truyền chung.

*
* *

Theo kinh sách chúng ta có thấy nói :

« Đạo là nguồn cội của chúng sanh » Lại có
chỗ nói : « Chúng sanh là hình thể của Đạo,
mà cũng là hiện tượng nguồn bác-ái (1) của
Trời ».

(1) Đức tánh của Thượng-đế biểu lộ ra.

Muốn cho dễ hiểu thì chúng ta nên nói, Đạo là thiện cơ mẫu nhiệm sanh hóa, hóa-sanh vạn vật trong vô trụ kiên khôn.

Đã cho rằng Thiên-cơ, là phép Trời; còn Trời là ngôi Thái-cực, một ngôi tuyệt đối (absolu) sáng láng, phép tắc vô cùng, thì Đạo cũng đứng vào ngôi Thái cực vậy, cũng là ngôi tuyệt đối, mẫu nhiệm vô cùng; bởi vậy mà trong kinh sách chúng ta thường thấy có câu :

« Đạo mẫu diệu pháp thậm thâm »

Đạo một ngôi với Trời mà ngôi ấy có một không hai, thì Đạo là đâu, mà Trời là đâu?

Có phải Đạo là Trời. Trời là Đạo không!

Nhưng có khác nhau chỗ này :

Đạo là cơ khai-hóa và tiến-hóa, còn Trời là tay Tạo-hóa (La Providence et Dieu) cũng kêu là ngôi Thái-cực và ngôi Vô-cực hay là ngôi động và ngôi tịnh (Dieu manifesté et Dieu non manifesté).

Vì không nhìn nhận có hai ngôi, nên trong tôn-giáo có phái cho là có Đạo chứ không có Trời. (1) Nghĩa là nhìn nhận ngôi Đạo chứ

(1) Trời đây là Thượng-đế (Dieu) chứ chẳng phải là cõi cao xanh trên đầu chúng ta đâu (ciel)

không nhìn nhận ngôi Thần, nhìn nhận có Cơ-tạo chứ không có Tạo-nhơn ông (Dieu impersonnel et Dieu personnel). Cái vấn-đề này xin đề rớt sau chúng ta sẽ nói đến.

Trong Đạo-giáo có câu :

« Đạo khả đạo phi thường Đạo » Đạo mà nói ra được thì chẳng phải là Đạo trường-cửu.

Câu ấy thật là đúng : bởi vì Đạo mà nói cho tận lý được, nghĩa là nói rành rẽ, có đầu có đuôi thì Đạo đâu còn diệu pháp thâm thâm. Nói Đạo được như vậy chỉ là biết rành rẽ đủ cơ mầu nhiệm của Trời rồi, nghĩa là biết Trời rồi, thì Trời đó đâu có phải là ngôi tuyệt đối, đâu có phải là Ngôi một, đâu có phải là Trời thiết, còn phải có Trời nào lớn hơn nữa ; thì Đạo đó cũng vì lẽ ấy mà chưa phải là Đạo thiết, vì còn phải từng một cái Đạo-pháp nào lớn hơn nữa mà có ra.

Đạo là phép Trời ; phép do nơi luật, luật là qui tắc đặc ra bởi lý, lý là lẽ phải.

Vậy Đạo là lý Trời, mà Trời là ngôi đã có từ bao giờ và hằng có như vậy mãi mãi, thì lý Trời là Đạo cũng hằng có như vậy đời đời kiếp kiếp và y như vậy hoài, không bao giờ thay đổi được hết, bất luận là nơi nào hay là thời đại nào, cho nên cái lý đạo mới gọi là

Lý-Chơn hay là Chơn-lý (la Vérité éternelle.)

Lý-chơn là Lẽ-thiết. Lẽ thiết bao giờ cũng ở chỗ hữu vi rõ rệt, không mơ hồ được; mà vì chúng ta không hiểu thấu hết phép Trời được, cho nên Đạo có chỗ cắt nghĩa được mà có chỗ không cắt nghĩa được; nói cho đúng hơn là còn có chỗ chưa hiểu rõ được.

Những chỗ chưa hiểu rõ đó gọi là « **huyền vi bí pháp** » chớ chẳng nên kêu là phép lạ, vì Trời không có làm phép lạ bao giờ; chỉ chi trong vũ trụ cũng do nơi Đạo mà có ra hết; sáng cũng chưa sáng là tại nơi « giác » cũng chưa đó thôi.

Mà đã cho Đạo là nguồn bác-ái của Trời thì Chơn-lý bao giờ cũng thuộc về thể Đại-đồng, nghĩa là có tánh cách thiên nhiên siêu việt, Chơn lý là ở sự biết cái luật sáng-tạo, thành lập, tiến-hóa của vạn vật, lại ở sự biết các luật tự nhiên, và siêu nhiên chi phối cho cuộc sanh hoạt ở trên mặt địa cầu cùng các công việc của người ta.

Chơn lý là gồm các cái tôn chỉ lớn chủ trương cho đời người là: công nghĩa, chánh lý, nhơn từ, trật tự, cai quản và phục tùng.

Vậy thì mỗi cái tư tưởng mình nhận được

hay là mình phát ra phải liền đem đối chiếu với mấy cái tôn chỉ lớn đó; mỗi lần hãy tự hỏi như thế này:

Cái tư tưởng đó có phải không? có đúng không? đối với cái trật tự siêu nhiên có xứng đáng không? Lại đối với cái trật tự thiên nhiên của sự vật có thích hợp không?

Nói tóm lại tư tưởng và hành động theo Chơn-lý nghĩa là theo ý Trời, theo Thượng-đế, theo lý Thiên nhiên, đó là cái luật phán đoán nhất định, là cái đích duy nhất của đời người (La vie sage) (1).

Loài người gần Trời hơn vạn vật vì có tánh từ nhiên (2) **sáng và lành** (lương năng và lương tri) Biết dùng hai cái báu ấy cho đúng theo lẽ Trời thì là sáng, bằng dùng sai thì là tối.

Hai cái báu ấy điều dẫn chúng ta tìm Chơn-lý để giúp đời điều hòa trật-tự mà tiến hóa trong cái lý Trời, nghĩa là giúp dẫn cho đời phăng lần đường về Đạo.

Nhờ hai cái báu đó mà hơn loại lần lần đỡ hé được cái màng bí mật của Trời (2)

(1) traduit par Phạm-Quỳnh.

(2) Ngụ ý được; như Denis Papin thấy nước sôi mà ngụ ý được cái sức mạnh của hơi nước sôi rồi chế ra máy chạy hơi nước.

nắm được mỗi giềng thiên cơ, rồi ra công tìm kiếm thêm hoài. Nhờ vậy mà chúng ta được thấy, nay phát minh điều này, mai phát minh điều kia, lần lần hiểu rõ những cơ huyền bí mới nói trên đây. Chứng thiết nghiệm ra rồi thì « **Huyền vi bí pháp** » trở nên **Hữu vi khoa học** »

(Les sciences occultes deviennentalors les sciences positives)

Mà hễ đến chỗ thiết nghiệm ra rồi thì đâu còn là sự lạ nữa (Il n'y a pas de mystères, il y a seulement l'inconnu)

Cũng như khi xưa, chưa tìm ra điện quang thì người ta có biết tại sao mà có sấm sét đâu, cho nên mới tin càng có thiên lôi đã; chớ ngày nay nhờ có khoa học, thấu dụng được điện quang rồi, thì sấm sét có lạ chi với người có học.

Nhờ khoa học thiết nghiệm mà Đạo càng ngày càng tỏ rạng nơi tâm con người, rồi chuyện hoang đàng, sự dị đoan mê tín cũng lần lần tiêu diệt.

Được hiểu biết những cơ mầu nhiệm của Trời như vậy gọi là được :

« **Bí pháp chơn truyền** » (Révélation)

Chơn truyền bao giờ cũng có lý giúp đời

tiến hóa mà thôi; tiến hóa cả và vật chất lẫn tinh thần; bởi vậy những người được chọn truyền chẳng phải là người làm thường đâu. Đó là bậc có năng, chọn-nhơn, thiên-mạng, tình nguyện xuống đây mà mở mang cho đời hay là cứu đời (Les missionnaires de Dieu ou les messies)

Những bậc ấy thông minh xuất chúng, trí tuệ phi phàm: học một biết mười, vì bởi có sẵn tài liệu học hỏi trong mấy kiếp trước rồi, mà nay đầu thai xuống kiếp này còn phải hy-sinh cả đời mà học hỏi, khổ cứu, kinh-nghiem thêm hoài, mở đường cho người hậu tấn tìm ra được mỗi manh chơn lý.

Những bậc ấy khi còn thơ ấu gọi là Thần-đồng; đến lúc ra giúp đời được thiên hạ tặng cho là Thánh, là Hiền, đến khi qua đời rồi hậu thế tôn kính là bậc Tổ-sư, Tiên-sư hay là Cứu thế.

Chọn-nhơn thiên-mạng có hai phái; Phái duy vật, sanh ra trong lúc thái-bình giúp đời tiến hóa về mặt vật-chất.

Trong phái này chúng ta biết những danh-nhơn này: Benjamin Franklin (Tổ sư điện quang) Denis Papin (Tổ sư máy chạy hơi nước) Pasteur (Louis) (tổ sư y khoa tế vi-trùng)

Marconi (tổ sư giây thép vô tuyến điện)
Edison (tổ sư máy hát... là những tổ sư trong
thời đại gần đây mà người người đều biết tên
hết, còn biết bao nhiêu là người khác nữa mà
danh lưu từ đời thượng-cổ như là Copernic,
Galilé, Newton, Laplace..

Còn phái duy tâm thì ra đời trong lúc quốc
loạn đời hư, phong tồi bại tục, giáng thế giúp
đời dựng lại cái nền quốc tuy điều tàn tinh-
thần xiêu đổ, vì vậy mà được kêu là Cứu-thế.

Trong phái này chúng ta có biết: Đức
Krishna, Đức Pythagore, Đức Socrate, Đức
Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Thích Ca, Đức
Jésus, Đức Mahomet.

Chơn truyền có hai cách :

1° Chơn truyền riêng cho một người

2° Chơn truyền chung cho khắp cả và
thiên hạ.

Những bậc mới kể trên đây là bậc được
chơn truyền riêng. Còn chơn truyền chung
thì mới có thấy trong thời kỳ này mà thôi.

Chơn truyền này là gì, làm sao mà thời kỳ
này lại được cái hồng ân đặc biệt như vậy ?

Chơn truyền chung ngày nay là **phép thần
thông giao tiếp với cõi ngoài bằng cách
tiếp điện trời nơi đồng cốt.**

Đó chẳng nên gọi là cái hồng ân đặc biệt, vì Trời là chí công chí nhơn, cái lòng bác-ái không đầy không vơi, cứ một lý chơn mà ban bố phước lành cho nhơn sanh thôi ; không thiêng không vị thời kỳ nào mà gọi rằng đặc biệt, phải hồi nắng thì nắng, phải tiết mưa thì mưa, cho nên cái chơn truyền chung ngày nay đây, nó tới là vì đã đến thời kỳ nó phải tới đó thôi, là vì Chơn lý.

Có người nói cái phép tiếp diễn cõi trời dẫu có phải là sự mới, sự lạ, vì từ xưa ông bà chúng ta đã biết rồi, có dùng rồi mà lập đàn thỉnh Tiên thỉnh Phật đó.

— Phải, khi xưa biết thì biết vậy chớ dẫu có hiểu duyên cớ bởi sao, cũng như chúng ta mới nói trên đây, khi xưa ông bà chúng ta đã thấy sắm sết mà nào có hiểu tại sao có vậy dẫu ? — Mà lại cái sự tiếp diễn cõi trời khi xưa với nay nó có cái tánh chất khác hẳn với nhau lắm vậy :

— Khi xưa vì sự cầu nguyện mà người ta được giao thông với cõi ngoài một đôi khi thôi, chớ như bây giờ đây thì sự tiếp diễn trời là một phép thiên cơ huyền diệu ban bố thánh truyền một cách thiên nhiên và rõ ràng cho khắp cả thế gian một lược. **Một tiếng**

chuông Thượng để thức tỉnh đồ đời cho nên mới gọi được là **Đại chơn truyền cứu thế kỷ ba** (La grande Révélation pour le 3e salut)

— Chơn truyền của thời kỳ này dạy những gì, cái tôn chỉ ra sao, vì sao mà lại có chơn truyền chung như vậy ?

Đó là cái chỗ yếu lý của thời kỳ khai Đạo này, mà người học Đạo cần phải nghiệm suy ra cho thấu đáo.

CHƯƠNG THỨ II

Thời đại dị đoan hay là lối thờ thần

Nhơn loại tự nhiên đã có tánh linh biết đến thần quyền rồi tin-ngưỡng người khuất mặt là từ lúc còn dã man ở rừng ở rú. Đó là cái điểm bấu lương-tri và lương-năng trời ban cho khác hơn loài thú. Nhưng mà bấu ấy chưa trao đổi cho sáng ra nên thấy đâu thì tưởng đó thôi; chưa biết nghiệm suy cho hiểu lý là gì. Sự tin tưởng ấy chưa phải là tinh thần đạo đức của con người, mà cũng chưa gọi được là đức tin nữa.

Chúng tin ngưỡng như vậy, vì có một lẽ sợ người khuất mặt phá hại đó thôi. Nhưng mà đạo tâm cũng như vạn vật, cũng tiến hóa vậy. Trí khôn con người phát triển lên cao tới đâu thì tinh thần cũng theo tới đó. Nếu không vậy thì là mất sự điều hòa và có hại cho phần vật chất.

Những nhà khảo cổ đã tìm được dấu tích rõ ràng chứng chắc rằng trong thời đại dã man, các sắc dân ở khắp năm châu đều thờ thần một cách tương tự nhau hết.

Lối ban đầu đó là lúc tánh tình còn cận thú con người ta tưởng rằng : người khuyết mặt cũng như người sống vậy, cũng có thân thể ; nhưng có phép tàn hình cho nên làm hại cho con người ta dễ lắm. Vì lẽ ấy mà mỗi khi đau ốm hay là có điều chi tai hại thì tưởng cho mắc ông nầy bà kia quở phạt rồi đi cúng vái liền. Cái lối thờ thần như vậy gọi là l'Antropomorphie...

Kế đó con người lại tưởng tượng rằng : « các vị hung thần thì ở trong các thú dữ và các quái vật », rồi kính thờ thú và vật ; Đó là lối Le totémisme...

Sau nữa lại tượng hình lên cốt mà thờ bá vạn thần. Ấy là lối l'Idolatrie, ou Le fétichisme...

Những thần chúng đã thờ như ba lối trên đây gọi là hung thần.

Rốt cùng đến lối thờ thiên thần thì lại thờ mặt trời, mặt trăng, các vị tinh tú, thần, lửa, thần nước, thần gió, thần sấm sét vân... vân.. gọi là lối « Le naturisme », như trong xứ của

chúng ta đây còn thờ ngũ hành vậy.

Tới đây là nấc thang cao hơn hết trong cái lối thờ thần, nhưng mà con người cũng còn đứng trong cái thời đại dị đoan bởi vì cái sự kính thờ ấy chưa có cái lý đạo gì hết ; bởi vì kỹ vị thần mà thờ đặng cầu phước vậy thô ; cho nên cách thờ phượng không có sắp đặt chi cả, không có tôn giáo, không có luật đạo, không thầy giảng dạy, không phải không chi, có một điều là đến lễ đến kỳ thì tựu hợp lại mà sát sanh, cúng tế và hát lễ đặng tỏ cái lòng tin nguơn thần vậy thôi.

Những lối thờ thần như mới nói trên đây đều gọi là « Thời đại dị đoan hay là thờ nhiều thần » *Le polythéisme* ». Cái thời đại ấy phải đi trước đặng mà dọn đường cho Đạo Trời khai sau.

CHƯƠNG THỨ III

**Thời Đại Đạo Trời khai phổ độ nhơn sanh
Nhứt, nhị kỳ phổ độ
giáo lý của hai kỳ Đạo khai**

I. — ĐẠO KHAI TẠI ẤN ĐỘ **THÍCH-GIÁO**

Ấ đông từ xưa đã nổi tiếng là gốc cội tinh-thần đạo đức của nhơn loại bởi vì các mối đạo đương thịnh hành trong thế-gian đều gốc bởi nơi đây mà ra cả.

Trong đời thượng cổ, lối 8.000 năm trước tây lịch, tại Ấ đông, các sắc dân Aryas ở miền bắc có lập ra một mối đạo thờ thiên-thần gọi là đạo Védisme; thờ thần Dyos là cha trời mẹ đất thần Agni là lửa, thần Indra là mưa thần Soma là rượu... mà kính trọng nhứt thần Mytra là mặt trời, vì cho rằng chi chi

trong vũ trụ cũng đều nhờ mặt nhứt mới sanh ra được, và sống được.

Nhứt - kỳ Đạo - khai

Lối thờ Trời

Đến thời đại 2.500 trước tây lịch, dân Aryas này, tự bắc Á đông là Tây-tạng mới đổ xuống miền nam ở dọc theo sông Hằng hà (Gange), sanh con đẻ cháu ra là dân Ấn-độ và Batur bây giờ.

Từ đó dân trí lần lần rộng mở, mỗi dio Védisme thờ nhiều thần, mới sửa, đổi lại thành ra Đạo thờ vị thần độc nhứt là Thiên Thần tuyệt đối, là Trời là Thượng Đế.

Người ta cho rằng Thượng đế có chọn truyền cho đức Manou sửa đạo Védisme lại như vậy cho nên mới có sách luật đạo gọi là kinh Manou.

Mỗi đạo Trời đó gọi là đạo Brahmanisme người Tàu kêu là đạo Bà-la-môn hay là Đạo Cô Phậ.

Theo kinh Phệ-Đà (Védas) là những bốn kinh chánh của đạo Bà-la-môn người ta ngó thấy rõ ràng rằng: trong thời đại ấy dân Ấn-độ đã tin tưởng rằng: cả thảy chúng sinh trong vũ trụ đều dưới quyền Thiên nhân của

Thượng Đế (*Racine de la loi, œil impérissable soutien de toutes créatures*)

Trước những kinh này lại có bốn kinh Shasta-bad cũng dạy tin như vậy, cho nên nơi trưng đầu thì người ta thấy có bài cung tụng công đức Thượng Đế như vậy :

« Thượng Đế là Ngôi một, hóa sanh vô trụ, kiên khôn, vô thi vô chung, thống ngự vạn vật bởi lòng bác ái vô lượng vô biên. » — Lại có lời dạy :

« Chẳng nên kiếm mà hiểu đấng Thiên-liêng-ngôi-Một vì đó là cơ mầu nhiệm vô cùng. Kiếm như vậy là đều tội lỗi. Ngày đêm hằng giữ một lòng thành kính và tôn trọng công đức của Ngài là đủ rồi.

Đấng Thiên-liêng đã định, trong thời gian vô cùng vô tận, có chúng sanh nào xứng đáng, thì Người sẽ truyền tinh thần của Người cho mà hiểu biết Người. Đồng thời chúng sinh chưa được vậy, mà Người đã định thì ắt sẽ có; cho nên người mới lập ra Ba-Ngôi trimourti (1) là Brahma, Vichnou và Shiva (quá khứ, hiện tại, vị lai) nhà chùa gọi là Tam-Thế. (2)

(1) Ba ngôi, trimourti đây, người Ấn-độ lên cốt mà thờ: một mình ba đầu sáu tay.

(2) Trong Tam Thế có ẩn cái lý giáo Luân Hồi là đường tiến hóa của con người, lại cũng có ẩn cái lý giáo Đạo có tam nguồn tuần hườn rộng mở.

Ba Ngôi đều chỉ một vị Đại Thiên Đế.

Đó, ba ngôi của đạo thờ Thiên Bà-la-môn, là gốc cội của đạo Phật bây giờ đây là vậy, mà vì sau lại có một bản kinh tên là Mahabharâta nói rằng trong Ba ngôi ấy, Ngôi Vichnou, là vị Trung Tôn là chánh vị thần chúa tể Càn-khôn lớn hơn hai ngôi kia là Brahma và Shiva; Cho nên từ đó trong đạo Bà-la-môn mới có sanh ra một phái Vichnoutistes, nghe theo kinh đó mà trở lại thờ nhiều thần, làm cho giáo lý của đức Manou phải sai lạc.

Bốn trăm năm sau, đức Vichnou giáng trần lấy tên là Krishna (1) mà chinh đốn đạo lại. Ngài dạy cho biết con người có chỗ liên thông với Thượng-Đế. Cái giáo lý của Ngài có chép vào kinh sách rõ ràng mà những nhà khảo cứu Phật giáo ngày nay, như Burnouf và Fuche đã có dịch ra đặt làm căn bản cho lý thuyết của mình.

Đức Krishna dạy rằng :

« Trong thể thân con người có một phần thiêng liêng tinh khiết là phần hồn mà chúng ta không ngó thấy được vì nó là diễm. Đến

(1) Sự thiết Krishna là một thầy tu khổ hạnh ở núi Himalaya, con bà Deranagay, được chon truyền.

khi xác hư là lúc chết thì hồn được thông thả; xuất ra khỏi thân. Nếu hồn không có nhiệm trần trược thì hồn bay lên cõi thượng thiên ở với những bậc thánh hiền, hiểu biết Thượng Đế Trái lại nếu linh hồn còn mê trần thì phải trở lại đầu thai mà sống nơi trần gian nữa.

Siêu thắng, được hay là không, là bởi những điều thiện ác của con người đã tạo ra cho mình trong cái kiếp đã qua rồi.

Muốn cho được trọn lành thì phải sống theo lẽ Đạo là lẽ cao thượng hơn hết các điều sáng láng; phải đi đến Thượng-Đế là bậc cao thượng hơn hết các phần linh hồn và sự khôn ngoan. Thượng-Đế đã sẵn có ở nơi mọi người.

« Ta với các người đã có đầu thai nhiều kiếp rồi. Ta biết tiền kiếp của Ta còn các người chưa biết được tiền kiếp của các người đâu ».

« Ta truyền bí pháp cho đây thì hãy truyền lại cho những kẻ có thể hiểu được mà thôi. Các người là kẻ hữu duyên nên mới thấy được trọn con đường đi; còn đám đông nhơn sanh kia thì chỉ thấy có một khoản đường mà thôi.

« Những việc làm bởi lòng bác-ái là công quả tốt đẹp nhất của con người dâng hiến cho Thượng-Đế.

« Đừng có sợ kẻ dữ mà chẳng dám gần nó đang điều dẫn nó trở lại đường lành.

« Muốn hiểu thấu đấng Vô-lượng, Vô-biên thì phải ở chỗ vô-lượng, vô-biên. Có một mình Thượng-Đế hiểu biết Thượng-Đế mà thôi.

« Những người trọn lành, trước khi bỏ xác thịt cũng có thể giao thông với các hồn ở cõi thượng thiên được vậy. »

Với bậc thượng thừa thì đức Krishna lại dạy :

« Ở trong vô trở chẳng chi là tiêu diệt là mất hết. Chi chi cũng không ngoài Đức Thượng-Đế. (1) Vì lẽ ấy mà kẻ hiểu đạo chẳng hề khóc người sống và người chết; bởi vì đời đời kiếp kiếp, Ta vậy, các người vậy, và mọi người cũng đều vậy, hằng còn mãi mãi ; Cả thấy chẳng bao giờ mất. Ngoài cái kiếp sống này lại còn cái kiếp sống khác nữa ».

Nói tóm lại cái giáo-lý của đức Krishna là dạy về hơn quả luân hồi, chỉ đường siêu

(1) Chỗ này chỉ rõ cho chúng ta thấy Đạo là Thượng-đế, Thượng-đế là Đạo.

thoát cho con người biết mà tự lập ngôi vị cho mình ngay sau trên cõi thượng thiên tiêu điều nhàn lạc. Cõi ấy gọi là Niết-bàn.

Nhị - kỳ Đạo - khai

Lối thờ Phật

Cái giáo-lý của đức Krishna chánh chơn đường ấy mà lâu năm lâu đời rồi cũng phải sai lầm vì chỗ thất kỳ truyền và cái tư tâm của các sãi tăng, bày đặt ra nào là vị ngôi chức sắc, nào là sắc tướng âm thanh dạng bề bề mê hoặc chúng sinh mà tranh quyền tranh lợi với nhau cùng là xưng hùng xưng bá.

Đạo chịu ảnh hưởng đó mà suy vi cho đến 700 năm trước tây lịch; khi ấy, đức Vichnou (1) mới giáng trần một lần nữa, nơi xác đức Thích-Ca là thái-tử đông-cung con vua Đô-đầu-ra (Shudodana) nước Ca-bi-la việt-quốc mẹ là Ma-ya phu-nhơn (Kapilavaskhu Népaul).

(1) Ấy là vịnh theo kinh sách Phật Ấn độ mà các nhà khảo cứu Phật-giáo nói vậy thôi.

Có phải Đức Vichnou trở lại một lần thứ nhì như vậy mà Đức Thích-ca được kêu là Thích-ca như-lại Phật chăng? nghĩa là cũng một chơn như quá khứ mà nay là hiện tại Phật chăng?

Thái-tử Thích-già, (Cakya) một ngày kia ngoại du hoàn thành, tình cờ thấy bốn cái khổ của kiếp con người là sanh, bệnh, lão, tử (đặng chơn truyền vốn thiệt là đây) thì người phát ra cái tư tưởng muốn đi tu cho tránh khỏi bốn cái khổ ấy. Người liền từ ngôi báu mà nhập môn cầu đạo theo sãi Bà-la-môn; tu theo lối tịnh-độ cao hứng, chịu khổ hạnh sáu năm ở trong rừng, đắc đạo nơi gốc bồ đề, Người liền giác ngộ, xưng mình là Phật, (1) thấy rõ các chỗ sai lầm nên mới trở về ở chung lộn với nhơn sanh đặng độ chúng.

Đức Thích-ca dạy con người phải biết rằng trên cõi cực lạc thế-giới có một vị Phật sáng láng vô cùng, chúa tể càn khôn gọi là đức A-di-đà Phật (2) là ngôi trên trước hơn hết các vị Phật khác. Đức Phật Di-đà (2) lòng từ-bi bác-ái vô-lượng vô-biên, độ tận chúng sinh ra khỏi bể khổ trầm luân mà rước về ở với Ngài nơi cõi niết bàn là nước Phật.

Con người mà muốn đặng vậy thì phải làm lành, làm phải.

(1) Phật là người sáng (illuminé)

(2) Adidà (Amida) là vị Đại-la Thiên đế lớn hơn hơn hết trong 5 vị đại bồ-lát. Amida personnifie la charité et l'amour, l'un des 5 boudhas éternels. « L'Au-de delà de la vie » (Dr. Edm Dupouy).

Làm lành thì chớ phạm đến năm điều tội lỗi sau này ; là ngũ giới cấm :

- 1° Bất sát sanh
- 2° Bất tà dâm
- 3° Bất du đạo
- 4° Bất vong ngữ
- 5° Bất ẩm tửu thực nhục

Còn làm phải thì ăn ở theo tám điều chánh này : là Đạo bát chánh

- 1° Chánh kiến (thành thật mà tin đạo)
- 2° Chánh tư duy (thành thật mà suy xét)
- 3° Chánh ngữ (thành thật mà nói năng)
- 4° Chánh nghiệp (thành thật mà làm việc)
- 5° Chánh mạng (thành thật mà mưu sanh)
- 6° Chánh tinh tấn (thành thật mà mong tới)
- 7° Chánh niệm (thành thật mà tưởng nhớ)
- 8° Chánh định (thành thật mà ngẫm nghĩ)

Phật lại dạy hãy trợn lòng nhân từ mà đối đãi với người với vật, phải kiềm thúc cái thân cho khỏi sa mê vào đám vật dục trần gian ; chẳng nên phân giai-cấp ; phải tiềm kiếm mà học hỏi cho thấy cái lý chơn là luật thiên nhiên tiến hóa đời đời, không sai chạy ; chẳng hề nên mê tín.

Đức Thích'ì ca cũng dạy lại cái giáo lý luân

hồi, rồi dặn con người phải vu mà trả quã và đừng có gây thêm cái nhân, trả rãnh rang nợ trần trong một kiếp cho rồi thì mới mong thoát được.

Phật lại nói rằng : « **Cái vô minh là nguồn cội của tứ khổ** » bởi vô minh mới mê sa theo đường công danh phú quý phù ba vật chất, luồn bõ phía đạo đức tinh thần, đến khi nhắm mắt từ trần là buổi thấy được sự lỗi lầm mà ăn năn thì đã muộn. Vì vậy mà Phật dạy : phải tiềm cái sáng, nghĩa là phải học hỏi và suy nghiệm (*apprendre et méditer*)

Nói tóm lại đức Thích ca không dạy đều chi khác hơn đức Krishna. Hai kỳ đạo khai cái giáo lý đều ở chỗ chỉ đường siêu thoát cho nhơn sanh mà dạy phép tu Tịnh Độ. Nhưng mà trong nhứt kỳ đạo khai người đời hiểu lầm rằng : tu thì phải xa lánh chỗ phiền ba não nhiệt, tiềm đến chỗ tịch mịch thanh cao, ép sát khổ thân, xem cảnh ngó trời mà luyện tinh thần, cầu được giao thông với cảnh ngoại (1)

Trong nhị kỳ đạo khai thì đức Thích ca cũng dạy tịnh độ mà Ngài dạy minh bạch hơn vì Ngài đã sáng chỗ sai lầm chung của nhơn

(1) La contemplation

loại, nơi gốc Bồ-đề, trong sáu năm khổ hạnh.

Đức Thích ca dạy tịnh độ đây là, mặc dầu ở chốn phiền hoa náo nhiệt, con người phải được lặng lẽ trong tâm, nghĩa là tập sao tiêu diệt được lục dục thất tình, thì mới sáng được ; biển lặng thì minh châu mới hiện là vậy. Người dạy chẳng nên xa đời, trái lại phải ở với đời mà tiến hóa theo thiên hạ, nên phải học thêm hoài. Dù chi không hiểu thấu lý chơn thì phải suy nghiệm cho ra lý. Tham thiền hay là thiền định (1) là vậy, là trầm tư mặc tưởng một cái vấn đề nào đó cho ra lý : chớ chẳng phải ngồi êm tịnh luyện thần mà trong tâm trí không có một tư tưởng cao thượng như người ta thường làm đâu.

Cũng như các vị Cứu-thế khác, đức Thích-ca chớ hề bảo người ta thờ mình. Ngài chỉ cho biết có Thượng-Đế là một vị Thần sáng láng vô cùng mà Ngài gọi là Phật A-di-Đà, đặng cho nhơn sanh vững đức tin về chỗ thưởng phạt thiêng liêng mà tu hành. Nhưng mà thời đời thường có vậy, hễ tin đồ đạo nào thì cũng kính thờ ông giáo chủ của đạo ấy trên hết các vị giáo chủ, cho nên đạo Bà-là-môn là đạo thờ Trời, từ đấy mới thành tục

(1) La méditation

kêu là đạo Phật, đạo Thích. Tại đó mà người ta mới hiểu lầm Phật khác, Trời khác.

Trước còn thờ một vị Phật thôi, là thờ đức A-di-Đà phật, như phái Nam-tôn là dân Ấn-độ, Ba tư, Xiêm-la, Miến-điện, Cao mên, thờ bây giờ đây vậy ; như thế thì cũng còn có cái lý thờ ngôi Thần độc nhất là Thượng đế. Nhưng sau rồi, đạo truyền bá lang rộng ra xa qua Trung hoa, Nam việt, là phái Bắc-tôn thì người ta thấy pha lộn dị-đoan sắc tướng vô nhiều quá. Bước cặng vô chùa thì thấy chẳng biết bao nhiêu là Phật. Đều ấy chẳng lạ, từ Thích-ca ra đời tới nay tính ra có 2.500 năm rồi, trong khoản thời-gian lâu dài như vậy, đạo đã thấy biết bao nhiêu là đều canh cải theo ý phàm, biểu sao chẳng sai lầm ?

Đạo Phật ngày nay trong xứ ta đã tới khoản đường truy lạc nào, tưởng chẳng cần phải nói ra đây làm chi, ai ai cũng có thể rõ rồi vậy.

II. — ĐẠO KHAI TẠI TRUNG-HOA TIÊN GIÁO

Đạo giáo.— Trong thời gian nhất kỳ đạo khai chẳng rõ là năm nào, tại Trung hoa có mở

ra mỗi đạo kêu là Đạo giáo (1) Một khoa giáo nói về luật thiên diễn, khai thiên lập địa, vạn vật căn khôn; nghĩa là dạy đạo Trời cho nên cũng kêu là Đại-Đạo (La grande loi ou la loi éternelle)

— Đạo giáo cũng như các nền đạo Tiên-thiên kia vậy : có khoa nội giáo bí truyền giáo lý cao siêu, lời nói bóng dáng khó hiểu, lại cũng nói đến phép luyện thần, khiển thần, khu tà, trừ quỷ, là cái lối học dành để **cho người được điếm đạo** ; mà hại thay, kẻ háo kỳ, đồ danh trục lợi, lại thường ham mê tà thuật ; cho nên chúng mới đem cái phương-pháp này ra mà tập luyện ; không dè rằng làm như vậy là mở cửa cho tà xen vào và chỉ bảo những tà giáo, phép phù, càng ngày càng lộng. Tại đó mà người ta cho rằng Đạo giáo không toàn chánh chơn, có pha lối bàn môn tả Đạo (tu la ngoại giáo)

Quốc dân thấy vậy, mất lòng tin nhiệm ; bởi thế mỗi đạo chẳng đặng hưng sùng và không có truyền bá ra khỏi nước được.

Đạo Lão. — Trong Nhị kỳ phổ độ Đạo khai tại ấn-độ, thì ở Trung-hoa có đức Lão Tử ra đời năm 604 trước tây lịch ; chính đốn Đạo-

(1) Người ta cho là của đức Hồng-quân đạo-tổ.

giáo lại hoàn toàn, rất đúng chơn lý. Từ đó đạo ấy mới được kêu là Đạo-Lão hay là đạo tu Tiên.

— Lão Tử là người nước Sở, tỉnh Hà nam, sanh tại làng¹ khỗ linh, quận Phước kiến. Tên thật Ngài là Lý-bá-Dương. Lão Tử là tên của học trò tặng cho ngài. Trước kia Lão tử có làm quan nhà Châu, sau thấy cuộc đời biến đổi, thế cuộc suy đồi, thiên-hạ ly loạn, Ngài mới từ chức mà đi tìm chỗ thanh tịnh ẩn thân, đến biệt tích. Người ta tin rằng Đức Lão-Tử là chơn linh của Thượng Đế, phân tánh gián sanh, nên tặng cho ngài là Thái Thượng.

Lão Tử là một nhà đại hiền triết Thánh hơn, còn Thái Thượng là ngôi Vô vi độc nhất (Le Très haut ou l'Être suprême). Muốn biết ngôi vô vi ấy có khác với ngôi vô vi Thượng Đế chỗ nào không thì chúng ta hãy đem ba bài kinh từ đời thượng cổ truyền lại, để xưng tụng công đức của đức Thượng đế là : Kinh Ngọc Hoàng Kinh Nhiên đấng Cổ Phật (Thích giáo) Đức Thái Thượng Đạo Quân (Tiên giáo) đọc mấy câu đầu thì thấy rõ.

Di truyền lại dấu tích của Nhị kỳ phổ độ, thì Đức-Lão Tử có làm ra một quyển kinh kêu là « Đạo Đức Kinh » dạy rõ con người phải

ăn ở cho tánh hiệp được với Đạo là ngôi Vô vi, cội Đức.

Đạo là gì ?

Tuy Đức Lão Tử không gọi là Thượng Đế chứ Người cũng nhìn nhận đó là một cái năng lực vô vi, dựng nên trời đất vạn vật (1) cái quang kiên khôn vô trụ. Vậy thì cái năng lực ấy, mặc dầu nó có cái tên gì đi nữa, thì chúng ta cũng phải hiểu có một ngôi Thần quyền; Bằng chẳng vậy thì cái danh từ Đạo nó đã trống rỗng nghĩa lý đi rồi, là vì nó không ám chỉ chi hết, hầu làm cái sở trụ cho người ta biết chỗ mà tưởng đến, mà kính, mà vưng. Như vậy thì phải lấy nơi nào làm căn cứ cho đức tin, cho mục đích, mà hành động theo lẽ Đạo ?

Không tưởng Đạo là Thượng-Đế thì con người phải mất hẳn lòng thành kính Trời Phật Thánh Thần ngay; bởi vì sống nơi cõi trần, cá nhơn đối với cá nhơn cũng đồng yếu đuối muôn phần trước những sự cảm dỗ. Nếu chẳng nơi nương dựa cho tinh thần, thì chưa ai dám chắc là mình tự kèm giữ xác thân toàn vẹn được.

(1) Trời đây là cõi trên cao xanh (ciel) chứ không phải là Thượng Đế (Dieu) đâu.

Do đó mà ta mới thấy cái chỗ cần ích của tôn-giáo.

Mà hại thay, trên đường tìm Đạo, đi đặng khá xa rồi, thì lại gặp một ngã ba nó làm cho người ta phải mờ hồ bỡ ngỡ. Cái lối đường Đạo ấy gọi là « Le panthéisme ».

Trong tôn-giáo nào thấy cũng có người đứng trong cái lối đường đó vậy, bởi duyên cớ nầy :

Nhứt kỳ Đạo khai, các Giáo Chủ đều dạy rằng: « Đức Thượng - Đế ở khắp mọi nơi, không chỉ mà ngoài thượng Đế ». Ấy là một cái giáo lý trước kia để mở rộng đường cho Tam Kỳ Phổ-Độ ngày nay. Ấy là cái yếu-lý dẫn chúng sanh qui nguyên, hiệp nhứt.

Tin như vậy rồi, con người khi đi đến ngã ba đường nói trên đây, lại tách ra làm hai ngã, vì bởi sự tưởng riêng của mình. Một phái thì hiểu rằng: vì vạn vật không ngoài Thượng-Đế, tức nhiên Thượng-Đế có ở trong vạn vật. Tưởng vậy rồi, kiên cử cho thái quá; không dám đá động đến sự sống của chúng sinh; thú dữ chẳng dám giết, vật hại chẳng dám trừ. Như xưa kia dân Chaldéen, cử cho đến đôi chẳng dám làm động đất. Cái chỗ kinh thái quá đó nó dẫn con người trở lại lối đường dị đoan mê tín như xưa, vì là sự kinh

tin vô lý. Ấy là đám vô học. Còn một phái khác thì trái lại, vì sự học mà có cái lý tưởng rất cao kỳ, thành thử coi Thượng-Đế quá rẽ. cho rằng Thượng-Đế với vật đồng nhứt thể, vì đâu đâu cũng đều có Thượng-Đế, thì Thượng-Đế không phải đáng phải kính, phải thờ. Tưởng vậy rồi hạng ấy mới mất hẳn lòng thành kính Trời, và trở lại cung phụng chủ nghĩa vô thần. Từ đó họ lần lần đem mình vào đường vật chất nào dè nào thấy (1) Nói đến đây chúng ta lại nhớ đến cái lý tưởng của một nhà văn nhưn hiền triết xưa là J. J. Rousseau. Tệ sĩ xin dịch y nguyên-văn ra đây cho độc-giã xem cho biết.

J. J. Rousseau nói với nhành bông dương cầm trên tay :

(1) On doit considérer, dit Bouillet, le panthéisme sous deux formes différentes: le panthéisme idéaliste, reconnaissant dans la nature un ensemble de modes de Dieu sans existence substantielle, aboutissant au mysticisme, et le panthéisme naturaliste, faisant de Dieu une forme générale, répandue dans la nature, se confondant avec lui et aboutissant au matérialisme.

— Il y a plusieurs sortes de panthéisme, dit Larousse; les uns considèrent Dieu comme l'âme du monde et le monde comme le corps de la divinité (Dieu est tout) Les autres regardent tous les objets de la nature comme n'ayant d'autre réalité que l'existence même de Dieu (tout est Dieu).

« Thiêng liêng đâu có hiện, có thốt, mà cho người được thấy được nghe; nhưng mà có ứng nơi lòng cho người biết được.

Mặc tình ai tưởng không, tưởng có, chớ không ai nên tưởng rằng: ta thật tình chẳng có tin. Càng nghiệm không ra, càng thêm kính mến, phận nhỏ hèn ta lại thốt với Thiêng-liêng.

Ở đây; Háo sanh, sanh vật; ta biết có mi vì ta biết có ta, muốn tìm đến cội đến nguồn mà ta hằng ngày niệm tưởng. Thiết dụng lý chơn xứng đáng nơi lòng ta, là ta phải coi ta như không có. Ấy là lối khoái lạc tinh thần. Ấy là lúc vui khoẻ thể thân vô cùng nhỏ hèn trước sự bao la vĩ đại ».

Lại cũng trên cái vấn-đề “tin có Thượng-Đế” này, ông Voltaire một nhà văn-sĩ hiền triết đồng thời với ông J. J. Rousseau có nói như vậy :

« Nếu thiết chẳng có đấng Thiêng-liêng Tạo-hóa, trước những điều đã thấy và đã hiểu, thì chúng ta phải đặt ra cho có một đấng Thiêng-liêng mà thờ mới phải cho ».

Nói tóm lại đức Lão-Tử làm cuốn « đạo-đức kinh » ra đặt hẳn việc dủ khuyến việc lành, chỉ trên có Đạo là Trời thưởng phạt phần hồn, mà bảo con người ăn ở cho giống như tánh

Trời thì linh hồn mới đặng thanh thoi, đến lúc từ trần mới nhẹ nhàn được mà trở về cõi trường sanh bất ử là Bồng-lai tiên cảnh.

Cái giáo lý ấy, nào có khác chi đâu với cái giáo lý của đức Thích-ca hai Giáo-Chủ đồng thời cũng đều chỉ một cái chỗ siêu thoát cho nhơn sanh, y như nhau, trên một cái nền chung mà đức Krishna và đức Hồng-quân Đạo-tổ đã đắp sẵn trong thời kỳ đạo khai lần nhứt vậy.

Đạo Khổng

Năm 551 trước tây lịch, cũng trong một thời kỳ với đức Lão-Tử, tại Trung-hoa có một Thánh nhơn khác xuất thế nữa là Đức Khổng-phu-Tử.

Khổng-Tử là một nhà đại-thánh triết và cũng là một nhà chánh trị Ngài sửa mối nhơn luân lại rất nên thuần thục cho đến ngày nay đây cả và thế-gian cũng đều công nhận là một nền luân-lý rất có giá trị và người ta cũng còn sùng bái luôn luôn.

Đức Khổng-Tử chỉnh đốn nhơn-đạo lại sắp ra làm ba mối năm giềng là quân thần — phụ tử — phu phụ và: Nhơn, nghĩa, lễ, trí, tín, dạy con người phải đối đãi với nhau cách nào cho

ra người quân-tử. Tuy là Ngài không có nói đến phần hồn mặc dầu, mà Ngài cũng không phải không tin có phần thưởng phạt thiêng liêng, cho nên Ngài có chỉ sự quả báo rõ ràng nhiều nơi trong lời dạy.

Chưa phải đến thời kỳ hàng thứ dân hiểu được mà thờ Trời cho nên Ngài để riêng phần việc ấy cho nhà vua lo lắng ; Còn bậc thường dân cũng được sự tin ngưỡn người trong cõi vô hình vậy. Chỗ ấy gần hơn, dễ hiểu dễ biết là phải lo thờ phượng ông bà cha mẹ đã qua đời. Ấy là phận sự của gia-đình. Nhà nào lo cho nhà nấy.

Ấy là một cái giáo lý rất chánh chơn việc làm rất đơn tiện mà mỗi người cần phải biết mà thiết hành trước rồi mới mong đi tìm Thiên đạo được.

*
* *

ĐẠO TẠI XỨ NHỰT-BỒN

Mỗi đạo xưa hơn hết trong xứ Nhựt bồn là đạo Shintoïsme nghĩa là đạo thờ chư Thần. Trên trước hết thì người Nhựt thờ vì thần Nữ Amatérosou (Quan âm là Thái-Dương) kế đó thì thờ chư Thiên Thần Kamis, Sau nữa thì thờ ông bà cha mẹ theo khổng giáo.

Đến sau đạo Shintoïsme sửa lại làm đạo thờ Trời-ba-ngôi, ngôi cao hơn hết là ngôi Thượng đế gọi là Amé — nomi — mousoubi — no Kami.

Cách thờ phượng chỉ có đứng bông và đọc kinh thôi.

Đến thế kỷ trước đây, đạo Trời-Ba-ngôi lại sửa đổi lại đạo thờ Trời ngôi-Một ; thờ phượng theo lối vô vi, không âm thanh sắc tướng.

Mặc dầu từ thế kỷ thứ ba sau tây lịch, đạo Khổng, đạo Phật đã có truyền bá trong xứ rồi (đạo Phật thì thờ đức Amida là đức A-Di-Đà) Thần đạo Shintoïsme cũng vẫn còn thanh hành hoài. Hiện thời trong xứ có đến 16 triệu tín đồ theo đạo ấy.

*
**

ĐẠO TẠI XỨ JUDÉE **là thánh địa của đạo Gia-tô**

Chẳng có bức tích chi do đời thượng cổ để lại cho tại đây đạo Trời khai lần nhứt ra thế nào và cái giáo lý ra sao hết. Nhờ một vài quyển sách viết ra lối thế kỷ cận đức Chúa

Giê-Giu ra đời là sách cựu ước Lévitique và Deutéronome mà người ta rõ được sự tin tưởng của dân trong xứ ra thế nào.

Theo sách ấy thì trong lúc đạo khai kỳ nhứt, nghĩa là lúc ông Moïse vưng lệnh đức Chúa Trời lên chót núi Sinai mà giảng thập điều răn cấm (1) thì dân trí lúc ấy cũng còn thấp thỏi như các nơi khác và chưa biết phần linh hồn là gì hết; cho nên trong mười điều răn cấm không có nói đến phần hồn. Trong thời đại ấy dân Du-dêu có cầu nguyện đều chi với Đức « **Jéovah** » Thượng-đế của họ là **Jahvé** thì họ cũng cầu xin cho cái kiếp hiện tại thôi. (1)

Đến thế kỷ thứ hai trước tây lịch, có một sắc dân trong xứ tên là dân Pharisieus biết được trong con người có linh hồn là phần không tiêu diệt, lại cũng có một sắc dân khác nữa là dân Esséniens biết thêm rằng có đức Chúa Trời-ngôi-một và tin linh hồn phải đầu thai trở lại trần nhiều kiếp.

Ông Joseph là một nhà sử-ký, dám nói chắc rằng: chẳng những dân Esséniens biết vậy thôi mà còn biết linh hồn gốc ở cõi tiên thiên xuống trần nhập xác mà ở trong con người, nhưng nó có chỗ giao thông được với cõi trên

nhờ một giây diễn thiêng liêng bao khắp cùng vũ trụ. Vì vậy mà chúng đã biết luyện thần đăng cầu giao thông với cảnh ngoại, biết tu hành, làm phước đức và biết kèm chế xác thân.

Sự tin tưởng và cách tu hành như vậy có nhiều phần giống với sự tu hành của người giữ đạo Thiên-chúa lúc sơ khai.

Lại cũng trong thế kỷ ấy, do nơi khoa nội giáo khẩu truyền « Kabbale » mà người ta tin rằng trong đời thượng cổ, đức Chúa Trời có ứng truyền cho con cháu ông Abraham nhiều điều huyền bí, mà ông Akiba có dọn ra một quyển sách đạo tên là Jétzira nói về sự khai thiên lập địa và ba mươi hai đường đạo đức.

Kế đó lại có đồ đệ của Akiba là ông Simon-bel-Jochai chỉnh đốn đạo Kabbale lại mà làm ra quyển sách đạo khác nhan là Zohar nghĩa là (yến sáng).

Trong quyển sách này có nói:

« Cả thấy phần hồn đều phải chịu sự khổ hạnh mà tiến hóa trong kiếp này qua kiếp kia, nhưng mà con người chẳng hề biết được trước những phần tiền định cho nó ra sao. Chẳng biết được phải chịu khổ hạnh mà chuyển kiếp như vậy mấy lần và chẳng biết

được bao nhiêu là hồn đã xuống nơi đây mà hãy còn ở lại đây nơi chưa trở về được nơi Thánh ngự.

« Các linh hồn đều phải trở về nơi cõi thiêng liêng, ấy là chỗ nó đã đi ra đầu thai, nhưng nó phải giữ cho còn tinh khiết như hồi ra đi thì mới về được. Bằng không được vậy thì phải trở lại trần nữa. Một kiếp không rồi thì hai, hai không rồi thì ba, cứ trở đi trở lại như vậy hoài cho đến chừng nào thiết hoàn toàn trong sạch mới thoát trần mà về với Đức Thượng-Đế được.

Người ta nói rằng quyển sách Zohar này làm ra là cốt để chỉnh đốn mỗi người Esséniens lại đặng dọn đường cho cái giáo-lý đạo Gia-tô ra đời.

Cũng như đạo Kabbale, Zohar là một khoa bí truyền, có dạy phép trừ tà, khiển tướng, bằng bùa chú, ấy là một lối học dành để cho lớp thượng thừa, nhưng mà đám thường nhơn vô học thấy có chỗ lợi dụng được để kiếm ăn nên ham mê mà học theo rồi làm ra nhiều điều tà thuật. Vì vậy mà đã nảy sanh ra lắm điều bất nhơn bất chánh.

(1) Dr. Pascale « L'Evolution humaine »

(2) Dr. Em Dupony « L'Aude la de la vie »

NHỊ KỲ ĐẠO KHAI

Thời kỳ Đức Chúa Jêsus ra đời

Người ta nói Đ. C. Jêsus, trước khi hành đạo có đến ở giữa dân Esséniens một ít năm. Chẳng biết có phải tại nơi đây mà Ngài được chọn truyền cùng chẳng? Điều ấy không ai rõ được. Nhưng có điều này ai ai cũng công nhận là sự thiệt hết, là cái lòng đạo đức của Đ. C. Jêsus tỏ rạng vô cùng làm cho muôn người đều phải kính mến. Vì vậy mà lối ba mươi tuổi Ngài đã qui phục được vô số tín đồ rồi đi giảng đạo các nơi. Đến đâu thiên hạ đều coi Ngài là một vị Cứu tinh giảng thế.

Về thiên đạo, Đ. C. Jêsus có dạy tóm tắt như vậy :

Trước hết phải tin có Đức Chúa Trời là Ngôi Thần Độc nhất mà thờ mến Ngôi ấy là cha cả thấy chúng sanh.

Sau lại phải tin trong con người có hai phần : một phần vật chất nên phải tiêu diệt là cái thể thân nó nhốt linh hồn ở trong là phần thiêng liêng, hằng sống đời đời kiếp kiếp.

Sau nữa phải tin rằng linh hồn có thể giao thông được với cõi Trời.

Về thuyết luân hồi thì Ngài có để lại lời này :

« Lễ thiết thì ta nói cho các người biết, chẳng ai mà thấy đặng nước Đ. C. Trời nếu chẳng có tái sanh lại nữa... »

« Trên nước của Cha ta có nhiều chỗ ở... »

Giăng về nhơn đạo, bởi cái lòng bác ái của Ngài nó đã đầy tràn cho nên lời nói nào cũng làm cho người ta cảm động vô hạn.

Ngài dạy :

« Người phải thương người bởi mỗi giây thiêng liêng buộc chắc cả thấy nhơn loài chung lại một nhà. Vì đó mà đối đãi với nhau phải có tình tương thân tương ái đặng hưởng được sự hòa bình hạnh phúc.

« Phải thương cho đến kẻ nghịch người thù, và tha thứ cho kẻ ghét hại mình. Hãy trã đều phải cho kẻ quấy, đều lành cho sự dữ.

« Tha tội cho người ta thì Chúa sẽ tha tội cho mình, bằng không thì Chúa cũng không tha tội cho đâu...

« Điều chi mình muốn cho người ta làm cho mình thì mình hãy làm cho người ta đi. Đó là cái luật Trời vậy.

« Đừng tham mê của đời mà quên kẻ khổ nàn tàn tật không ra tay tế độ.

« Phải sửa mình cho trong sạch đặng linh-hồn nhẹ nhàn hầu có ngày về với Chúa. Muốn về với Chúa thì phải vưng y theo sáu điều khuyên cấm này :

Chẳng nên sát sanh
Chẳng nên tà dâm
Chẳng nên thâu của phi nghĩa
Chẳng nên nói dối
Phải kính trọng cha mẹ
Phải thương người như thương mình

Xét kỹ lại thì Đ. C. Jésus cũng chỉ rõ « Đạo tại tâm », ngoài cái tâm Ngài không chỉ biểu cái chi hình sắc hết. Vậy thì cái giáo lý của Ngài có khác chi đâu với giáo lý của Đ. Thích Ca và Đ. Lão Tử ? Ngài cũng chỉ đường siêu thoát cho nhơn sanh ngay nơi chỗ linh hồn là phần thiêng liêng phải trở về Trời bởi luật luân hồi quả báo. Ngày nay chúng ta không còn thấy đạo Thiên Chúa tin sự con người phải đầu thai nhiều kiếp như xưa nữa, là vì có điều canh cải của người đời sau mà ra.

CÁC MỐI ĐẠO KHÁC TRONG THỜI KỲ THỨ NHÌ

Trong thời đại nhị kỳ đạo khai nơi nơi đều có Thánh hiền ra đời mà dạy đạo ; như

Tại bắc Phi châu thì có Đ. Mahomet mở mối đạo Hồi Hồi cũng dạy thờ Trời là Ngôi Thần Độc nhứt gọi là allah ;

Tại Hylap thì có Đ. Pythagore, Đ. Socrate, Đ. Platon, Đ. Aristote.

Đồng thời các Thánh giáo cũng y nhau như một trong ba chỗ yếu lý này :

Tin có Trời ; tin trong người có linh hồn là phần thiêng liêng và tin có luật luân hồi quả báo, nguyên gốc là giáo lý của nhà Phật Ấn-độ mà Đức Pythagore đã đến thọ truyền tại xứ Babylone.

CHƯƠNG THỨ IV
TAM KỲ PHỒ ĐỘ
GIÁO LÝ ĐẠO MỖ KỲ BA

Bước sang ngươn hạ là thế kỷ văn minh này, khoa học đầy tràn, trí tài con người rộng mở.

Dụng máy móc thay thế nhơn công mà làm cho mau, cho lớn, cho khéo, cho nhiều ; dụng khoa-học đoạt phép thần thông mà thâu không gian cho gần thời gian cho lẹ. Nào là thắng thiên, độn thủy, độn thổ, thâu thanh, truyền thanh ; biết bao là đều hay đều giỏi.

Ngoài sự cạnh tranh ấy tinh thần của con người lại còn xu hướng về đường truy lạc một cách góm ghê trong tâm tánh cá nhơn nầy sanh ra nhiều tư tưởng lạ kỳ, tin rằng : khôn thì sống mống thì chết, giàu thì hưởng, khó thì lo ; sống còn, chết mất v... v... Vì vậy mà

người biết có một kiếp hiện tại chớ không tin có kiếp vị lai, cho đó là việc đông dài, mờ hồ, mộng ảo.

— Nhưng luật trời đã định ; Đời, Đạo phải điều hòa. Đời xa Đạo, chớ Đạo chẳng xa đời. Đạo luôn luôn ở một bên đời mà sửa đời tiến hóa trong cái Lẽ-thiết. Phải vậy nhơn loại mới cộng hưởng được sự tiến hóa **vật chất** của đời. Nếu không vậy thì tiến hóa văn minh đó nó sẽ dẫn đời vào đường tiêu diệt.

— Nói đến đây chúng ta nên nhớ lại lời Đức Chúa Jêsus đã phán :

« Nếu các người thương ta thì các người hãy nhớ lời ta dạy bảo, rồi ta sẽ xin Cha ta sai thần Cứu khổ khác, xuống đây và ở luôn đây với các người »

« Đó là thần Chơn-ly mà người ở thế gian này
« không thể nào rước được, vì không thấy
« được; mà còn các người, thì các người sẽ biết
« được, vì bởi thần ấy sẽ ở với các người, và
« nơi các người. Thần Cứu khổ đó là Ngôi ba
« Thánh-thần vì ta mà Cha ta sẽ sai xuống đây.
« Sẽ dạy các người rõ đủ điều và sẽ làm cho
« các người nhớ lại những điều ta đã dạy các
« người rồi.

« Đến ngày chót Ta sẽ truyền thần Ta cho
« các xác thịt. Con trai con gái các người sẽ
« nói tiên tri. Trẻ nhỏ sẽ thấy rõ ràng, người
« già sẽ thấy chiêm bao. Đến ngày đó ta sẽ
« truyền thần của Ta cho tay chơn bộ hạ Ta,
« nam có, nữ có, chúng nó sẽ nói tiên tri.

« Ta còn nhiều chiên không ở nơi đây này
« ta phải đem chúng nó về, chúng nó sẽ nghe
« lời ta rồi sẽ hiệp lại có một bầy về một tay
« người giữ ».

Đó là lời của Jésus tiên tri, còn đây là lời của Đức Thích-ca.

Phật có nói: «Sau ta đây sẽ có một vị bồ-tát lớn hơn ta ra mà Cứu thế »

Đúng Cứu thế ấy là ai ?

Là Đại Bồ-Tát Ma Ha-Tát. Là danh hiệu Cứu thế hiện thời.

Ở thời kỳ đạo khai nào cũng vậy, lời thánh giáo luôn luôn có nhiều điều uẩn, đương thời không thể nào hiểu rõ được, bởi lẽ thiên cơ bất lậu. Mà hại thay người đời lại hay đem ra mà bàn, nên mới có việc sai lầm. Những lời uẩn đó, hễ đến thời kỳ ơn trên cho hiểu, thì có điều phát lộ ra liền; cũng như mấy lời tiên tri trên đây, theo thời cuộc này còn chi nữa là uẩn. Chẳng những Cứu thế xưa đã cho biết trước rằng sau này sẽ có Đạo Tam-kỳ Phổ-độ ra đời cách nào, mà lại còn cho hay rằng Tam-kỳ phổ-độ là *cơ qui nguyên hiệp nhưt* nữa rõ ràng như vậy.

Qui nguyên hiệp nhưt, là hai cái vấn-đề thường ở nơi lỗ miệng người tu hành trong cái thời kỳ này. Ai ai cũng đều biết vậy. Nhưng người thì hiểu vậy, kẻ thì hiểu khác, ý kiến bất đồng cho nên mới có sanh ra đều chia rẽ.

Theo lẽ thiệt thì thiên cơ chẳng bao giờ ai

hiều rõ, nhưng học đạo cần phải tìm lý, mặc dầu lý ấy là lý tưởng. lý luận cũng có chỗ bổ ích cho đức tin mình, miễn là nó đừng có ở ngoài cái lý chánh thôi.

Vì vậy mà chúng ta cũng nên đem hai cái vấn-đề đó ra đây mà giải thử.

Muốn tìm lý chánh cần phải đứng vào một cái địa-vị vô tư, bất thiên bất dịch, ngoài vòng tranh đấu của các tôn-giáo, chủng tộc, đảng phái; phải có một cái tư tưởng đại đồng một cái chí hướng bao la vô trụ bởi vì đây là tìm lý Đạo. Mà còn Đạo là tinh thần thì muốn luận đến cái yếu lý của Đạo ngày nay, chúng ta cũng phải để dẹp lại một bên những điều mắt thấy tai nghe, những trạng huống kim thời vật chất, những hình thể của đạo, mà tìm cái lý chỗ yếu yếu thậm thâm của Đạo mà thôi.

Trước kia chúng ta đã thấy nói : « Đạo là nguồn cội của vạn vật.

Vậy thì qui nguyên là đem về chỗ gốc, chỗ cội; là đem về Đạo chứ gì. Lại nữa Đạo là nguồn bác ái của Trời, như vậy thì đem về gốc cội cũng hiểu được là đem về chỗ bác-ái của Trời, là đem về bốn tánh thiên lương. Bởi « Đạo nguyên bốn nhưt » hễ sửa lại được trọn lành tánh như một, là hiệp nhưt là hết tư riêng.

Con người khác hơn loài thú nhờ trời ban phú cho hai cái báu là lương năng và lương tri. Lương năng là cái sáng tự nhiên biết phải.

Còn lương tri hay là trực giác (intuition) là đức tánh sáng tự nhiên lành, cũng gọi được là cái lòng nhơn.

Loài thú cũng có lương năng vậy, nhưng cái trí đó là một cái khôn tự nhiên không mưu tính; không rộng lớn hơn là cần để hộ thân và bảo tồn sự sống mà thôi. Đói thì biết kiếm ăn khác thì biết kiếm uống, bị loài dữ muốn sát hại thì biết chữa mình.

Còn nơi con người thì cái trí khôn nó rộng hẹp không ngăn tùy theo kẻ sáng người tối. Người xảo quyết một ngày tính được trăm mưu ngàn kế, nếu không có lương tri lương năng kèm một bên mà biện biệt đều hư lẽ phải cho, thì cái sự ác của con người bởi trí khôn mà gây tạo ra ỡ đời, biết bao mà kể.

Trí về phần xác là vật chất nên phải chịu ảnh hưởng của sự tập tánh con người mà thiên về thiện hay ác. Còn trái lại nhơn thì về tinh thần, có chất thiêng liêng không thay không đổi, mặc dầu ở trong xác nào cũng là một cái yển sáng thiên lương như nhau, rọi mãi đường ngay nẻo thẳng cho trí; nhưng nó không ngăn

cảng được tình dục. Tình dục cải quá tiếng nói của lương tâm, thì trí con người khôn trở nên dại, thiện trở nên ác, lương tâm bị áp chế như vậy hoài, thì bồn tánh con người phải truy lạc.

Bồn tánh con người đời nay bị phong trào tham dục nó đã đưa đi đến lối đường này rồi, nếu không có Đạo khai kỳ ba thì nó còn bị lôi cuốn đi xa thêm mãi.

Về phần vật chất như chúng ta mới nói trước đây, Nhơn sanh nhờ sự văn minh tiến hóa của đời mà được gần gũi nhau mỗi ngày mỗi thêm.

Gần nhau mà còn bị cái lòng tham dục ích kỷ hại Nhơn nó che khuất mất lương tâm thì gần chừng nào lại hại thêm chừng nấy chớ có ích lợi chi.

Nhưng phép trời đã định, đời phải tiến hóa trong lẽ thiết là luật điều hòa, vì vậy mà trong thời kỳ này Đạo phải ra đặng đem Nhơn sanh trở lại bồn tánh chơn như rồi mới có hiệp.

Tánh lành là thiên lương chi tánh, vốn là một điểm linh quang của tánh Trời nên chẳng bao giờ tiêu mất, khi mờ khi tỏ đó thôi. Tình thương của Trời vô lượng vô biên, nên gọi là bác-ái là lẽ thiết của Đạo-sanh vạn vật.

Muốn tìm lẽ thiết ấy thì chúng ta hãy ngồi

nhằm xem vạn vật trong vũ trụ kiền khôn rồi kiểm thử coi cho rõ cái lý của sự sống mỗi loài chỗ nào thì thấy liền cái lòng bác-ái của Trời vậy.

Mỗi loài trong vũ trụ là một phần tử trong bộ máy trời thường cử động vì sự sống chung cho chúng sinh; nên phải cử động theo cái bộ máy ấy luôn luôn trong lý đó. Riêng tư không được.

Lấy một cái ví dụ gần trong châu thân con người đây mà xét, thì cũng đủ ngó thấy được.

Trong bộ máy con người, chúng ta có ngó thấy chỗ nào chẳng phải vì lòng bác ái của Trời mà có ra vậy không ?

Từ sợi tóc, chưng lông, cho đến tay chơn, mắt mũi, cả thấy ngũ tạng đều có chỗ cần ích cho sự sống của chúng ta hết.

Vì sự sống chung đó mà cả thấy ngũ tạng phải cử động một cách điều hòa cùng nhau luôn luôn, bằng có chỗ chinh lịch trong một tạng nào thì cả và châu thân phải ốm đau tiều tụy.

Bây giờ ngó ra ngoài lấy một ví dụ xa trong vũ trụ, thì chúng ta cũng thấy như vậy. Vạn vật từ nhỏ chí lớn, cả thấy chúng sinh cũng có

một sự sống chung với nhau trong bộ máy lớn của trời.

Nào loài thảo mộc, nào loại thú cầm, đều sanh ra trong cái lý giúp ích cho nhau.

Có cỗ trâu bò ngựa mới sống được, trâu bò ngựa sanh ra đặng giúp người, mỗi vật mỗi loài sanh ra nơi đây bởi lý Trời định phải hy-sinh cùng nhau mà tiến hóa. Còn con người là tối linh chi vật, há lại đứng ngoài cái lý đó hay sao ?

Vậy muốn sống trong lẽ Đạo con người phải tìm cho đến chỗ bác ái và hy-sinh ; tại vậy mà thánh giáo thường nói ; con người sanh ra ở cõi này là kiếp *luyện thần* và lập công bồi quả. Luyện thần đây là trao đổi tâm tánh cho sáng cái ý Trời.

Muốn bác ái thì phải tập luyện tánh cho rộng lòng hơn, muốn hy-sinh thì phải giúp đời, phải chịu hẹp mình vì chúng.

Vì hai lẽ đó mà mấy kỳ Cứu thế ra đời cũng đều nhắc nhở hơn sanh có hai điều là « *Thương và Thí* »

Thương đây là lấy lòng hơn mà đối đãi với mọi vật mọi người, còn thí đây là giúp của, giúp công và giúp lời nói.

Vào đệ Nhứt thời kỳ đạo khai chữ Thương còn ở trong châu vi nhỏ hẹp, vị kỷ vị thân, lần quần lối gia đình lân quyến.

Vào đệ Nhị thời kỳ đạo khai, tình thương thêm nơi rộng. đi tới lối chung tộc đồng bào. Đến nay là thời kỳ hiện nhứt qui nguyên, thì cái lý tự nhiên của tình thương đó nó phải tùy thời vật chất văn minh tiến hóa nầy mà mở rộng lớn ra vô tận vô biên đặng bao hàm cả khắp mọi nơi như lòng bác ái của Trời vậy.

Thánh giáo thường dạy « thương người phải thương, chưa phải là bòn tách thiên lương, thương được kẻ nghịch người thù mới là bác ái »

Lại có câu « bác ái là nước trên đời cao chảy xuống, không mãnh lực nào ngăn cản nó được » (1)

Cái lẽ thiệt của tình thương trong đệ tam thời kỳ đạo khai nầy, phải đến chỗ thương rộng như vậy. Thương vì biết rõ một cội một nguồn ; thương không vị kỷ, vị thân, thương không vì lợi vì quyền ; thương cho phải chỗ thương, thương cho trúng tiết trúng thì, cho tánh lành tương hiệp ; thương như trời mưa, trời nắng, vì sự sống chung ;

(1) — Vô lượng vô biên, là đạo tràng, là lòng Bác ái đầy tràn như nước trên cao chảy xuống.

thương bởi lòng nhân, thương theo lẽ thiệt.

Đó là Chơn lý. Vì nếu đến thời đại này là thời kỳ Hiệp nhứt mà cái tình thương nó còn ở trong chỗ hữu vi hữu hạn như hai thời kỳ trước ; nói rõ ra mà nghe, là thương vì gia-quuyến, vì đồng hương, vì chủng tộc, thì trái lại cái tình thương đó là cái mối hại to cho xã hội ngày sau vậy.

Đều ấy dễ hiểu; vì chẳng khác trong một cái gia đình có nhiều con; lúc anh em còn thơ ấu ở chung một nhà; thương nhau là bản tánh tự nhiên trời phú, cái thương ấy là thương thiệt, không giả dối chút nào. Nhưng vậy mà có nhiều khi cha mẹ cũng còn phải dạy thêm chỗ thương nữa đặng lập tánh cho con biết thảo thuận cùng nhau mới tránh khỏi sự dành ăn dành chơi mà rầy lộn.

Khi con khôn lớn nên vợ nên chồng, tứ tán ở xa, gia đình nào cũng có phần thương riêng gia đình nấy. Khi ấy cha mẹ lại phải nhắc nhở chữ thương nữa cho con, đặng cho khỏi vì xa mặt mà lạt lòng, rồi lãng xao tình cốt nhục.

Đến lúc nên gia nên nghiệp; các con lại muốn tự trở lụng về mà chung hiệp đệ huynh ở gần cha gần mẹ; thì trước hết, cha mẹ cần phải biết cái tình thương của các con bây giờ

nó ra thế nào mới dám cho chúng nó gần nhau chớ. Đó là cái hay trong việc trị gia, nếu không vậy thì muốn gần mà trở nên xa, vì chữ bất hòa, tình ruột thịt trở nên gươm giáo.

Muốn đi tới bác-ái thì đầu tiên phải tập bốn tánh cho có lòng nhơn mở rộng đối với mọi việc. Nhơn là con đường giải thoát, là chìa khóa mở cửa Ngọc kinh. Bồ hẩn nhơn đi thì người không phải người của Tạo-hóa, mà vật cũng không phải vật có căn nữa.

Muốn tới mục-đích, phải chịu nhọc mình giúp đỡ mọi người. Tình cho thiết mà ý cho thiết; thương chỗ đáng thương, ghét chỗ đáng ghét; thương mà không hại, ghét mà dạy hoai; càng cớ ghét bao nhiêu, lòng thương lại càng đậm đà bấy nhiêu; không ý mình không tự phụ. Kể đói cơm người khát nước, đã là nhơn thì bốn bề đâu cũng là tình. Nếu không vậy thì cái kiếp sống ích kỷ chỉ biết mình đủ mà cười riêng, để người thiếu rồi khóc chung sao? Nghĩ vậy rồi vì lòng nhơn mình lại dặn mình: *cái tánh ích kỷ chia rẽ nên diệt trừ*. Mà đã diệt trừ được tánh này rồi, thì ta không nên làm cho ai khổ trong khi ta được sung sướng, cả xác thịt lẫn tinh-thần. Đó chỉ có bấy nhiêu mà gọi là lòng nhơn; thĩnh thoãng nó sẽ biến thành mối cảm tình vô hạn.

Mỗi cảm tình vô hạn nó dẫn con người vào một kiếp thung dung tự tại, bất hạn là ở cái địa vị nào, vì một cái lẽ *biết sống chung ở tạm, trong cõi trần này là cảnh phù sinh không miên viễn* nên không tư, không cố; cư trần mà bất nhiễm trần là vậy.

Giàu sang, khó hèn, đều coi mình như một tên kếp hát trên sân khấu của đời. Đóng vai tuồng nào cũng có chỗ hay. Phải biết chỗ hay đó mà làm cho tròn phận sự trong một buổi, là giúp cái hay cho trọn cả xuất tuồng, và cũng lập được cái thanh danh cao thượng cho mình về sau, là sự lâu dài, là phần chắc thiết.

Như chúng ta đã nói trước đây, muốn cho đến lối bác-ái thì phải chịu hẹp mình vì chúng, phải sang sót của mình dư cho người thiếu gọi là hy sinh. Hy sinh là đều rất khó làm cho những kẻ còn tham mê của đời. Bởi vậy nếu trong cái thời đọi kim tiền này, bảo người ta hy sinh mà chẳng vịn nơi một cái chứng bằng nào mà làm căn cứ cho lý thuyết, đặt chỉ rõ cho người ta tin chắc là trong cái kiếp sống tại trần con người còn có một cái mục-đích quý báu hơn là sự sang giàu ở thế nữa, thì ai đâu có chịu nghe.

Cái mục-đích quý báu ấy các đấng Cứu thế

xưa đã chỉ rõ rồi, là sự kết quả tốt đẹp cho cái hậu kiếp của con người, bởi lý công của Tạo-hóa trong sự thưởng phạt mà lập ngôi vị cho nhơn sanh. Nói tóm lại là Cứu-thế đã chỉ đường siêu thoát cho nhơn sanh rồi nơi luật. Nhơn quả luân hồi mà dạy Thương và Thí là cái phương-pháp làm lành, làm phải; là cái chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc kinh.

Bây giờ đây là Đệ Tam thời kỳ Đạo-khai. Hai ngàn năm đã qua. Cuộc đời biến đổi. Cứu thế dạy chúng ta những gì?

Cũng dạy Thương và Thí; bởi vì cuộc đời biến đổi chớ Chơn-lý không thay, có một điều là Đạo tùy thời mà rộng hẹp đó thôi.

Đạo rộng hẹp theo trí độ con người. Đối với xã-hội cũng như đối với cá nhơn, cách sửa dạy phải tùy dân trí, tùy kẻ sáng người ngu mà nói chuyện.

Cũng một cái tôn chỉ nhơn quả luân hồi mà nếu ngày nay còn giảng dạy như hai ngàn năm xưa thì chẳng bao giờ có hiệu quả, còn xưa mà giảng dạy như nay, thì chẳng bao giờ nhơn sanh thời kỳ đó hiểu thấu, thì cũng là đều vô ích.

Với người xưa Cứu thế nói: làm lành, làm phải, chết được lên Thiên đàng thành Tiên,

thành Phật, thành Thánh, thành Thần, hay là trở lại xuống nơi đây được ở địa vị cao, ăn trên ngồi trước. Còn làm dữ, làm ác, chết xuống địa ngục, làm quỷ, làm ma, hay là trở lại nơi đây mà làm người khó hèn, cực khổ.

Đó là sự thiệt, đó là lý chơn, là Đạo công bình thưởng phạt của Trời; nếu không có vậy thì làm sao cắt nghĩa cho được những địa vị của con người đời là sự hiển nhiên trước mắt. Làm sao mà chỉ chỗ chí công chí thiện của Trời trong cách sắp đặt ngôi vị cho người đời. Không vậy, hỏi: bởi sao người được làm quan kẻ lại làm dân, người giàu sang kẻ nghèo khó?

Không vậy, hỏi: bởi đâu mà có những thiên vị người ta gọi là Phật, là Tiên, là Thánh, là Thần, cùng là ma quỷ?

Đạo như hột sương buổi mai, lóng lánh trên lá cây ngọn cỏ; dầu có bao nhiêu hột treo đồng đành trên bao nhiêu nhánh thì cũng đều là một nhỏ nước trời, tinh anh trắng trong như điểm ngọc. Nhưng lúc sa xuống đất thì tự nhiên sắc lột màu phai, chẳng ít thời nhiều, dầu cho khỏi bụi trần pha lộn. Các thánh giáo từ xưa cũng vậy, tôn chỉ nào cũng là một cội một nguồn, lý đạo một tý không sai, nhưng bởi lâu ngày rồi có chỗ phải thất kỳ truyền, vì bởi ý phạm xen lộn.

Cũng tại vậy mà có phái đạo không nhìn nhận luật như quả luân hồi, cho rằng con người sanh xuống đây có một kiếp.

Lấy lý mà nghiệm thì chúng ta biết chắc rằng: làm cha trong một gia đình, tình thương con, ai cũng như nấy: không chỗ chẳng rộng dung. Đối với đứa con nên, sự thương là lẽ thường, đối với đứa hư, cái thương đã chẳng những chẳng không, mà thương lại còn thêm xót. Bởi chữ mỗi khi con lỗi đại, lòng cha cũng còn trông đợi hoài cho nó cải quá ăn năn; chớ có ông cha nào nổi một lần con đại mà đành chặt đứt tình ái tử bao giờ. Lấy đó mà gẫm thì đã cho Trời là Đại từ Phụ, có lý nào lại hẹp lượng hơn người phạm, chẳng rộng dung cho con một kiếp sai lầm, mà không cho trở lại cõi này cho đến ngày mãng duyên công quả.

Tại đây mà Phật có nói :

Cả chúng sinh đều là Phật; Phật độ tận chúng sinh.

Chỉ nghĩa chẳng người nào mà không trèo đến cõi Phật; mau chậm tại người thôi. Dầu người u ám bức nào Phật cũng đeo đuổi theo hoài mà độ cho tận cùng. nghĩa là lên xuống nơi cõi trần này mấy kiếp thì cũng độ đủ mấy kiếp.

Thánh giáo nay cũng nói vậy :

« Đạo chẳng bao giờ xa người, dầu người muốn lấy sức phàm mà chạy đua với Đạo, thì Đạo cũng cứ đua mãi cho đến Trời »

Hai câu thánh giáo này đồng một nghĩa lý.
Tại sao người xa Đạo ?

Người xa Đạo bởi vô *inh*, ám muội đây phải hiểu là tâm trí bị ám che mà không biết đặng Chơn lý.

Người bị ám muội bởi hai duyên cớ.

Một là vì bất minh hay là ngu dốt

Hai là vì quá ỷ lại nơi sức mình

Người ngu dốt thường là người vô học thiếu chỗ nghiệm suy, nên không phân biệt được đều thiệt lẽ hư. Những người như vậy lâm vào cảnh nào đắc chí được thì mê ; mê vật chất như mê tinh thần ; mê cho đến nỗi tối tâm, như kẻ đại người khờ không suy không nghĩ, cho nên kêu là mê muội.

Theo đời thì mê say không biết Đạo, theo Đạo thì mê tin bỏ đời. Trong hai cảnh mê chẳng cảnh nào đặng thuận theo lý Trời, Kiếp người dưng ấy không có tiến hóa.

Còn những người quá ỷ lại nơi mình mà phải xa Đạo, phần nhiều tuy là đứng vào hàng học thức mà theo lý đạo thì cũng cho là đắm

vô minh, bởi vì lòng dục đầy tràn, nguơn thần bị che án, nên không có ngó thấy đặng cái chỗ thiệt của kiếp mình mà đem thân vào giúp đời cho phải, rồi lại lấy mặt làm trái, bày ra những việc chẳng lành, nhiều hại hơn sanh thêm khổ.

Trong muôn việc đều ỷ nơi sức mình không chịu tin rằng có *thần minh báo ứng*.

Trong thế kỷ văn minh này những người như vậy là phần đông,

CHƯƠNG THỨ V

Lời tiên tri về cơ hiệp nhứt — Cơ Đạo
tràng và chỉnh đạo — Đại chơn truyền —
Đức tin luật nhơn quả luân hồi khi xưa
và ngày nay — Duy tâm vật

Tình đời thế cuộc như vậy, hiệp nhứt qui
nguyên cách nào cho được ?

Đó là một câu hỏi thật khó mà trả lời lắm vậy.

Nhưng mà cơ trời vận chuyển một cách bất
ngờ, thế sự như cuộc cờ, nào ai dè đó là cơ
hiệp nhứt !

Người tầm lý đạo, thấy cơ quan thì hiểu cơ
đồ, tin rằng muôn việc đều là quả là duyên,
trong duyên có quả, trong quả có duyên, rốt
cuộc rồi mới rõ bản cờ đời là trường đua
duyên quả.

Vì vậy mà gẫm xem thế sự rồi chúng ta nên
thăm hỏi thử : không mỗi lợi dục ai lại vược

biển bằng ngàn, không sự cạnh tranh làm sao hơn sanh tiến hóa ?

Đó có phải là cơ trời sắp đặt hay không ?
đặng mở lối dẫn đường cho ngày nay anh em trong bốn bể đặng gần như vậy rồi trở lại tranh đấu với nhau trong chỗ sanh nhai lập nghiệp mà dạy bảo, dìu dắt nhau lên đường tấn bộ văn minh. Nhờ gần như vậy mà mỗi tình mỗi ngày thêm khẩn khích máu thịt chung hòa, không còn phân chia màu da chủng tộc. Đâu đâu cũng gọi là quê hương được, cũng cả nước chim trời, cũng đồng bào đồng chủng.

Như vậy là cơ hiệp nhứt chớ gì. Nhưng hiệp đó cũng chưa đủ, vì hiệp vậy là hiệp như quần, tiến hóa đó là tiến hóa theo bề vật chất. Muốn cho được hiệp thiết thì phải hiệp tinh-thần, bằng không thì như chúng ta mới nói trước đây, muốn gần mà phải ra xa, muốn hòa mà ra mịch, vì còn chỗ vị thân vị kỷ.

Hiệp tinh thần thì phải dùng dây bác ái mà buộc chặc như tâm, phải cây tôn giáo mà dẫn về đường đạo đức.

Đây là một điều rất khó, trăm bề thêm khó, vì nhiều nỗi tự tôn, tự trọng của các mối đạo biện thời. Mấy ai mà chịu nhượng bộ cho ai ? Ai cũng cho mình là phải còn người ta là lầm lạc.

Lửa ác căm thiên niên còn đượm Giáo Chủ
nào dục tắt được cho ?

Mà còn một nỗi khó này nữa.

Chúng ta đều biết rằng hiện thời trong thế
gian có ba mối đạo đương thịnh hành hơn hết
là Đạo Thiên Chúa, Đạo Phật, Đạo Hồi hồi,
mà nhất là đạo Thiên Chúa, đã có thế lực mà
lại có tài lực hơn. Nhưng, nghĩ lại mà coi, đã
gần hai ngàn năm chẳng rồi, có thâu phục được
cả nhơn sanh trên hoàn cầu này hay chưa ?

Huấn chi nay là trong thế kỷ khoa học đầy
tràng một cách mau lẹ khắp cả năm châu, con
người đều xu hướng về văn minh vật chất một
cách phi thường ; bây giờ phải dùng cái giáo
lý nào cho phù hợp với đời, và cách phổ độ
nào cho mau lẹ mà cấp cứu cả nhơn sanh
trong thế gian cho kiếp ?

Đứng trước nhiều điều khó khăn như vậy
chúng ta mới thấy rõ chỗ huyền diệu vô cùng
của Đại chơn truyền phổ độ kỳ ba này là phép
thần thông tiếp diễn cõi trời.

Phép đại mật truyền này chẳng những đã
làm tiêu tan được các điều trở ngại nói trên
đây một cách dễ dàng như yến sáng mặt trời
làm tiêu hột sương mai trên ngọn cỏ, mà lại
còn đem được cái đức tin con người đời nay

lên đứng vững trên một cái nền tảng đời đời không xiêu không đổ, là khác nữa. Cái nền ấy là nền Chơn lý thiệt nghiệm (Vérité positive)

Như vậy mới thấy chỗ linh hiệu của lời thánh giáo sau này. Đức Chúa Jêsus có nói

« Cứu thế kỷ sau đây là thần giải khổ não (1)

Bởi là Thần nên Người mới nói thêm rằng : người trong thế gian này không tiếp rước được vì không thấy được.

Người lại nói rằng : Thần giải khổ não là Thần Chơn lý, sẽ dạy các người đủ đều và sẽ nhắc lại cho nhớ lời ta dạy bão hôm nay, vì nếu ta nói rõ ngày nay thì các người đâu có hiểu được.

Đó rõ ràng là thiệt như vậy. Ngày nay trong các Thánh giáo tiếp diễn cõi trời không có dạy chi mới lạ hơn là lời Thánh giáo của các đấng Cứu thế đã dạy khi xưa rồi, có một điều là dạy rõ hơn bởi nhờ trình độ học thức của thời kỳ này mà hơn sanh hiểu được một cách minh bạch rõ ràng rồi mới có thấy đức tin trở lại như cũ được.

Nếu trong cái thời kỳ này mà không có phép

(1) Esprit consolateur

« Đại chơn truyền » tiếp diễn cõi trời thì không thể nào độ nhơn sanh cho được, thứ nhứt là bậc thượng lưu trí thức, phần nhiều là hạng hữu căn, mà lại phải xa đạo hơn ai hết là vì bởi không tin sự huyền bí.

Vì những lẽ nói trên đây cho nên Tam-kỳ phổ-độ, không phải là một mối đạo nào hay là tôn-giáo nào mới hết. Vốn đây là một *cơ chĩnh đạo và đạo tràng* đăng qui nhứt đó thôi.

Chĩnh là chĩnh đốn lại y như qui củ, là đem về Chơn-lý hoàn toàn. Còn tràng đây là tuông ra như nước, chảy khắp mọi nơi là *Đại đạo hoát khai chơn truyền rộng mở*.

Mà chơn lý thì không hai, nên chĩnh đạo lại kỳ này trong khắp cả thế gian lời thánh giáo in nhau như một. Nơi nơi đều đem cái đức tin nhơn sanh đứng vững trên ba chỗ tin này :

Tin có Trời là ngôi Thần độc nhứt
Tin có hồn là phần không tiêu diệt
Tin có nhơn quả luân hồi

Ba đều ấy như chúng ta đã biết Cứu thế xưa đã có dạy rồi nhưng dạy chưa đủ đều như Người đã nói trước vậy, nên cái đức tin con người lâu ngày phải xiêu đổ. Đến nay phần đông tinh thần truy lạc xu hướng về

chủ nghĩa vô thần là nhà không chủ, xác không hồn, biểu sao không mặc tình múa gậy ? Những điều không nghe không thấy thì đâu có chịu tin, cũng như cái sự tin có kiếp vị lai trên đây là luật « Luân hồi » chánh là một cái lý giáo rất có giá trị, từ xưa nhiều dân tộc đã tin rồi, mà ngày nay thiên hạ cũng còn không muốn tin theo thay.

Xin lấy chuyện dưới đây mà làm bằng.

Chuyện trích lục trong bốn Thi ca của nhà đại danh thi sĩ Virgile người Lamả viết ra 600 năm trước chúa Jésus (Virgile: Eneide-Chant VI)

Sibyle dẫn Enée xuống Âm-phủ tìm cha là Anchise mà hỏi cho biết cái duyên kiếp của mình ra sao thì Anchise mới cho Enée rõ cái bí pháp Luân hồi như vậy :

« Đi xông vào một cảnh rừng tịch mịch, xa nghe cành lá khua như tiếng thẳm tiếng sâu, hai bên lại có dãy núi cao, giữa chảy giòng sông Léthé. »

Thấy có muôn trùng vạn điệp là hồn, đủ các thứ dân ở dương trần đang bay lơ xố hai bên bờ giòng nước.

Thấy vậy Enée mới hỏi : « sông đó là sông gì, người đó ở đâu mà đến làm chi đông như vậy ? »

Anchise trả lời rằng :

« Đó là những hồn đang sửa soạn đi đầu thai lại mà nhập vào trong xác mới, nên phải đến uống nước nơi sông này cho lú quên đi những chuyện trong kiếp trước ».

« Đã lâu rồi cha thường nguyện ước cho con đến được nơi này, đặng mắt thấy tận tường trong đám hồn này có biết bao nhiêu là người sẽ trở nên con cháu chúng ta vậy ».

Enée liền đáp lại rằng :

« Cha ôi ! có quả thật là hồn này còn phải trở lại thế-gian mà nhập vào xác thịt nữa sao ? »

« Ai khiến cho họ còn mê trần lắm vậy ? »

Anchise trả lời :

Muốn biết cơ mầu nhiệm của Trời thì con hãy nghe cha giải thuyết :

« Trước hết phải biết rằng chi chi trong vũ trụ, nào là trời đất, biển giã, nhật nguyệt tinh tú, cả thấy đều bấp thụ chung một thanh khí Thiêng liêng mà sanh ra. Có ra rồi trong đó lại còn hóa sanh ra muôn loài vạn vật khác nữa, như là loài người, loài thú, loài chim, loài cá, loài thảo mộc, còn trùng cả thấy đều có một phần hồn mà sống.

« Hồn ấy là điểm linh quang gốc ở nơi Trời, bản chất thiêng liêng, bao giờ cũng phải nhẹ nhàn trong sạch. Nhưng vì bởi khép vô cái

khám xác thịt mà phải nhiễm trần vì muôn
đều tình dục, rồi phải chịu trọng trược với
bụi trần đến lúc lia xác thịt, thì hồn phải nặng
nề khó bay bổng đặng, nên còn lẩn quẩn là
đà nơi cõi thấp này mà chịu các điều hành
khổ như vậy, một ít lâu rồi mới tỉnh ngộ lại
được mà nhìn nhận lỗi mình. Chừng đó mới
nhập được vào nơi phước điện là đây mà ăn
năng sám hối cho công quả đủ đầy, đến ngày
nào cho tiêu tan được các đều trần trược rồi,
hồn đặng nhẹ nhàn như các hồn con đã ngộ
thấy trước sông Lethé đó vậy thì mới được
trở lại đầu thai lên kiếp khác ».

Câu chuyện này Virgile do nơi giáo lý luân
hồi của Pythagore mà đặt ra thi ca, xưa có
gần ba ngàn năm mà thiên hạ còn ca tụng.

Từ ngày tiếp được điển trời mà nói chuyện
với các người khuyất mặt là các phần hồn thì
cái đức tin người ta mới lần lần sáng lại.

Chẳng tin sao được, vì trong những phần
hồn đó phần nhiều là kẻ yêu mến của mình
về mà đem cho mình có đức tin một cách
không từ chối được nữa.

Hai chuyện sau này, trích lục trong « Thần
linh tập chí » số tháng Juin năm 1938 là một
trong cả ngàn chuyện khác như vậy, làm triệu

chứng rõ ràng cho lời nói trên.

Đây là lời của ông Docteur Carmelo Samona tự thuật.

« Ngày 15 Mars 1910 con gái của tôi là Alexand ine, mới vừa năm tuổi, bị bệnh mà từ trần, làm cho vợ tôi phải đau muốn chết.

« Chôn rồi ba ngày thì vợ tôi nằm chiêm bao thấy con nhỏ tôi về nói : « má đừng có khóc con nữa, vì con không có xa má đâu. Rồi đây con sẽ trở về gần với má »

« Cách ba đêm sau, vợ tôi cũng lại nằm chiêm bao thấy y như vậy nữa; nên lấy làm lạ mới thuật chuyện lại cho một người chị em thân quyến nghe, thì người ấy bảo vợ tôi hãy kiếm cuốn sách « Cái kiếp con người » của Léon Denis mà đọc, bởi vì có lẽ con nhỏ của tôi sẽ đầu thai trở lại trong nhà tôi.

« Nghe vậy thì hay vậy, vợ tôi cũng buồn rầu hoài; mà lại không tin được rằng sẽ có thai, vì mới đã bị mổ trong cơn tiểu sản đây, thì còn gì có chữaughén nữa được.

« Một ngày kia, lúc ban mai, trong nhà đương chum nhum lại mà nói chuyện thì nghe gõ cửa ba tiếng. Một đứa con tôi chạy ra mở cửa thì không thấy chi hết, làm cho phải ngẩn ngơ cả đám.

« Những điều lạ kỳ đã đến như vậy làm cho vợ chồng tôi phải để ý, mà dùng thử tới cái cơ tiếp diễn chỉ chữ.

« Liên đêm đầu thì có hồn nhập cơ, một hồn xưng là con Alexandrine của tôi, một hồn là em gái tôi chết hồi mười lăm tuổi, tên Jeanne, nó nói về giúp cho hồn con tôi nhập cơ.

« Con tôi nó cho trong bà con hay rằng trước ngày lễ Noël nó sẽ trở lại trong nhà.

Rồi đó thường thường trong nhà tôi mỗi đêm mỗi có cầu cơ vì con gái tôi nó nói rằng nó về được như vậy trong ba tháng mà thôi, sau ba tháng thì nó phải nhập xác, về nữa không dặng.

« Ngày 10 Avril 1910 thì vợ tôi trong mình như có thai.

« Ngày 4 Mai chúng tôi đi ở Vénético thì còn tiếp được diễn của con gái chúng tôi nó cho hay rằng nó sẽ trở về thế gian với một hồn thứ hai nữa cũng đi đầu thai với nó.

« Được tin liên liên như vậy mà vợ tôi cũng chẳng nguôi lòng buồn bã nhớ con; nghĩ vì dầu cho có thiệt phải là con gái tôi nó trở về đi nữa thì hình tích đâu có in như nó khi xưa

mà gọi là con Alexandrine trở về cho được. Ai dè bõn của em tôi là con Jeanne thấy rõ cái chỗ còn nghi ngại của vợ tôi như vậy, liền cho hay rằng (Adille là vợ tôi) đừng có lo sự đó mà con nhỏ nó sẽ giống hịch như xưa không sai đâu, nó lại còn có vẻ đẹp hơn nữa là khác.

Qua tháng Aoút thầy thuốc coi nói vợ tôi thật có thai mà lại song thai.

« Qua 22 Novembre 1910 vợ tôi đẻ ra hai đứa gái khác hẳn nhau từ nước da cho tới mặt mũi, mà có một đứa giống hịch con Alexandrine ».

Dr. Carmelo Lamona

Năm 1912 trong tạp chí Revue Théosophique « Ubtra » có bài của ông quan ba Italien tự thuật như vậy :

« Tháng tám năm 1905 trong lúc vợ tôi có thai được ba tháng thì đương lúc nằm tại giường, còn thức rõ ràng, mà lại thấy đứa con gái nhỏ của chúng tôi, nó đã chết hơn ba năm rồi, ứng hiện về mà nói với mẹ nó rằng « má, tôi sẽ trở lại với má đã » rồi biến mất. Vợ tôi mới thuật chuyện này lại cho tôi nghe và xin như quả thiệt để ra con gái thì cho đặt lại tên Blanche, là tên con nhỏ đã chết rồi đó.

« Tôi cho là chuyện mơ mộng mà mặc dầu không tin cũng bừa chịu như lời của vợ tôi xin cho bằng lòng người đàn bà đó thôi, bởi vì trong cái đời tôi tới khi đó thì chẳng bao giờ tôi chịu tin cái thuyết đầu thai nhiều kiếp. Con người ta chết thì mất chớ trở lại đâu được.

Sáu tháng sau vợ tôi đẻ ra một đứa con gái giống hệt con Blanche, thì vợ tôi lấy làm vui mừng hết sức, còn tôi thì cũng không có tin gì hơn, cho sự giống ấy do bởi mơ tưởng của người mang thai mà được vậy thôi, chớ có chi lạ đâu.

« Lúc con nhỏ được sáu tuổi thì lần lần nó giống thêm con chị nó cho đến lời ăn tiếng nói và nét na mọi bề. Như vậy cũng chưa đủ làm cho tôi tin đó là con Blanche đầu thai lại.

« Đến khi có xảy ra việc này tôi mới chịu đổi ý cho.

« Con Blanche là chị con bây giờ có một con vú nuôi tên là Marie người Thụy-sĩ nói tiếng Langsa cho nên mỗi lần nó ru em ngủ thì hay hát một bài hát tiếng Langsa tên là Cantilène.

« Đến khi con nhỏ tôi chết rồi thì con vú nó trở về xứ nó, nên trong nhà tôi từ đó

không ai nghe cái bài hát đó nữa hết và cũng không ai biết mà hát lại mà nghe.

« Chín năm lặn lẽ đã qua thình lình một bữa kia tôi với vợ tôi đương làm công việc khich bên phòng ngủ của con Blanche nghe vẫn vẫn có tiếng ai hát bài Catilène trong cái phòng ấy.

« Lấy làm lạ quá vợ chồng tôi lật đật bước vào thì ngó thấy con Blanche đương ngồi trên giường còn thức, con mắt mở trao trao mà hát một cách rõ ràng theo giọng Langsa hằng hồi cái bài ru em đó mới là kỳ cho chớ.

« Vợ tôi hỏi thì con nhỏ tôi nó trả lời liền rằng: nó hát bài hát Langsa (mà có ai dạy nó tiếng Langsa bao giờ).

« Mẹ nó mới hỏi ai dạy con hát vậy ? thì nó trả lời không ai dạy hết, tôi một mình biết hát thôi.

« Từ đây tôi mới chịu tin rằng có kiếp luân hồi.

Capitaine Florendo Battista

Những chuyện như vậy, ai có đọc nhứt trình đạo như « Thần linh tập chí » thì thấy, chẳng phải là lạ, vì cũng thường có.

Đại chơn truyền dạy rõ phải tuân có đấng Tạo-hóa chúa tể càn khôn vũ trụ, dầu ngôi đó người đời đặt tên là Trời, là Đạo, là Đức Ngọc Hoàng Thượng-Đế, Đ. Chúa Trời, Đ. A-di-đà Phật, Đ. Allah hay là chi chi đi nữa theo tôn-giáo đã thường kêu, thì cũng là một vị thần độc nhất, Cha chung của muôn loài, chí công chí thiện, sáng lạng vô cùng, mắt thấy khắp mọi nơi, chăm công quã cho đời mà lập ngôi vị cho phần hồn trong tam giới.

Cũng một tiếng chuông thức tỉnh này mà nay cả hoàn cầu đều đang nghe một lược. Chuông kêu khắp cùng thiên thị thôn quê, kêu trong các tia lầu hồng, cũng như ngoài chòi tranh vách đất. Đâu đâu cũng đều đem được đức tin người về chỗ nhơn quã luân hồi, là một cái lý đạo mà ngày nay có nơi không còn tin tưởng nữa.

Nhờ tiếng chuông đó mà trong thế kỷ thứ hai mươi này Đạo Phật mới truyền bá ra được nơi châu Âu, châu Mỹ, rồi mới có phái Phật giáo gọi là Thông-thiên-giáo ra đời, khảo cứu chỉnh đốn giáo-lý lại cho phù hợp với lý chơn ; lại thêm có muôn ngàn khóm người đương giữ đạo Thiên-chúa mà lại tin luật nhơn quã luân hồi, rồi lập ra một chi phái

mới gọi là Thần-linh-giáo, đặc ra có Thần linh viện, dặng suy nghiệm, khảo cứu những vấn đề về phần hồn. Có nhiều danh nhơn đứng ra học hỏi những việc cảnh ngoài với người khuất mặt vô hình, dặng mà thiết nghiệm cho hoàn toàn thành ra một khoa học như các khoa học khác vậy.

Còn nói chi trong cõi Á-đông này là chỗ gốc đạo Phật, người ta còn tin luật nhơn quả luân hồi luôn luôn, thì tiếng chuông Tịnh-đế kỳ ba này đã thức tỉnh được biết bao nhiêu là nhơn sanh rồi.

Đạo *Cao-Đại* hiện thời trong xứ Nam ta đây là một chi trong đám thọ giáo nơi Thần linh mà chúng ta nên gọi chung cả thấy lại là *Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ*.

Các chi các phái của Đại Đạo ở cùng khắp năm châu ngày nay, đều là một tốp hương đạo của Thượng-Đế đang dọn đường cho cơ hiệp nhứt.

Dạy đời bỏ sự cạnh tranh vật chất mà theo lẽ Đạo, dìu dắt nhau lên đường tiến hóa văn minh, như vậy mới có thể chung hưởng được hòa bình hạnh phúc.

Tiếng chuông thiết là linh diệu vô cùng mà dân có tỉnh ngộ cả hết thấy nhơn sanh cho được !

Nghỉ lại đó cũng là sự thường thấy; trong trường hợp nào cũng vậy, có kẻ đi trước, người đi sau, mà lại cũng có kẻ không khứng dờn chơn chút nào hết vậy.

Có duyên cùng không có là đó; nhưng chạy trời đâu khỏi nắng, có đạo đã chuyển xây, không xây thì từ nhiên nó cũng chuyển.

Tôi đây xin nhắc thêm một vài lời sấm truyền của Đ. C. Jésus

Cứu thế có nói :

« Ngày nào Thần Chơn-ly đến, thì Thần ấy sẽ dạy đủ điều, vì bởi không có nói sự mình mà nói những điều sẽ nghe và nói cho biết những điều sẽ đến. Chừng thần Cứu khổ đó tới thì sẽ cho các người biết rằng đời đã đến ngày tội lỗi, đã đến ngày thấy công lý và đã đến ngày phán đoán,

Đến ngày tội lỗi vì chẳng tin nơi ta; đến ngày thấy công lý vì ta đã trở về Cha ta, các người không còn thấy ta nữa; đến ngày phán đoán vì đã kết đoán tội lỗi của chúa tể (1) nơi thế gian này rồi.

Chúa lại có cho biết trước khi gần đến ngày ấy thì sẽ thấy nhiều đại biểu ở thế gian và

(1) Con quỷ tham dục

khuyên nhơn sanh phải nhớ, đừng có thấy vậy rồi quá sợ, quá lo vì đó là lẽ tự nhiên của luật tiến hóa. Phải có buồn rồi mới có vui, thì chẳng khác người đàn bà khi chuyển sanh thì phải chịu đờn đau một lúc mà lúc đó qua rồi thì liền thấy sự mừng vì đã tạo được cho đời một người mới (1)

Sau rồi lại Chúa lại có dặn :

Chừng đó sẽ có nhiều thánh thần giã dối, mê hoặc nhơn sanh, và cũng bởi thấy những điều bất chánh bất minh như vậy mà cái từ tâm của nhiều nhà đạo đức phải nguội lạnh. Mà hễ ai biết kiên nhẫn cho đến cùng thì là Thiên ân được hưởng (St Mathieu XXIV)

Chúng ta nên biết rằng : Thánh giáo luôn luôn là lời nói bóng chẳng nên hiểu sát đề.

Cuộc đời xây chuyển chẳng phải trong một thời gian ngắn ngủi năm mười năm gì mà con người trông thấy sự biến đổi được.

Cơ trời xây chuyển một cách không ngờ, từ từ bước một. Ác đổi ra thiện, trược đổi lại thanh, cũng nơi tay con người tạo ra mà kết quả lại. Thay đổi thế sự một cách điều hòa, thái bình, trật tự, không dè, không thấy.

(1) La Génèse selon le Spiritisme de Léon Denis pages 417, 419, 421.

Trong cái đời hạ nguơn này, việc của cá-nhơn, của gia-đình, của chủng tộc, của quần chúng, đều từ từ theo luật nhơn quả mà vay trả rảnh rồi; trên mặt địa cầu này sẽ tiêu hết trước còn thanh, hết dữ còn lành, nhơn sanh sẽ sống trong cái đời mới, thung dung tự tại phù hợp với cái cơ tiến hóa thiết mà chúng ta nên gọi là Đời duy tâm vật tiến hóa cả vật chất và tinh thần; tiến hóa trong luật điều hòa của vũ trụ. (1)

Duy tâm thì dụng đức, duy vật thì dụng tài.

Nói tóm lại là phải gồm đủ cả đức và tài. Tài không đức là mối giặc phá hòa bình. Đức không tài là mầm yếu hèn của chủng tộc.

Duy tâm vật theo thời đại này chánh là tiến hóa trên con đường văn minh toàn hảo, sống theo Đạo và đời.

Về phần vật chất thì lấy khoa học làm nền đã phải rồi, còn về tinh-thần thì cái đức tin con người còn xao xiểng lắm, vì bởi trong các tôn giáo hãy còn thấy nhiều giáo lý bất

(1) Có lẽ nhờ khoa học mà ngày sau này người ta thấu được thần diệu của con người rồi những điều gian trá không còn thâm tính và dấu kín được nữa, thì tự nhiên không còn thấy sự quấy nữa. Người người đều chơn thật, sống trong một bầu trời vô lự vô ưu, đó là thần tiên, nơi hồng lai lạc cảnh chờ gì. Đất Thuần trời Nghiêu là vậy.

hợp thời vụ, làm cho người ta không nhứt quyết được phải theo đường nào, nên xa Đạo. Chưa có chi là thiệt nghiệm hết, Mới trong lúc này nhờ tiếng chuông tiếp diễn cõi trời mà nhơn sanh được đề ý về phần hồn một cách rõ ràng hơn xưa một chút đó thôi.

Nhưng mà trước đây chúng ta đã nói rằng : được chơn truyền là mới nắm được mối giềng Chơn lý đó thôi, con người còn phải dày công quan sát, kinh nghiệm, khảo cứu lâu dài mới ra khoa học thiệt nghiệm hoàn toàn, chừng đó đem ra mà thiệt dụng mới là phải phép và vững ý.

Vậy thì « Đại chơn truyền » ngày nay là cái phép thần thông tiếp diễn cõi trời, vốn là một cái vấn đề rất còn mới chưa thiệt nghiệm khảo cứu hoàn toàn, thì có dùng nó cần phải có biết nó ít nhiều rồi và lại phải cẩn thận cho lắm mới được ; bằng không thì cũng như các khoa học khác, khi ban đầu còn đứng trong thời gian thí nghiệm (électricité, Rayon X) có nhiều người vì sự sai lầm mà phải chịu bị thiệt hại cho đến đời phải bỏ mình.

CHƯƠNG THỨ VI

Phần hồn — Điện quán — điện vật, điện thần — Vô tuyến điện — sự Thương phát — Thiên đàng, âm phủ — Siêu thăng, sa đọa — Cốt đồng, cơ bút — Sự lợi hại của cơ phổ thông đạo.

Trong khoa học tiếp điện cõi trời có nhiều vấn đề khác nhau như :

Radio télégraphie (T. s. f.) hay là giây thép gió, là phép dùng điện trời mà giao thông với nhau trên cõi trần này bằng những dấu riêng là chữ giây thép.

Radiophonie là vô tuyến phát âm ; phép dùng điện trời mà nói chuyện với nhau hay là truyền âm thính, ca nhạc cùng khắp thế gian.

Radiotélévision gọi là vô tuyến phát ảnh, là phép dùng điện mà rọi xa, hình thiết hay là hình chụp, cùng khắp cả địa cầu.

Radiésthésie là phép rút điện đặng tìm người tìm vật trên mặt đất hay là dưới đất ; tìm chỗ đau của bệnh nhơn, tìm thuốc cho bệnh uống, thử điện của người cho biết tánh ý và tư tưởng của người ra sao.

Còn nhiều phép lạ nữa ở trong cái lối điện quang này mà chúng ta chưa biết được, như là điện trắng điện tím, điện vàng vân.. vân... mỗi sắc điện đều có một cái tánh chất và năng lực riêng; nó sẽ đem lại cho cái đời văn-minh này nhiều sự lợi dụng rất hay và một cách phi thường, chúng ta nào dè nào tưởng. Những điện mới lạ ấy ngày nay còn giữ bí mật ở trong phòng thí nghiệm của các danh nhơn khoa học, vì bởi hai lẽ rất quan hệ này : một là chưa thiết nghiệm hoàn toàn, hai nó là cái dao hai lưỡi bén, sợ chưa phải đến thời kỳ nên dùng, đem ra mà dùng gấp thì ắt có đều hại cho nhơn sanh.

Những phép ấy đều bởi một gốc mà ra : bởi sự *Rung động điện* cho nên đứng chung nhau trong một khoa học.

Tiếp điện cõi trời theo lối dụng cốt đồng (Spiritisme) như là xây bàn, xây rế, xây quạt vân vân... cầu cơ, chấp bút, bóng chàng ứng thính, minh kiến, tham thiền, tịnh luyện,

cũng trong cái lối học này, nhưng nó có khác một chút là tiếp diễn của phần hồn mà giao thông với người cảnh ngoài là người vô hình, người khuất mặt: *Điễn* ấy gọi là *điễn thần*.

Khoa học này đứng về mặt tinh thần, tâm lý, nên gọi là tâm thần khoa học (science psychique) còn các phép kể tên trên kia cũng là tiếp diễn mà đó là *điễn vật* *điễn* người, nên đứng về mặt vật chất; thuộc về vật lý khoa học (science physique).

Bước vào cái lối học này thiệt là chúng ta còn dốt nát, tối tăm vô cùng, cũng như đêm hôm xông vào một cánh rừng mênh mông vậy; lẽ thì làm thỉnh đi mới phải nhưng mà vì cái bài này nó có cái nhãn đề là: *Tam-kỳ Phổ-độ Đại chơn truyền Cứu thế kỳ ba*, nghĩa là nói về kỳ Đạo-khai này, mà cái sự dùng đồng cốt đặng tiếp diễn trời chánh là cái cơ quan phổ độ của đạo, thì chúng ta tưởng cũng nên nói chút đỉnh theo cái chỗ thấy của chúng ta trong Thần linh khoa-giáo ra đây, họa may có giúp được ít nhiều điều chi cho bạn đương dùng cơ bút chẳng.

Như độc-giã thấy có chỗ nào tệ-sĩ hiểu lầm, xin miêng chấp.

Đây nói về tâm-lý, về tinh-thần, thì xin nhắc

lại hai câu sau này, đặt vịn theo đó mà làm căn cứ cho các cái lý thuyết.

Sách Sâm truyền xưa có nói: «Đức Chúa trời tạo nhơn loại giống như Người vậy» (Dieu crée l'homme à son image) Câu đó nói bóng, đem lại đứng gần bên Thánh-giáo này thì thấy nghĩa lý rõ hơn. «Người giống Trời bởi tánh linh thông khắp cùng vũ trụ, mà muốn nên Trời phải học tập lắm công phu» Lại có câu này: «Cái sáng là ngày, cái tối là đêm» Chỉ nghĩa sáng là trong, tối là đục.

Cũng ý nghĩa đó mà chúng ta lại thấy trong sách Đạo-giáo có nói: Khi chi khinh thanh thượng phù giã vi thiên; khi chi trọng trược hạ ngưng giã vi địa.

Trong sạch nhẹ nhàn thì nổi lên làm trời (là thanh cao) còn đục dơ nặng nề thì trầm xuống làm đất (là bã cặn).

Đó là cái luật thiên nhiên khai hóa và tiến hóa, chẳng bao giờ mà thấy có chỗ trái với cái luật ấy được (loi de la pesanteur).

Trong con người có hai phần: một phần thiêng liêng là linh hồn và một phần vật chất là xác thịt.

Linh hồn là một điểm linh quang của trời,

tánh chất linh thông sáng láng, nhẹ nhàn, chẳng bao giờ lu mờ, lấm nhơ trọng trược. Thể chất thiêng liêng không có sanh thì không có tử, bất tiêu bất diệt.

Phần vật-chất, thể thân xác thịt có sanh nơi trần trọng trược thì có tử như vạn vật mà tiêu tán ra tro bụi ở lại nơi đây.

Linh hồn còn trong xác thì sự sống hởi còn, linh hồn ra khỏi xác thì con người chết.

Ngoài phần xác thịt và phần linh hồn thì con người lại còn một phần thứ ba nữa là cái *bóng vía*, cũng gọi được là xác thân thứ nhì.

Bóng vía là cái hình thứ nhì của xác thân, mà cái hình đó là diễm quang nên không thấy được và không sờ được. Nó bao trùm cả thân thể con người, nên cũng bao luôn cái linh hồn ở trong như cái lồng kiến bao cái ngọn đèn, như cái vỏ ballon bao khí cầu ở trong vậy.

Bóng vía là diễm quang nên không tiêu diệt như xác thịt. Khi hồn lìa xác thì nó xuất ra với hồn mà qua ở nơi cõi vô hình.

Trong lúc người còn sống nó cũng có khi ra khỏi xác được, là khi người ngủ, hay là mê mệt trong lúc đau.

Người tu hành đắc quả khi còn sống tại tiền cũng xuất thần được vậy; cái vía ra khỏi thân được như vậy gọi là *xuất thần*.

Linh hồn tánh chất thiêng liêng nhẹ nhàn, trong sạch, nên khi con người từ trần thì tự nhiên nó phải bay bổng lên cõi trên. Nhưng mà có khi bay bổng được, còn có khi lại bay không được. Bay không được là vì còn bị những dây chằng niếu kéo nó ở lại cõi này, như ballon chưa cắt đứt dây chằng vậy.

— Những dây chằng đó là bụi trần, trọng trước làm cho cái bao ngoài của linh hồn là cái bóng vía phải nặng nề mà ở là đà lại nơi cõi trần này là nơi khí cầu hấp với nó, chớ lên trên, không khí nhẹ nhàn hơn không được; thì chẳng khác võ ballon bị bụi đóng nhiều rồi, tuy trong có khí cầu nhẹ nhàn hơn khí trời ở ngoài mà ballon cất lên không nổi. Như ngọn đèn tuy cháy tỏ mà cái lồng kiến ngoài lấp bụi dơ thì đèn trong đâu có rọi sáng ra ngoài xa được.

Cái lẽ *siêu thăng* hay là *sa đọa* là vậy.

Siêu thăng thì hồn được về ở cảnh trên, mà trong cảnh này cũng có nhiều bậc thanh khí nhẹ nhàn khác nhau, cho nên vía được trong sạch bậc nào thì hồn bay cao đến bậc

đó mà thôi, lên cao nữa không đặng; bởi vậy trong phật giáo có nói: cõi trời có nhiều tầng, thánh giáo Chúa Jêsus có nói: nhà Cha ta có nhiều chỗ ở.

Cả thấy bậc cao này đều kêu được là nước *Thiên-đàng, bông-lai tiên-cảnh, cao-đài cảnh, niết-bàn cảnh, cõi Phật v...v...* là cảnh thanh nhàn, sáng láng, tiêu diêu cực lạc.

Người ở trong cảnh cao thượng này có tên là *Thiên-thần, là Thánh, là Tiên, là Phật.*

Còn những hồn bị sa đọa thì còn ở là đà nơi cõi thế-gian này, lẩn lộn chung quanh với chúng ta đây. Chúng ta không thấy họ mà họ thấy chúng ta. Họ lại thấy tâm tánh và tư tưởng của chúng ta nữa. Những hồn ấy gọi là hồn ma.

Những người trong lúc nhắm mắt mà còn tiếc của đời, sa mê vật dục, thì chết rồi cũng còn đeo đuổi theo những sự trần dục hoai, như khi còn sống vậy. Mà hại là bây giờ không còn xác thân nữa nên chẳng biết làm sao cho thỏa dục tình được, rồi phải uất tức muôn phần khó chịu. Bởi vậy đến khi có dịp gặp người nào ở trần thế mà đồng tư tưởng với họ, nghĩa là hấp bóng vía với họ, thì họ liền khiến được làm theo ý muốn của họ ngay.

Lời tục nói như vậy là bị quỷ dục.

Quỷ chẳng hề dục được người không có tư tưởng vậy, vì không hấp diễm với nó.

Những người ác tâm ở trần thế làm đều tội lỗi thì vía phải tối tâm. Đến khi chết, hồn xuất ra diêm phù trong chỗ tối tâm (1) kêu *âm-phủ*.

Âm-phủ đây chẳng phải là một địa cảnh nào hay là một cõi trời nào hết, vốn là một bầu hắc khí, diễm trược của mình nó bao phủ hồn mình vậy thôi.

Những hồn như vậy gọi là hồn bị phạt hay là bị sa đọa.

Trước hết vì hồn không sáng láng thì không biết là mình đã chết rồi, nên chẳng rõ chỗ tối như vậy là đâu, phải kinh hồn hoảng vía. Chịu sợ hãi như vậy một ít lâu, rồi lần lần nhờ cái hồn bực cao là các đấng Tiên, Phật, Thánh, Thần rọi diễm quang xuống cứu vớt cho hồn định tĩnh, thì mới rõ là mình đã từ trần mà về ở cảnh khác. Khi đó trong chốn âm-cung đen tối, và trước mắt hồn, sẽ thấy diễm lại rõ ràng những tấn tuồng ác của người

(1) Bởi cái vía là cái bao của hồn nó dơ nên hồn phải chịu ở trong chỗ tối.

đã làm trên cõi thế-gian, diễn lại rõ ràng, in như rọi phim hát bóng vậy.

Càng thấy rõ càng kinh hồn, chẳng còn chối cãi chi nữa được thì hồn phải công nhận lỗi mình. Nơi đây là *Tòa nghịệt cảnh*.

Hồn tỉnh rồi còn phải ở chốn tối tăm này rất lâu mà ăn năn sấm hối, lần lần nhờ điển quang nơi trên rọi xuống mà vía được sạch lần; linh hồn đặng rọi sáng ra. Đến khi sáng láng đủ đầy rồi thì phải trở lại đầu thai xuống dương trần mà trả quã như các hồn ma kia vậy.

Nhưng đều mới nói trên đây, nghe qua như chuyện hoang đàng, vì vậy mà đời nay ít ai tin được; cho rằng ăn cơm dưới đất nói chuyện trên trời cũng phải, việc vô bằng vô có nói sao cũng đặng.

Đó chẳng qua là lời phê bình của những người đứng ngoài vụ, chớ đối với kẻ học đạo mà tâm lý, khảo cổ nghiệm kim, thì chẳng có chi là quá sự thiệt.

Những điều đó từ xưa đã có ghi chép trong sách Phật rõ ràng rồi; mà hồi nào cho là sự mờ hồ, là lời vọng ngữ, không tin được, cũng đành, vì không bằng không có; chớ như ngày nay đây trong cái thời đại nhơn sanh tiến

hóa cả vật-chất tinh-thần, không muốn tìm mà hiểu thì thôi, chớ muốn thì cũng thấy có đủ bằng cứ cho chúng ta tin được chớ!

Về mặt tinh thần Đấng chi tôn đã ban Đại-chơn-Truyền cho chúng ta giao thông tư tưởng với cõi ngoài, thì chúng ta đã có ngó thấy đủ hạng người trong cảnh vô hình này về mà nói chuyện lại với chúng ta đủ đều về phần số của họ, từ lúc mới nhắm mắt lìa trần cho đến lúc nào, tới lúc nào, sự thưởng phạt ra sao, thì đó chẳng phải là một cái biện chứng khẫu thiết sao?

Còn như muốn quan sát cho kỹ hơn nữa, tìm cho đến chỗ lý-chơn, thì bây giờ đây có khoa học điển quang là một phép học dạy về phương diện vô hình thì bấy lấy đó mà khảo nghiệm đi, có lẽ thấy được chỗ đáng tin mà, bởi vì trong những câu chuyện của người chết về thuật lại đó, chúng ta không thấy nó chi hoang đường theo lối xưa hết như là: Âm-phủ ở sâu xa dưới đất, có diêm đình mười hai cửa ngục, có quỷ sứ mọc vút, mọc nanh; chỉ nói sự thưởng phạt về tinh thần một cách đành rành, mà chúng ta ngày nay đã biết rõ rằng điển quang là cái hình, cái bóng không sai vậy.

Chuyện hồn là một cái vấn-đề rất dồng dài,

không thể nói hết ra đây được. Chúng ta xin nói sơ qua chút ít vậy thôi, đừng cho thấy rõ cái chỗ từ bi bác-ái chí thiện chí công của Trời. Trong cảnh thưởng phạt như vậy, Trời chẳng hề có can thiệp vô chút nào; hết dùng chữ thưởng phạt đây cũng còn chưa đúng, vì Trời nào có thưởng có phạt đâu; cái sự thưởng phạt đó chỉ thiết là cái phản-động (réaction) tốt đẹp hay là xấu xa của hành vi mình ở thế gian nó rơi lại cho mình thấy mà khoái lạc tinh thần nơi cảnh thanh thượng tiêu điều hay là phải kinh hồn hoảng vía trong chỗ tối tăm tịch mịch đó thôi. Ấy là cái quả nơi cảnh vô hình của cái nhơn ở trần thế. Vì vậy mà Phật có nói : « *Mình phải tự cứu lấy mình chớ không Phật nào làm được sự đó* ». Phật chỉ đường giải thoát cho mình, rồi mình tự liệu lấy mà đi trong hai đường: *thanh*, *trước* là luật thiên nhiên tiến hóa.

Đây xin trở lại nói tiếp theo việc cơ bút và đồng cốt.

Sanh ra trong địa cầu tương đối này, chi chi cũng có bề trái và bề mặt. Có trắng thì có đen, có tốt thì có xấu, có thiện thì có ác, có thiện thì có giả, vì vậy mà có phật thì có ma, phật ma, ma phật lẫn lộn; không phật thì ma chớ không không. Ấy là cái lẽ tự nhiên,

bởi vì không ma sao biết phật.

Muốn biết cái chỗ quan hệ của sự dùng đồng cốt mà tiếp điện trời, cần phải thông suốt ba điều này :

1° Đồng cốt là cái máy thu thần điện một cách với máy Radio thu quang tuyến điện. Máy radio làm mà thu điện dài thì mới thu được điện dài; còn máy làm thu điện vẫn thì thu điện vẫn thôi (mêmes longueurs d'ondes).

Đồng tử thanh thì mới thu được điện thanh, đồng tử trọc thì thu điện trọc, như vậy gọi là liêng điện hay là hạp điện (harmonie de fluide).

Thanh đây là thanh tâm từ thiện, không dục vọng từ tâm, không có tánh xấu.

2° — Chứng đàn tiên là người ngồi bàn máy vô tuyến điện. Thạo việc thì không đều ngăn trở, không thạo việc thì tiếp đặng điện không phải chỗ muốn thu mà không biết, hoặc loạn điện mà không hiểu duyên có.

3° — Những người hầu đàn là phong khí chung quanh máy radio mà lại cũng là nhiều cái máy radios phóng điện chung quanh một cái máy thu là đồng tử; cho nên có thể làm cho đồng tử tiếp điện thần của mình được, là

khi nào mình có đem đến đàn một cái tư tưởng mạnh mẽ. Vì chẳng khác máy radio đang chạy thâu điện nơi xa mà gần một bên đó lại có máy radio phóng điện cũng đang chạy; điện gần này liền cướp điện xa kia rồi ra loạn điện.

Trong đàn tiên mà bị như vậy, thì bài vở không có tinh khiết, phải lạc đề.

Lại còn đàn không nghiêm thì đồng cũng loạn điện; thí chẳng khác phong khí trời ở ngoài không thanh tịnh có giông gió, sấm sét, thì máy radio cũng động điện vậy.

Biết những điều đại khái này rồi, thì thấy rõ chỗ lợi hại của sự tiếp điện cõi trời là đường nào mới có sợ mà phòng ngừa sự rủi ro cùng là mới dám quyết định mà mình biện lẽ chánh lời tà đảng tránh xa khỏi lầm lạc vì sự mê muội mà lỡ bước; Còn không biết những duyên cớ đó thì tự nhiên, vì nhẹ tin và quá thành kính, quá sợ mà phải cúi đầu vưng lịnh, mặc dầu biết đó là điều chẳng đáng tin, phi chơn phi lý. Hại là hề chịu cúi phục một lần rồi thì mấy lần sau cũng chẳng điện nào khác hơn là điện đó nó lẩn quẩn theo mình hoài, vì đã hấp điện rồi; xưng hô ông này bà kia cho cao thượng mà bắt mình làm nô lệ.

Lâu ngày chầy tháng cả đàn đều bị liên điên mà tin tưởng như nhau một cách không còn phân biện phải chẳng ra sao hết. — Người ngoài ngó vào cho là một đám mê tín mà mình nào dè nào biết !

Người như vậy gọi là bị tà ám (cas d'obsession) nghĩa là người đã hết làm chủ lấy mình rồi.

Bị tà ám nghĩa là thần mình bị kẻ khác sai khiến. Thần mình bị người ta sai khiến rồi, có khi lại bị ám sát nữa, là bị điên trước ở ngoài lạm vô đầu óc rất nhiều mà bộ thần kinh phải mệt, phải đau trở nên người mất trí khôn, nói bậy, làm bậy như là kẻ điên cuồng (cas de possession).

Những người mê tưởng hoài vô một việc, những người thất chí, thì cũng đều bị vậy mà điên (Dục vọng là điên tà, là ma, đầu cái muốn đó chẳng phải là muốn sự quấy thì cũng vậy). Nếu ham muốn quá thì cũng phải nát trí khôn (Điên chữ, điên của, điên tình, bối lễ ấy).

Những người ép mình mà ngồi tịnh, mơ tưởng một sự ảo huyền, thì thần kinh phải mệt, trí não phải hư, cũng phải đau như vậy.

Có người tưởng rằng nhờ tịnh luyện mà họ

ngó thấy và nghe được phát trời. Nếu thiết quả có như vậy thì cũng chưa ắc đó là họ được phát huệ nhãn, huệ nhĩ.

Phần nhiều những người như vậy là kẻ đã bị tâm động quá lễ mà thần phải ứng theo. Thấy hay nghe đó là cái tâm với cái thần của họ nó ứng tiếp với nhau đó thôi ; (cas de subconsciousness).

Thì chẳng khác trong một nhà mà có hai cái máy radios ; một cái phóng điện một cái thu điện nó nói chuyện với nhau vậy thôi,

Tịnh cùng tham thiền, nhập định là lớp tối thượng thừa của nhà tu. Chẳng nên bước chơn vào lớp đó, nếu mình chưa chắc ý đã qua lớp dưỡng tánh tu tâm và đã thông suốt lý đạo. Vội làm thì là còn dục vọng. Dục vọng nó quẩn điện tà rồi trở nên *cốt đồng hồn ma* chớ đâu có phải là phát huệ.

Phát huệ như bông nổ, đến thời đến tiết tưới đơm đủ đầy thì tự nhiên ở trong nở ra tốt đẹp, chớ chưa đến thời đến tiết, bắt nó nổ ép thì nó phải hư.

Ma không biết chi cao xa hơn người ở thế gian. Chúng nó có hơn người sống chỗ này mà thôi là thấy những điều mà mắt thịt của chúng ta không thấy, thấy đến tư tưởng của

chúng ta nữa ; lại chúng nó ở khắp mọi nơi. Vì vậy mà không nên quá tin nơi đồng cốt bởi vì chúng nó có hồn ma dựa vào thì tức nhiên nói trước được hơn chúng ta trong mọi việc. Mà chúng nó có biết được như vậy là khi nào những việc ấy đã ứng hiện ra rồi kia ; hoặc là trong tâm của người ta hay là đã thiệt hành ra rồi nơi nào đó mà chúng ta chưa hay chưa biết.

Ma cũng như người thường hơn ở thế gian, chưa đức lực đức thất tình, nên có đủ hạng ma, ma hiền, ma dữ, ma tốt ma xấu, ma sân ma si, ma lừa gạt, vân vân....., Nhờ chỗ này mà người sáng trí có thể phân biệt được chỗ ma ma phát phát ; dầu họ có xưng hô cho cao thượng cách mấy đi nữa thì trong lời nói cũng có lộ chỗ thấp của họ ra cho mà thấy được.

Hồn đã siêu phàm nhập thánh rồi thì đâu còn biết cái thập tam ma nữa là gì, cho nên trong những lời phát tiên dạy không có chỗ nào từ tâm phạm lánh bao giờ.

Vì quá ỷ lại nơi thánh thần mà nhiều người nói rằng : Đạo khai là việc của Trời bao giờ thánh thần để cho ma quỷ lộn vào phá hại ; cho nên cơ bút bảo chi thì họ nghe

theo nấy. Đến rốt cuộc không thấy chi hiệu quả thì họ lại thêm rằng thánh thần thữ họ ; rồi cứ một mực tin đùa như vậy mãi.

Tưởng như vậy thật là quá sai ; bởi vì nó trái hẳn với sự thiệt mà cũng trái hẳn với lời Phật đã dạy khi xưa.

Khi xưa Đức Thích Ca có phán : chớ nên nhẹ tin mà vội nghe theo lời người ta dạy bảo. Dầu đó là lời trong kinh sách đem ra hay là lời của Ta nói đi nữa, thì cũng phải nghiệm suy cho chí lý rồi mới nên đem vào lòng.

Còn theo sự thiệt thì vậy : Bối thời kỳ này là thời kỳ Đạo khai, cho nên Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, vì lòng bác ái, mở rộng cửa trường thi cho người trong tam giới ra mà lập công quả. Hồn nào nhập cơ cũng được hết. Ma phật, phật ma đều được đua nhau mà độ đời. Ma thì độ ma, phật thì độ phật, ma Phật tại tâm người ; cửa lòng mình mở ra rước khách nào thì có khách nấy đến.

Gặp ma tu thì con khá, e cho gặp ma không tu, giã mạo danh thánh danh thần mà gạt nhơn sanh mới là hại cho chớ.

Mà nói cho phải, không ai tránh khỏi sự đó được, bởi vì dương gian là đâu, âm phủ



là dâu, trong đám đông luôn luôn người phải thì ít kẻ quấy thời nhiều ; hễ thỉnh cầu hoài phải gặp.

Nhờ khoa học ngày nay người ta đã lấy ảnh được hồn người khuất mặt rồi, nhờ hình vậy người ta mới thấy chung quanh một tên đồng tử có biết bao nhiêu là phần hồn chen dành với nhau mà nhập cơ.

Sự đó cũng là thiên ý. Vì lòng từ bi mà Đức Thượng Đế mới đề thông thả như vậy, đừng cho chúng ta học khôn mà cũng đề rộng rãi như vậy cho các hồn ma tự liệu lấy mà tu hành. Cho dùng cơ quan phổ thông đạo mà tu, tu thiệt hay là tu giả tự ý, thánh thần cũng phải đề vậy chớ không có phép cang thiệp vô chút nào hết. Vì có cái giả mới thấy cái thiệt.

Khổng thánh xưa có nói :

« Ai làm thầy mình cũng được hết »

Nghĩa là : phải quấy chi cũng là một cái bài học cho mình ; tự mình phải biết lựa chỗ mà gần hay là xa đó thôi.

Chúng ta nên biết cái chỗ đó cho lắm mà an tâm. Nếu mình không cạn suy mà đề cho lạc lắm thì đừng có trách thánh thần chi hết. Phải có vậy mới được. Lấy sự hiển nhiên trước mặt đây mà xét thì hiểu rõ thiên cơ : phải có gần đủ hạng người mới rõ thể tình bao nã.

Đừng vì bị lầm mà mất đức tin, cũng đừng thấy cơ bút quá tặng khen mình rồi mà quên sự thiệt.

Phải biết kiên nhẫn, phải biết xét mình; chính đây là cơ thử thiệt mà cái **không tâm** là phương pháp diệu mầu cần để sáng hộ thân trong cơn sóng gió.

Sau lại phải biết rằng trong việc đạo cái thiệt với cái hư thường lẫn lộn với nhau nên đừng đem chuyện của người tu hành trong thời kỳ này ra mà biện luận theo cái ý phàm của mình : biết đâu trong cái chỗ mình tưởng là dở đó nó có cái hay của thánh thần ? bởi vì các vị bồ tát thường dùng đủ phương pháp mà độ đời; tùy theo tâm ý phàm của người mà cho phép kẻ chết nói chuyện với người sống trong cái lối của họ ham muốn như vậy rồi, lần lần mới dẫn họ về chơn lý được.

Muốn cho cạn lời cùng đọc giã trên cái vấn đề rất quan hệ này, tưởng không chi hay bằng trích lục ra đây đủ những lời dạy bảo trong sách Thần linh học cho anh em thấy rõ chỗ lợi hại của nó là đường nào mà giữ cho khỏi vướng lấy diễm tà. Trong buổi này cơ đạo đương chuyển xây, nhẹ tin e phải bị dẫn vào đường lầm lạc.

Sách đồng cốt

Le livre des médiums

CHƯƠNG THỨ VII

BỊ VƯƠNG ĐIỂN TÀ HAY LÀ BỊ TÀ ÁM

Trương 308 — Bị dỗi gạt một đôi lần chưa phải là bị tà ám hay là bị vương điển tà, bởi vì đều đó thường có vậy : ma quỷ hay phá khuấy người tu hành lắm không ai tránh khỏi tay nó được.

Ngặt vì đã bị lăm gạt nhiều lần rồi mà còn đeo đuổi theo hoài cho bị gạt mãi tuồng như đã mê rồi, dứt bỏ chẳng dặng, đó mới thiệt là bị ám cho (L'obsession).

Mê mà còn khi tỉnh thì cũng chưa lấy gì làm hại, mê mà không tỉnh, lời tục gọi là mê tin, mê muội, mê ám, mới là thật hại cho

(La fascination). Người mà đến lối này rồi thì chẳng còn định tỉnh trí nữa mà phân biện đặng nẻo chánh đều tà, lời nào của đồng cốt viết ra, nói ra hay là tự bởi mình tiếp được thì tin chắc là thánh ngôn thánh giáo cả thấy mặc dầu có lắm chuyện hoang đàng dị đoan sắc tướng.

Đừng lầm tưởng rằng những người thật thà ngu dốt mới bị mê tín như vậy. Cái nạn mê tín nó chẳng chữa ai hết, trong đám ấy người ta có ngó thấy được đủ hạng người : người trí, kẻ ngu, người khôn lanh, kẻ thiệt thà, bởi vậy người ta mới cho rằng cái mê ấy chẳng phải tại người mà tại cái diễm ngoài lạm vô.

Cái sự mê tín là một điều rất hại to bởi vì con người mà bị ám muội như vậy rồi thì tà nó dẫn đi đâu cũng được, cũng như dẫn một người đui vậy, và nó làm cho công nhận nhiều cái giáo lý dị-kỳ, nhiều cái lý-thuyết sai quấy gọi được là lý chơn. Hại hơn nữa là nó xuôi dục cho đi lo lẩn làm nhiều điều trò cười cho thiên hạ lại cũng khi cang hệ tới tên tuổi mình và hại tới mình nữa,

Như đã nói trên đây thì có hai hạng người bị ám mê ; mỗi hạng có một cái tánh chất khác nhau hẳn.

Bị ám mê tron thì là bị một cái vong bắt ngờ nào nó theo mà phá khuấy như vậy thôi, muốn xa mà đức bỏ nó không dặng ; Còn ám muội thì lại bị lọt vào tay tà khôn lanh quỉ quyết hơn, mà thứ nhứt là giã dối bởi vì nó biết làm màu mè cho ra đủ mặt bực hơn từ đạo đức, dặng cho người tà thọ giáo nơi nó, nhưng mặc dầu khôn khéo cách nào, thì những người không bị vào cảnh đó cũng thấy dặng cái chỗ thấp của nó. Bởi vậy nó sợ những người sáng trí lắm. Cái kế nhứt của nó luôn luôn kiếm đều đem người của nó ra cho xa người sáng suốt dặng cho khỏi bày biểu đều chánh đáng, thì nó mới tự tung tự tác dặng yên.

Trương 310 — Có một cách bị vương diên tà khác nữa là bị ám xác (La subjugation) Bị ám xác là bị tà khiến làm nhiều điều rất đê hèn thô bỉ, mà không làm không được. Ai chẳng hiểu thì cho là người diên cuồng mà sự thật thì không phải vậy, vì qua khỏi lúc tà khiến rồi thì cũng tỉnh táo như thường và hiểu biết mình đã làm chuyện bậy, nhưng trong lúc bị khiến đó thì hành động một cách tự nhiên không kè né chi hết. Trong đám này người ta thấy có người hay tay cứ máy động múa men hoài, có khi miệng lại nói lấp đáp không nghe rõ nói lời gì ! Có kẻ tay viết mãi đi chỗ

nào đứng chỗ nào cũng là viết. Có người lại làm đến sự nhục nhã cho mình nữa : như một lão già kia xấu xa đề tiện đi đường gặp một người con gái đẹp sang giàu liền quì gối xuống giữa đường mà xin kết hôn với nàng.

Có người khác khi ra đường cứ đi ít bước thì dừng chơn lại quì gối xuống hun đất vài ba lần rồi mới chịu đứng dậy mà đi nữa (1).

Trương 311 — Bị tà ám là một điều trở ngại rất lớn cho cơ phồ thông đạo, bởi vì sự ấy thường có rất nhiều, cho nên hễ thấy lộ ra nơi nào thì mau mau kiếm cách trừ liền đừng để. Bị ám là luôn luôn bị ép uổng; đó là một việc Tiên Thánh chẳng hề khi nào có làm. Nơi nào thấy có sự ép uổng như vậy thì phải nghi rằng có tà xen. Nghi thì bỏ đừng có kể đến.

Muốn biết sao là bị vương diễn tà thì chẳng khó chi, cứ để ý vào mấy chỗ này thì rõ :

Tà nó muốn ám, thường làm những điều sau này :

(1) Bên xứ mình đây cũng có thấy hiếm sự bị tà ám như vậy. Như là đạo bay, đạo múa, đạo đánh võ, đạo nhảy, đạo đọc kinh bạch tự nói xàm đó là gì, chẳng phải là người bị ám xác hay sao ?

Trương 312 — 1° Bắt đồng cốt lên hoai và choán chỗ cho một mình nhập xác mà thôi.

2° Làm cho người ta mê muội mất trí phân biệt đặt tin rằng lời của đồng viết ra hay là nói ra là lời phải, mặc dầu đó là sự quấy.

3° Làm cho đồng cốt tin chắc là mình tiếp đặng điển côi trời, của Tiên của Phật, mặc dầu xưng hô giả dối cầu cao và lời nói thò phạm vụng bĩ.

4° Quá tin nơi lời khen tặng của nó.

5° Kiểm có xa lánh kẻ phải người ngay sợ người ta bày chỉ chỗ quấy của nó ra.

6° Giận ghét và xung đột với người đánh đổ lời nói của nó.

7° Khiến dục người viết ra hoai những bài những vở.

8° Khiến xác làm đều quái gở trò cười.

9° Làm cho nghe những khoa động mà chẳng biết duyên cớ ở đâu.

Trương 313 — Đứng trước những điều ruồi ro này tự nhiên ai ai cũng tưởng rằng dùng cơ bút là một sự hại chẳng nhỏ.

Tưởng vậy cũng phải mà chưa đúng sự thật vì những lẽ này.

Trước hết chúng ta phải hiểu rằng có người khuất mặt mới có đồng cốt, chứ không phải vì có đồng cốt mà mới có người khuất mặt. Mà những người này là ai ?

Là những hồn ma của người ở thế-gian khi trước, thì nghĩa là từ bao giờ tới bây giờ cũng có người khuất mặt như vậy luôn luôn và họ cũng ở chung lộn với chúng ta đây; lại cũng có khi khuấy phá chúng ta vậy. Mà khuấy phá một cách yêm liêm kín đáo, chúng ta nào dè nào biết; bởi vậy khi nào bị khuấy phá rồi thì chúng ta liền than rằng: đã bị ma quĩ phá.

Còn ngày nay đây, có cơ bút ra đời, họ nhập cơ mà nói chuyện, thì nghĩa là họ đã ra mặt rồi, thì đó là sự may chứ đâu có phải là sự rủi cho chúng ta, bởi vì biết có người muốn khuấy phá mình mà phòng ngừa, xa lánh họ trước đi, còn hơn là chẳng biết mà để cho họ phá ngầm.

Tuy là không thấy mặt họ thiệt nhưng mà nghe lời nói thì cũng đủ biết là hồn ở bậc nào, dầu có xưng hô cho cao thượng cách mấy đi nữa thì cũng có chỗ dấu đầu lòi đuôi làm cho mình biết được vậy. Vì chẳng khác được thơ của nhiều người lạ, tuy mình chẳng

biết ai là ai, mà mình cũng có thể xét theo lời nói trong thơ mà phân biệt được kẻ cao người thấp chớ.

Trương 314.— Tà ma khuấy phá người ta vì bởi nhiều duyên có.

Có người bị phá vì bị tiền khiên quã báo hay là nghiệt chướng oan gia với một cái hồn nào đó, mà họ về đeo đuổi theo dạng báo đời trả thù trả hận.

Có người bị phá về sự ganh ghét vô cớ, thường người đạo đức tu hành hay bị phá như vậy.

Có kẻ vô cang vô cớ mà cũng bị phá, là ruồi bởi sự bất ngờ, gặp những vong hồn truy lạc, số phận chẳng an, thì lại muốn làm cho kẻ khác cũng không an như mình vậy nữa, đừng cho đỡ thăm đỡ sầu đó thôi.

Trương 315.— Sau nữa có những hồn chẳng phải là tà, bởi vì có khuyến dạy được đều phải đều lành nhưng mà có tánh tự cao muốn cho ra mặt là người thông thái, hay truyền bá ra những lý thuyết theo tư tưởng của mình về khoa-học về luân-lý, tôn-giáo, triết-lý, luật-dời. Cho dạng người ta công nhận cái giáo-lý của mình là cao thượng hơn hết, thì hay gần với đám nhẹ tin, nhắm mắt tin đùa.

Mấy hồn ấy là hồn đáng sợ hơn cả thấy ; sợ tại nơi chỗ này : truyền bá ra một cái giáo-lý sai lầm thì có can hệ chi đến họ đâu, mà trái lại nhìn nhận giáo-lý ấy là lý-chơn, rồi dong ruổi trên một con đường truy-lạc, ấp yêu một tư tưởng mờ hồ mới là chuyện hại đáng buồn cười cho sự mò trăng đáy biển.

Biết người đời hay kinh phục những bức thánh thần nào, thì chẳng ngần ngại chi mà không xưng hô theo những tên ấy, lại cũng có khi dám phạm thượng mà xưng hô là Đức Jésus hay là Đức Chúa Bà nữa vậy.

Trong bài dạy, hay dùng nhiều tiếng cao kỳ, nhiều lời đạo đức ; chẳng hề dạy đều quấy, biết rằng người ta sẽ đánh đổ mình. Bởi vậy những người nghe theo thường hay chỉ chỗ đó mà bào chữa mình nói rằng : « Đâu có phải là tà, có nói chi quấy đâu mà cho là ma là quỷ ».

Trương 316.— Những hồn đó hay dùng bài viết mà dạy người ta cho nên hay chọn đồng cốt cơ học, viết bài viết vở được rồi tập cho nó vui theo mình đặt cho dễ sai dễ khiến. Nhiều lời nói lắm : lấy cái nói dông dài đó mà thay thế cho cái giá trị của vở bài ; khiến đồng tử viết ra không biết bao nhiêu là giấy

mực, đầy những lời ăn không tiêu nghe không hiểu: Nhờ vậy mà phần đông không đọc được. Đó là một sự rất may.

Hồn cao thượng không hề phô trương. Ít lời nói mà nghĩa lý lại nhiều. Bởi vậy cho nên cái nói nhiều đó là đều đáng nghi đáng sợ.

Hãy cẩn thận cho lắm; chớ nên đem ra in mà truyền bá những lý thuyết không có giá trị như vậy mà làm cho người mới biết cơ bút một đôi lần phải tưởng lầm cơ bút là vậy, mà lại làm như vậy cũng là giúp khí giải cho kẻ nghịch đạo họ kích bác thêm nữa.

Chẳng nói chi đến giáo-lý không giá-trị mà không nên in ra thôi, cũng còn có nhiều bài vở tuy là không phải không có giá trị, cũng không phải chắc là tà giáo, mà cũng không nên vội đem ra phổ thông nữa vậy; bởi vì đó là một sự làm vụng về, sai quấy, sai tiết, sai thì, thiếu chỗ càn suy.

Trương 316-317.— Có đồng cốt, lên thì xưng hô hoài có một tên, như phải thay thế cho vì nào khác thì cũng nói là mình thay mặt cho vì đó thôi; chớ không có xưng chánh danh là vì đó nhập cơ. Như vậy cũng chẳng nên tưởng là đồng cốt ấy bị ám, bởi vì có nhiều đồng cốt, chẳng hiểu cá khiêu của nó làm sao mà tiếp diễn nhiều chỗ không được.

Choán đồng cốt một mình, mà lại không chịu cho ai đem ra mà mình biện bài võ của mình mới thiệt là tà. Tà mới là không chịu sự sáng láng minh bạch như vậy thôi. Đồng tỉnh rồi mà cũng không kham chịu cho người ta đánh đồ bài võ của nó viết ra khi trong đàn, thì là nó đã bị ám; bởi vì lời đấu khẩu của nó đó là lời của tà ứng cho nó nói.

Trương 317.— Muốn trừ sự tà ám không có phương pháp nào thiệt nghiệm đặng là thần diệu hết. Nhưng mà biết tùy cơ chữa trị thì cũng có thể cứu dứt được.

Bị tà ám trợn thì dễ trị hơn hết; có một điều là bỏ dứt dùng cầu cơ nữa, đừng đi hầu đàn nữa rồi lâu dứt điển thì yên. Mới khi ban đầu thì cũng còn bị dục thúc, mà cũng có khi bị chọc giận, nói mịch lòng nữa, nhưng phải trị chí mà làm cho cái hồn nó biết rằng mình không có để cho nó gạt gẫm mình nữa được. Cứ một mực lánh xa như vậy hoài, lâu ngày chầy tháng thì dứt điển. Đó là sự dễ cho đồng viết còn với đồng nghe thì khó hơn muôn phần, bởi vì không muốn nghe cũng không được, hồn ma nó cứ theo một bên nói hoài, bịt lỗ tai lại mà cũng còn nghe, cũng như bị nó ám xác rồi vậy; Mà nghĩ lại, mấy

người bị như vậy cũng là tại nơi họ, bởi vì thật là có nhiều người ham nói chuyện với ma lắm, đừng nghe nói bậy bạ mà cười chơi với nó, rồi mới ra nông nổi vậy. Họ đã rù quên sự hại đến cho họ thì còn chi mà nói nữa.

Đối với những cơn bị ám xác như vậy thì có một phương phải cậy người ngoài chữa cho mới được ; hoặc chữa theo lối thời miên, hoặc chữa theo phương pháp đạo.

Chữa theo phương pháp đạo là cầu nguyện ơn Trên giúp sức thiêng liêng cho người bệnh được mạnh lại, cũng lấy lời đạo đức nhõ nhẹ mà khuyên lơn cái vong hồn tâm hướng thiện mà xa dứt kẻ đau ra. Nếu họ chẳng chịu nghe theo thì hãy bền lòng cầu nguyện và khuyến thiện mãi. Đó cũng là một phương pháp độ luôn phần hồn truy lạc. Thật là một việc làm rất khó mà lại không vui. Nhưng nếu có sự kết quả mỹ mãn thì cái công đối với đạo không phải là nhõ. Mà lãnh cái vai tuồng này phải thiết là người đạo đức mới được không vậy thì tà nó không có sợ.

Nhiều người thấy có lắm điều rủi ro thì nghĩ rằng : cấm tuyệt sự cầu cơ đi là hay.

Làm như vậy đâu có được, bởi vì cấm người sống thỉnh cầu người chết thì được, còn

làm sao mà cấm người chết thỉnh linh nhập xác người sống cho được.

Sự thiệt là vậy :

Dùng đồng cốt chẳng phải là đều có hại mà thật là một sự có bổ ích cho tinh thần ; Nhưng bởi vì người ta không hiểu, không biết rõ, cái bề trái của nó là đâu, rồi mê theo nó mà lạm dụng hoài thì mới có thấy sự hại thôi. Vậy hãy chỉ bảo cho người ta thấy rõ ràng những chỗ hại đó đi, đừng người ta sợ mà không dám mê nữa, tức nhiên là trừ sự hại chớ gì (1)

ALLAN KARDEC

(1) Hội Thần linh học ở Paris năm 1937 cố mở cuộc trưng cầu ý kiến của học hữu cho biết vì sao mà cơ phổ thông đạo không được tiến hóa mau lẹ như người ta tưởng thì phần đông người trả lời như vậy :

« Những người dùng cơ bút mà không hiểu cơ bút chính là người làm hại cho Đạo chớ chẳng phải là người giúp Đạo »

Le livre des médiums

Sách đồng cốt

CHƯƠNG THỨ VIII

Về sự xưng tên của người khuất mặt

Cái vấn đề xưng tên của người khuất mặt là một vấn đề còn phân vân lắm. Với người dùng cơ bút lâu rồi cũng chưa giải quyết được. Đó cũng là lẽ tự nhiên : lấy chỗ nào làm căn cứ mà nói chắc được.

Người sống có biết tên người khuất mặt thì chẳng qua là biết một ít danh hơn có tên nêu trong kinh sử đó thôi chớ đâu có biết cả hằng hà sa số Tiên Phật ở cõi trên bao giờ.

Tại chỗ này mà chúng ta lấy làm lạ sao Tiên cũng đồng Tiên, Phật cũng đồng Phật mà người thì giảng đàn hoài còn người lại không ngờ.

Sự thiệt là vậy :

Người ở trần thế muốn siêu phàm nhập thánh thì phải diệt tiêu cái bản ngã cho xong rồi mới được, cho nên khi lên đến bậc cao đó rồi thì không còn chút gì là riêng tư nữa hết. Tuy là phần hồn nào cũng lo lập công quả mà tiến hóa thêm cho nấy, mà cái tư về tâm tánh vốn không. Chung nhau là một khối tinh thần hằng ngày lo giúp Đạo (1)

Vì có cái đức tánh tốt đó mà sự xưng hô tên này tên kia đối với hồn bậc trên không có cái nghĩa lý gì quý trọng hết, chỉ đối với người còn sống nơi đây thì có cái hiệu quả quý trọng thôi. Bởi biết như vậy cho nên Phật Tiên Thánh Thần mới xưng hô cho có tên và lại hay

(1) *Cái nghĩa thiệt chữ Cao-Đài là cái khối tinh thần chung này đây chớ chẳng phải tên của Vi thần nào hết Đây là quần tiên hội — Bồng-lai cảnh « La Fraternité blanche »*

Lại trong vọng pháp qui tông có câu :

*Linh tiêu nhứt tháp thị Cao đài
Đại hội Quần tiên thữ ngọc giai
Vọng trượng hào quan từng thữ xuất
Cổ sanh bửu cảnh lạc Thiên thai.*

(Chiếu-minh-Đâu)

mượn những tên chúng ta đã biết và kính phục rồi mà dạy bảo chúng ta, đặt cho dễ bề mà độ chúng ta đó thôi.

Theo phép Đạo thì những hồn ở một bậc với nhau mới được mượn tên mà xưng hô như vậy. Nhưng mà tà ma đâu có kể lời phép là gì; cho nên họ cũng xưng hô lúng ông này bà kia cho cao thượng đặt dễ sai dễ khiến. Tại vậy mà chúng ta mới ngó thấy : chỗ này có Đ. L. T. B. giảng đàn chỗ kia cũng Đ. L. T. B. giảng đàn, mà Đ. L. này thì nói giọng này còn Đ. L. kia thì nói giọng kia, làm cho người ta không biết để đức tin vào đâu được.

Trương 334. — Tuy vậy mà có một chỗ dễ dễ ý lắm. Hễ tên cao thì bạnh đức phải cho cao, không vậy thì là hồn bậc thấp.

Còn đối với hồn xưng là người trong thân quyến thì lại còn dễ dễ ý hơn nữa. Hãy dò nơi lời nói, tiếng thường dùng trong khi còn sống hay là cái tư cách riêng của người, như không có inh như vậy thì chẳng nên vội tin.

Trương 336. — Dem những lời dạy đạo ra mà kiểm duyệt một cách kỹ lưỡng từ lời nói cho tới tư tưởng của người giảng đàn, cũng như mình xét mà phê bình một quyển sách mới vậy, rồi bắt bỏ đi. Đừng có ngần ngại chi

hết những chỗ bất chánh vô minh, xét cho ra cái bồn tánh của người giảng đàn là sao, thì là làm cho họ biết mình là ai, không thể dối gạt được, thì tự nhiên họ phải đang ra xa mình.

Có một lẽ đó là hay hơn hết làm như vậy thì không có lầm. Bài vở nào có tý tích thì đâu có lấp che được con mắt người sáng suốt ?

Đừng có ngại vì những hồn chánh trực không có ố kỵ sự kiểm duyệt đó đâu. Họ thường biểu mình làm như vậy mà. Có những hồn quấy mới hay ố kỵ, cãi cọ, chẳng bằng lòng đó thôi, vì là sự thất lợi cho họ lại làm cho người ta biết họ là giả dối.

Trương 330. — Nói tóm lại việc xưng hô tên không phải là điều cần ích chỉ có chỗ dạy đạo là quý trọng thôi. Nếu xưng hô là con ma mà ma biết tu thiệt, dạy được người đều phải, đều lành, thì có nghe theo cũng chẳng có chi là hại. Còn trái lại, xưng hô cho cao mà dối gạt người thì cần phải sáng mà biết xa lánh đi mới được.

Trương 332. — Lời Phật Tiên Thánh Thần nói ra toàn là lời chơn chánh lại chẳng hề có có lộn một tiếng thô phạm, cho nên dạy đều phải mà trong lời nói có lộn tiếng thô phạm thì rõ ràng là hồn bực thấp.

Dấu đầu lời đuôi là tại chỗ đó. Một đôi lần người ta còn chưa thấy, chờ nhiều lần thì cái tư cách của hồn phải lộ ra trong câu văn, lời dạy.

Hồn bậc cao không sân si hờn giận. Muốn chỉ chỗ sai quấy của người thì than thở một cách cho mình hiểu rõ lỗi của mình đó thôi chờ không hề quở trách nặng lời, cũng không nói đả độn cay, không lòng tạt đổ chi hết.

Thông suốt nhiều chưa phải là hồn bậc cao đâu; bởi vì thông thái mà không đạo đức thì cũng không bằng thông thái ít mà đạo đức đủ đầy.

Trương 337.— Muốn rõ bậc thấp cao của các phần hồn thì nên để ý vào mấy chỗ sau này :

1° Lấy lý chánh mà phân biệt là đều cần nhứt

2° Xét nơi động nói, việc làm của phần hồn
(Việc làm là lời dạy)

3° Dạy đều bất chánh là hồn bậc thấp.

4° Hồn bậc cao dạy toàn là đều phải, lời nói cao thượng, thâm thúy, không tiếng thô phạm, khiêm từ, không khoe mình, không so sánh.

Trái lại hồn bậc thấp hay là bậc tầm thường thì trong lời nói làm sao cũng thấy được cái vít phạm tâm, tư tánh, thấp hèn, thô bỉ, tự đắc,

tự kiêu, đảng cay, hàm dọa, dối gạt. Dầu cho xưng hô cao thượng cách mấy cũng còn vậy.

5° Đừng lấy sự bài võ hay mà đoán cho là bậc thượng. Phải lấy công tâm mà xét chỗ cao thâm chánh đáng mà bình phẩm mới trúng.

6° Lời dạy của bậc cao dầu ở nơi đàng nào cũng là một thể cách, ví dầu có khác nơi bề ngoài thì đó chẳng qua là tại cái khiêu của đồng làm cho sự nhập đàn dễ dàng hay là trắc trở đó thôi, chớ chẳng bao giờ có điều mâu thuẫn với nhau.

Trương 338.— 7° Hồn phải thì không bao giờ nói đùa, biết tới đâu nói tới đó thôi. Còn hồn chẳng phải thì hỏi chi cũng trả lời lại ráo. Vì vậy mà có khi nói sai quá sự thiệt làm cho người ta biết rõ mình là nói bậy, là hồn thấp.

8° Hồn tầm phào hay nói tiên tri cặn kẽ đến lời nói; còn hồn phải chẳng hề có nói như vậy. Như cần phải cho người ta biết trước đều chi hữu ích thì chỉ nói một cách kín đáo, để cho người ta tự ngầm hiểu lấy mà thôi; mà chẳng hề có nói chắc thì giờ nào hết. Nói chắc giờ này là sự dối gạt.

9° Lời nói của hồn bậc cao nghe ra dễ hiểu mà chẳng phải là không hay, không cao thâm. Có tài nói ít lời mà nghĩa lý lại nhiều bởi vì

mỗi tiếng nói đều là một cái nghĩa lý.

Hồn bực thấp hay là hồn thông thái giả thì hay nói dòng dài mà nghĩa lý trống lỗng, càng muốn cho cao thâm thì lại càng làm cho rối tâm khó hiểu thêm nữa.

Trương 339.— 10° Hồn phải, chẳng hề sai khiến ai; không làm quyền, khuyên nhủ mà thôi. Như người ta không ưng nghe theo, thì tự êm thối bước. Còn hồn quấy thì tự đắc lắm. Hay dạy việc, hay sai khiến, muốn cho mọi người đều vưng lời. Người ta không nghe thì cũng đeo đuổi theo hoài, chẳng chịu nới đi xa.

Cái tánh ép uổng người ta nghe theo như vậy là cái vết xấu của hồn bực thấp.

11° Hồn phải, chẳng hề đua mị mà tôn trọng ai hết. Ai làm phải thì khen, mà khen một cách dè dặt, khéo léo, không làm cho người ta phải hổ mình, thẹn mặt.

Hồn xấu tặng khen, người ta quá sự thiệt, làm cho người ta phải mất hẳn đức tánh tự khiêm, rồi trở nên kiêu căng tự đắc.

12° Hồn bực cao dạy chung chứ không dạy riêng. Có những hồn bực thấp mới nói đến việc tâm thường, tấm mắng, cặng kẻ từ chút đến sự không bỏ ích chi hết cho tinh thần. Lời

dạy nào mà có ý bó buộc người ta phải làm theo thì chẳng còn nghi ngại chi nữa, là chẳng phải lời của ma quỷ mạo danh mà dối gạt.

13° Có nhiều hồn xưng tên lạ kỳ lắm, có gặp vậy thì đừng có vội tin.

14° Chẳng nên thấy xưng tên cao thượng mà quá kính, quá tin, rồi quên phân biệt lời chánh lẽ tà. Đáng chỗ nghe thì nghe mà cũng phải ngửa phòng, bởi vì đó là đều thường có lắm vậy. Những hồn này hay nói theo cho vừa lòng người ta đặng xuôi dục người ta làm những chuyện trò cười đáng buồn, đáng tiếc.

Trương 340.— 15° Hồn phải, có khiến biểu đều chi thì cũng khiến biểu một cách dè dặt. Mà chẳng hề khiến biểu việc không cần ích hay là không bỏ ích cho tinh thần. Phải coi chừng mà bỏ đi những đều dạy biểu nào không có cái tánh chất như vậy hay là chẳng đúng với cái lý chánh thiên nhiên. Điều nào đáng nghe và muốn đem ra mà thiệt hành thì trước hết phải cẩn thận cho lắm, suy nghĩ cho đi đều, chớ nên hợp tợp mà mắc kế quỷ.

17° Hồn bậc cao dạy rờng sự khuyến thiện. Ngoài sự khuyến thiện trong sách như lời Cứu Thế xưa kia thì chẳng phải là của hồn cao vậy.

19° Hồn quấy hay là hồn chưa được trọn

lành thì lại còn có những vết xấu này nữa làm cho người ta chẳng làm được : là cái tánh nóng nảy của họ chưa dứt, cho nên hay biểu lộ ra nơi xác đồng, làm nhiều điều vụt chạt, chuyển xác là đều trái lẽ với sự thanh tịnh của hồn bậc cao.

16° Hồn tốt không có khi nào bất cần mà dạy những điều có liên hệ cho người ta, lại chẳng bao giờ chịu vạch lá tìm sâu chỉ chỗ chẳng tốt ; Còn trái lại hồn xấu thì hay vui mà làm những điều như vậy.

Hồn tốt thì lấy đức từ bi mà khuyến chử dụng hòa trong cơn lầm lỗi. Còn hồn xấu thì lại xuôi dục thêm sự bất hòa cho mau tang rã.

18° — Hồn phải không khi nào bĩ sử đều phi lý. Những lời dạy bảo nào chẳng hiệp lý chánh hay là trái với luật thiên nhiên thì là của hồn bậc thấp chẳng nên tin mà nghe theo.

2° — Hồn xấu hay dùng ý riêng của mình mà bĩ sử người ta đều quấy. Họ dục cho những người theo họ ghét giận kẻ chẳng theo ; Thứ nhất là những phương người đánh đổ họ thì họ lại càng ghét lắm.

Nhưng người yếu thần là người họ hay gần hơn hết.

Trước hết họ lấy lý giáo sai lầm mà nhồi sọ

người ta, lần đến lối hãm dọa, rốt tới sự hành phạt xác. Đó là ba phương pháp của họ thường dùng để làm cho người ta phải từng phục họ mà bỏ đường chánh đi qua nẻo lạc lầm.

Trương 341 — 21° Những khi còn ở trần thế thường ấp yêu một chủ nghĩa, một sự mơ ước không thành, đến lúc từ trần rồi mà hãy còn chưa dứt được dục trần, thì tự nhiên cũng còn đeo đuổi hoài theo tư tưởng như vậy. Cho nên khi gián đàn thì họ thổ lộ ra rõ ràng trong lời nói, cái tư tưởng ấy làm cho người ta dễ biết lắm.

22° — Dạy cao chẳng phải là hồn bực cao. đạo đức cao mới thiết phải là đá thử vàng,

23° Chẳng nên thấy hỏi rồi trả lời liền mà gọi rằng hồn sáng láng, hồn bực cao. Trước hết phải xét coi cho biết bực nào giảng đàn đã, bởi vì những hồn dốt nát thấp thỏi, hể hỏi thì họ trả lời liền, nói bậy cũng là nói.

Dầu thiết gặp hồn khi xưa ở trần thế là người thông thái có danh mà nay hỏi họ việc cao thượng trong cảnh vô hình thì cũng chưa ắt là họ nói được, bởi vì có những hồn được siêu thăng mới biết được những việc trong cảnh cao thượng đó thôi.

24° — Dầu là lời nói pha lẫn của hồn bực cao, người ta cũng thấy được chỗ thanh bạch nhẹ nhàn, kín đáo, và có ý chỉ thức tỉnh hơn sanh ; Chớ chẳng bao giờ phải là lời nói chơi vô lý, thô phạm tục ngữ. Còn trái lại hồn bực thấp) dầu không có dùng đến lời nói thô tục, thì cũng có tiếng đặng cay khó chịu, lại nói sát đề.

25° — Xét cho kỹ lưỡng cái bốn tánh của phần hồn nhập cơ, thứ nhất theo mặt đạo đức thì người ta đã hiểu biết được hồn đó là hồn người xưa kia đứng vào hạng nào, và nay về cảnh vô hình đứng về bực nào. Cái lý chánh là tại nơi đây chẳng hề sai chạy.

Trương 342 — 26° Muốn biết người khuất mặt cũng như muốn biết người tại tiền vậy. Trước hết mình phải biết mình đã. Đừng có lấy cây thước đo lòng mình mà đo người ta. Đừng có bịnh vực cái tư tưởng của mình mà đánh đổ tư tưởng của người ta. Những người như vậy là người đã mất hẳn rồi cái đức tánh phân biệt lẽ chánh đều tà, mà họ có dè có biết đâu, cho nên họ mới lấy trái mà làm mặt được.

Allan Kardec

Độc tới đây chúng ta đã thấu dụng được đủ đều chỉ giáo về sự cơ bút rồi, vậy thì tề sĩ xin thầy lay mời, ai là người muốn tìm đạo, hãy đi hầu đàn tiên đôi ba phen cho thấy rõ chỗ thiệt hư, hư thiệt. Đừng tưởng rằng cơ bút là đều chẳng nên tin, đồng tử là đồ giả dối, rồi chẳng dám gần, sợ mang tiếng lây là người mê tín. Mê tín cũng không tại nơi mình biết phân biệt chánh tà trong lời của đồng tử viết ra đó thôi, chớ đồng tử là cái máy thấu diễn, chúng nó có biết chi đâu ; trừ ra một đôi khi gặp một đôi đũa trong cũi trâm, là đồ bất lương, lập tâm gạt người thì nó mới làm đều vô đạo vậy thôi.

Chúng ta nên tin rằng trong thời kỳ đạo mở kỳ ba này có Phật Tiên giảng thế độ đời ; nếu vì một cái thành kiến sai lầm mà không đến gần thì sao rõ được chơn giả. Ví dầu được nghe lời đáng nghe, được biết đều đáng biết mà bị mang tiếng mê tín đi nữa, thì cái mê đó cũng chẳng hồ gì mà ! Mê theo lối các danh như hiền triết như là : Victor Hugo, C. Flammarion, Gabrielle Delane, Sir-Arthur-Conan-Doyle Léon Denis, Jean Meyer, Ernest W. Oaten, André Ripert, Ch. Richet, vân vân.., thì có chi mà thẹn.

CHƯƠNG THỨ IX

ĐỨC TIN CÓ NGỌC-HOÀNG THƯỢNG-ĐẾ LÀ NGÔI THẦN ĐỘC NHỨT CHÚA TÊ CÀN - KHÔN

Thượng - Đế ở đâu ? — Làm cách nào cho biết có Thượng-Đế ? — Tại sao phải có vạn vật ở thế gian ? — Tại sao phải phân chúng nó ra từng hạng từng vật ? — Làm như thế công bình ở cách nào ? — Tu để làm gì ? — Ăn chay ăn mặn có hại chi không ?

Nói Đạo mà đề ra ngoài cái lý thuyết. Tin có Ngôi Thần Độc Nhứt là Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế thì là nói chuyện ta bà, không căn cứ, không mục-dịch ; vì chẳng khác đứng trước một tấm tranh xuất sắc, chỉ từ nét vẽ dặt cho người ta thấy chỗ hay chỗ khéo, mà lại làm thinh không nói gì đến anh thợ vẽ.

Người ta hỏi: tranh đó của ai tạo ra; thì lại trả lời rằng: Không ai hết.

Trả lời như vậy có đáng chăng?

Chắc ai ai cũng cho rằng chẳng bao giờ đáng. Bởi vì ai ai cũng đều biết rằng: Hễ hữu quả thì hữu nhơn, chớ hữu quả mà vô nhơn là sự không thể có được. Trừ ra một mình Trời là Chúa Tể cần khôn vũ trụ, là Ngôi Thần Độc Nhứt, là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế mới đáng vậy thôi.

Sao Trời lại được vậy?

Nếu không vậy thì đâu có phải là Ngôi Thái-Cực, hãy còn Ngôi Thán-Thái-Cực trên cao hơn nữa sanh Trời ra. Mà ngôi đó chẳng có, bởi vì Thái-cực chỉ là tột bậc cao rồi, thì Thái-cực phải bởi ở trong cái *Không* mà có ra mới là phải. Cái Không đó là chỗ Hư-vô chi khí là Ngôi vô Cực.

Ngôi Thái-Cực là Thần Độc Nhứt có ra cách nào? Ngôi Thần ấy ra sao?

Đó là cơ mầu nhiệm vô cùng của trời đất; chẳng bao giờ ai hiểu biết được, dầu cho là bậc tiên phật thánh thần nào cũng vậy.

Bởi tại chỗ không thể hiểu biết được đó, mà từ xưa đến nay, trong thiên hạ luôn luôn có hai phái: Một phái *Hữu Thần*, tin có

Chúa Trời là Thượng-Đế (1) còn một phái Vô Thần lại không tin có Chúa Trời.

Tin có, nói không, chẳng qua là lấy cái lý luận riêng mà cãi cọ với nhau đó thôi, chớ đã cho là *Cơ mẫu nhiệm* của Trời thì đời đời kiếp kiếp cũng còn mẫu nhiệm mãi.

Tuy vậy mà con người có tánh linh thông khắp cùng vũ trụ, đã biết có Minh rồi thì lẽ nào lại chẳng tìm cho rõ Minh có bởi nơi đâu?

Cây có cội, nước có nguồn, mượn Đuốc Huệ thử soi cho bết. Chính đây là trèo lên một con đường dốc mà tìm cho biết Lý chơn, là đường dẫn về cõi Đạo, nên phải dụng tâm lý mà vạch nẻo mới ngoan, bằng lấy lý trí không mà luận bàn thì e không thấy dặng,

Chúng ta đây là phái tin có Thần Độc Nhứt thì chúng ta cứ nói chuyện với nhau theo cái lý luận của phái chúng ta; quấy phải mặc dầu, cũng gọi là một bài học tập của mình; cũng là một cái tư tưởng,

Trời ban phú cho loài người có tánh linh hơn muôn vật để mà làm chi?

(1) Trong phái Hữu Thần lại chia ra hai, một phe thì tin Thượng-Đế là một vị Thần (déistes) còn một phái lại nói vạn - vật vũ trụ đó là Thượng-Đế (panthiestes).

Mà tìm cho hiểu cái chỗ không thấy, không biết dưới cõi này.

Vậy thì nói rằng: Điều chi không thấy không biết thì không tin, như phái thờ chủ nghĩa Vô thần, thì đâu có phải.

Thấy khói xa xa mà từ nhiên biết đó có lửa; nào có ngó thấy lửa đâu, sao lại biết vậy ?

Đó có phải là nhờ tánh linh mà thấy *quã* thì biết *Nhơn* hay không?

Mà cái tánh linh đó, nếu mình biết dùng nó thì nó lại còn giúp cho mình biết việc cao xa hơn nữa.

Như thấy khói mà cho là có lửa, rồi muốn biết lửa đó là lửa gì, bởi đâu mà có, lửa của người đốt hay là lửa trời nắng mà cháy tự nhiên, thì hãy lại gần mà quan sát, chắc là hiểu được.

Đứng trước một tấm tranh khéo, một bộ máy động cơ hay, thì chúng ta liền biết đến anh thợ vẽ và anh kỹ-sư, mà lại biết chắc rằng hai anh đó là hai anh thợ tài chớ chẳng phải là thợ vụng.

Đi viếng một nơi cổ tích, như Đế-Thiên, Đế-Thích; chính giữa rừng hoang hiêu quạnh, cổ thụ rậm rì, mà lại thấy có đền đài chùa

tháp nguy nga, thì chúng ta liền biết rằng: chốn ấy khi xưa là một nơi phiên ba đô thị của một dân tộc văn minh mà nay đã điêu tàn.

Đó là những cảnh vật của người phạm tạo; thấy cảnh thấy vật thì biết người. Còn như đứng trước những cảnh vật thiên nhiên đồ sộ thì mới nghĩ sao?

Kìa là non cao chót ngất, biển rộng mênh mông, rừng cội sông nguồn, thiên niên bất lão. Bốn mùa thảo mộc, thay lá đơm bông, thượng thú hạ cầm, tế vi trùng loại. Từ vật cực kỳ lớn cho đến vật cực kỳ nhỏ, cả thấy đều có cái khéo cái hay; càng xem kỹ chừng nào, lại càng thấy cái khéo cái hay thêm nữa.

Còn ngó lên trên cao, thì lại thấy có nhứt nguyệt tinh tú hằng hà, chuyển xoay hằng năm hằng ngày mãi mãi.

Đứng trước cảnh vật như vậy mà chúng ta đã biết chắc rằng không phải của tay người phạm tạo ra được thì chúng ta cũng phải nghĩ cho là có tay thợ *phi phạm* nào chủ trương ra nó mới có vậy chứ?

Có người trả lời rằng: Đó là bởi Đạo mà có ra.

Nói vậy cũng là phải, nhưng mà chưa đúng; bởi vì ở nơi nào cũng vậy, đều chỉ có ra và

lại cử động được một cách khéo léo, điều hòa luôn luôn vậy mãi thì đều đó phải do nơi một cái pháp-luật sáng láng rành rẽ mới vậy được, chớ đâu có phải là sự ngẫu nhiên.

Mà có pháp-luật thì tức nhiên phải có người lập pháp-luật. Vậy thì vạn vật đây sanh ra và hành động bởi nơi một pháp-luật rõ ràng, cho nên nói nó có ra bởi nơi Đạo thì cũng phải cho, nhưng mà Đạo đây chưa phải thiết là cái Nguyên-nhơn của vạn vật, Đạo đây là cái Pháp cho nên kêu là *Đạo pháp*. Thiết nguyên nhơn của nó là *Tay* sắp đặt đạo pháp kia.

Vì lẽ ấy mà Đạo có hai Ngôi: một Ngôi Động nghĩa là chuyển xoay mà hóa sanh ra hình thể là vạn vật, gọi chung là *Chúng sanh* hay là *Đạo thể chất*. Ngôi ấy kêu là Cơ-Tạo (La Providence).

Còn một ngôi nữa là *Ngôi Tĩnh* nghĩa là yên liềm, lặng lẽ, không thấy được hay là *Đạo vô vi* là *Ngôi Thần* chủ trương cơ-tạo kêu là *Tạo-công* (Dieu).

Tóm lại vạn vật chúng sanh cả thấy là «Đạo Thể Chất» nghĩa là cái hình thể của *Đạo Tĩnh* hay là hình thể của Thượng-Đế mà vì con người cũng đứng trong đám chúng sanh đó

cho nên mới nói rằng Đạo ở trong người hay là Trời ở nơi người. Vì lẽ này mà hễ mình biết có mình thì mình phải biết mình tại nơi chỗ Đạo mà có ra. Biết vậy rồi thì mình cũng biết cả chúng sanh cũng như mình, cũng đồng nhứt thể bởi một chỗ Đạo mà ra, cũng một tay Trời nắn ra thiên hình vạn thể.

Hỏi vì ý nào mà Trời lại nắn ra nhiều hình thể như vậy ?

Muốn biết ý nghĩa chỗ đó xin hãy nhớ lại, trước kia chúng ta đã nói, trời sanh ra vạn vật lấy cái sự trong sạch nhẹ nhàn và đục dơ nặng nề mà làm luật pháp (loi de la pesanteur).

Thanh nhẹ thì bay lên cao, trọc trọng thì trầm xuống thấp.

Đó là cái luật chẳng hề sai chạy của Đạo-sanh.

Mà hễ có phân ra cao thấp, thì tức nhiên có đẳng cấp. Có đẳng cấp mà không phương pháp cho thấp lên được cao, thì là không có sự tiến hóa; thấp lên được cao mà không tuần tự thì không có công bình; những điều ấy trái hẳn với cái lòng bác-ái của Trời, thì đâu có được.

Bởi vậy phải có nhiều loài, nhiều vật, nhiều hạng, nhiều từng làm nất thang Chơn-lý cho

chỗ thấp trèo lên cao, đặng vật này bởi vật kia mà có; vật kia noi vật nọ mà sanh; lớp dưới, từng trên, mỗi mỗi đều có phận sự ăn chịu với nhau mà làm không phân nân chi hết. Như trong cái máy đồng hồ, cái bánh xe nhỏ phải chạy thì cái bánh xe lớn mới xây; bánh xe này ăn chịu với bánh xe kia, bánh xe kia quay cây kim nọ; đồng hồ chạy như vậy thì mới ngó thấy cái nghĩa lý của nó là gì; không vậy thì là vật vô dụng.

Vạn vật trong vũ-trụ cần khôn cũng như thế; mỗi vật đều cử động như mỗi món trong máy đồng hồ thì mới thấy có sự sống cho; bằng không thì cái bầu trời này có nghĩa lý chi đâu, nó là một cảnh chết quạnh hiu vắng lạnh.

Trên địa cầu này tuy có nhiều vô số là vật mà kỳ trung chia ra có ba loài thôi. Bắt từ thấp kể lên cao thì là :

1° Loài khoán vật

2° Loài thực vật

3° Loài động vật

1°— Loại khoán vật là loại không có sự sống chết (Etres inorganiques) nên không có bộ máy dưỡng sanh lại cũng là loại vô giác nên không biết chi là chi hết. Nó là cái bã cặn của khí

hồn độn sơ khai, lỏng lại ra khối mà làm nền làm móng cho đạo sanh ra các loài khác. Nó cũng là xác bã của các loại này vì không dùng dạng nữa mà trở lại cho đất.

Cái sanh cái tử của nó là cái cơ tụ hợp hay là rã tan, bởi khí âm dương và sự động tịnh của trời đất. Hễ tụ hiệp thì làm đất, làm cát, núi, non, cùng là biến hóa ra các khoán vật khác là loại kim. rã tang thì trở lại làm cát làm bụi...

Đá, vì ban ngày chịu nóng, ban đêm chịu lạnh, mà rã ra thành cát; cát, vì sự động là gió thổi hay là nước chảy mà bị lôi cuốn ra nơi khác, gặp sự tịnh thì lại tụ hiệp mà nổi lên hoặc trên bờ, thì thành nong thành gò, hoặc dưới nước, thì thành cồn thành bãi...

Nong gò, cồn bãi, vì lẽ âm dương tuế nguyệt mà trở nên núi non, rồi núi non trở lại tan ra cát bụi, mà làm nong gò cồn bãi theo phép trời, tan thương xây đổi, như mới nói trên đây vậy mãi.

Loại khoán vật là loại vô giác nên không biết chi chi hết vì vậy mà có lời tục ví rằng: Trơ trơ như đất.

2° — Loại thực vật là loại thảo mộc, thì cao hơn khoán vật một bậc vì có sự sống

chết (Etres-Organiques) nên có bộ máy dưỡng sanh là : gốc, cội, rễ lá nhánh ; lại có giác hồn là cái sáng. Nhờ đó mà biết kiếm vật thực nuôi thân, là biết bản rễ ra chỗ đất tốt mà kiếm ăn, biết nghiên mình ra chỗ trống mà hứng sương hứng nắng ; biết bỏ vùi qua phía có chỗ dựa nương mà leo trèo cho vững.... nhưng còn đứng đâu thì đứng đó, chưa đòi chỗ được nên gọi là bất động vật.

3° — Loài động vật gồm cả thảy các loài thượng thú hạ cầm và loài người nữa, nói tóm lại là cả thảy loài vật mà một mình cử động, đòi chỗ được.

Loài thú thì cao hơn loài thảo mộc một bậc vì có một cái sự sáng cao hơn cái sự sáng của thảo mộc, gọi là *giác cảm* hay là *Thần Hồn*.

Giác hồn như đã nói trên đây, là cái sáng tự nhiên không suy nghĩ nó giúp cho loài vật biết kiếm vật thực mà nuôi lấy sự sống như vậy thôi, còn thân hồn cũng là cái sáng mà sáng bởi có trí suy, nói cho dễ hiểu hơn là có cảm-giác là dục tình, nên hiểu biết mà muốn trước rồi mới làm sau. Biết chỗ có đồ ăn mới tìm đến ; biết tham mới tranh dành biết có sự hại mới lánh thân ; biết chữa mình mới đấu chiến ; biết mến, biết yêu, mới bình vục nhau ; biết đau, biết sợ, biết giận, biết vui, biết buồn, cũng đủ dục tình,

cảm tình như con người vậy; nhưng mà mấy tình ấy chẳng ích lợi chi hơn là để bảo tồn phần xác thịt thể thân vậy thôi.

Loài người tuy là cũng l ại đồng vật như thú vậy mà lại đứng cao hơn thú một bậc vì có thêm dặng một phần hồn thứ ba nữa là *linh hồn* ấy là một tia sáng của Đạo gọi là phần *Tinh thần* (principe spirituel) tánh chất thiêng liêng không tiêu diệt, nên không phải sanh ra với xác thân vật chất mà từ nhiên phát triển tại tâm. Vốn là một nhỏ cam lồ để hỗ trợ con người trong chỗ khổ.

Người như thú còn mang thể thân trọng trước, nên còn đứng về cõi *Hậu thiên*, nhưng mà trong con người có được nữa phần thiêng liêng mới nói trên đây nên loài người là loại được gần cõi *Tiên thiên* hơn hết.

Con người mà dặng vậy chẳng phải là đều không đạo lý, bởi vì chúng ta đã biết rõ rằng cái đức tánh chí công chí thiện của Thượng-Đế không chỗ nào mà sơ, mà sót hết, thì có đâu không duyên mà lại có quả-vị tốt đẹp như vậy dặng :

Muốn biết cái duyên ấy ở nơi nào thì chúng ta hãy lấy một cái thí dụ nhỏ sau này là sự thiệt mà suy nghĩ ra việc lớn là cái phép cơ

tạo vật chuyển xây khi ban đầu, là lúc trái địa cầu này mới có thì thấy rõ.

Khi ấy trái đất này thì chẳng khác như cái cù lao mới nổi giữa biển: ban đầu hãy còn là một cái bãi cát trống trơn, gió tấp sống dổi tại vậy mà lần lần bao nhiêu bã cặn ở dưới đáy biển sâu, gom về nổi lên cao khỏi mặt nước. Lớp cát mặt bày ra hứng được sự nóng của ánh thái dương mà khô ráo, lớp cát ấy lại bị gió thổi nữa mà phải lôi cuốn ra xa xa, rớt xuống một chỗ mà thành gò thành nong.

Sau lưng những gò nong ấy là nơi án gió, nhờ sự êm tịnh và khí âm khí dương của trời mà một ít lâu người ta thấy có sanh ra những loại rong rêu này mà chỗ ấy được êm tịnh và mát mẻ thêm thì người ta lại thấy sanh ra các loài cây cỏ. Thứ cây nhỏ có trước rồi cây lớn mới có sau tùy theo phong thổ (1) hợp với thứ nào thì biến sanh ra thứ nấy. Lâu năm lâu đời cả và cù lao toàn là một đám rừng rậm.

(1) Tinh-khí-thần — Tinh là cái tinh ba của Đạo sáng có trong khí hư vô (fluide cosmique) là nguyên tố của vạn vật trong vũ trụ — Tinh mà hiệp được Khí, là âm dương (nóng lạnh động tịnh) thì biến hóa ra vật. Vật có hình thể khác nhau gọi là loài; trong loài có nhiều giống. Biến sanh, sanh biến ra dạng như vậy một cách vô cùng vô tận bởi phép

Cũng vì một lẽ ấy là sự động tịnh và nhờ khí âm dương, trên cây cao, dưới đất bằng hay là dựa bãi, dựa gành, người ta thấy biến hóa ra, ban đầu thì giống nhỏ, sau thì giống lớn, các loài thượng thú, hạ cầm cùng là loại ở dưới nước. Mà như vậy cũng chưa phải là hết là rồi, vì đó mới là cái cơ *Biến hóa* vạn vật lỗi ban đầu thôi ; sau lại, loài nào thì còn sanh sản ra loài nấy nữa mỗi ngày thêm mỗi nhiều bởi lẽ âm dương giao cấu. Đó là cơ *Sanh hóa*.

tinh khí hòa hiệp với nhau một cách THÁI hay là THIẾU âm dương : nói cho dễ hiểu hơn là tại chỗ nhiều hay là ít của hơi nóng hay là lạnh và chỗ động, tịnh ; nghĩa là tùy theo phong khí tại chỗ mà sanh ra đặng nhiều vật khác nhau như vậy.

(Trong hình bát quái của Tàu có hai dấu — và — — là cái nghĩa vậy, theo Hóa học kim thời cũng có hai dấu + — cũng là nghĩa đó)

Hình thể của ba loài : Khoán vật thực vật và động vật, khi ban sơ đều biến sanh ra một cách in nhau như vậy hết, nhưng mà trong hai loài sau phải có thêm một cái phần báu thứ ba nữa là Thần (principe vital) mới có sự sống được, cho nên thần cũng gọi được là cái điển sanh của các loài có sự sống.

Âm dương điều hòa thì thần mạnh mẽ, âm dương bất điều hòa thì thần yếu, âm dương tặc thì hết thần, là vật Chết. Cũng bởi lẽ ấy mà

Biến hóa, sanh hóa ra rồi, mà nếu loại thấp gần được loại cao, thì còn lần lần thay đổi được tánh chất như cao mà cỗi lớp *Tiến hóa* lên nữa.

Đó là cơ *Tuần tiến* chuyển xây một cách điều hòa, chậm rãi, có tuần tự theo lý công của Đạo, khó mà thấy liền được.

Theo cơ đạo, chuyển xây như vậy thì chúng ta thấy rõ vạn vật sanh ra nơi cái cội địa cầu này đều có sự ăn chịu dính liểu với nhau cả thấy như cái thang khu ốc vậy, có vật này rồi mới có vật kia được. Đất sanh cỏ, cỏ sanh cây, cây sanh thú, thú nên người, cả thấy là chúng sinh trong cội Hậu thiên đều bởi chỗ thấp là Đất mà sanh ra, rồi người lại Thành Phật, Tiên, Thánh, Thần là bước qua cội Tiên Thiên.

các loài thảo mộc, cầm thú và người ta, có khi mạnh khi đau và chết.

Muốn biết rõ cái thần bởi đâu mà có thì chúng ta nên ngó vào một cái bộ máy để tạo đèn quang (batterie de piles électriques) thì thấy: khi nào hai giây âm dương chạy đều thì có điện quang xẹt ra, không đều thì điện yếu, bằng hai giây đều nguội lạnh cả hai thì không có điện. Vậy thì điện có là bởi âm dương điều hòa, cũng như âm dương điều hòa thì mới có sự sống: Vậy thì thần có bởi nơi âm dương tương hiệp (Thần là sự sống).

Theo khoa vật lý học kim thời người ta cũng cho rằng loài người sanh ra bởi loài thú và cặp thủy tổ của con người là giống dã nhơn tiến hóa bởi vì người ta đã tìm được chứng chắc rõ ràng những bộ xương cốt của người đời thượng cổ, giống in hịch như là loài khỉ vậy.

Từ nhiên những kẻ không tìm lý thì cho lời đoán ấy là sự nhục nhã con người, mà nghĩ lại coi có chi là nhục nhã đâu? Cái lý đoán của nhà khoa học như vậy thiệt là phù hợp với Lý chơn lẫm chớ, thứ nhứt là với lý giáo của nhà Phật cho rằng : Thú mà tiến hóa thì cồi lớp lên làm người đó một cái lý giáo có căn cứ, bởi vì theo lời chúng ta mới nói trước đây thì nếu vô duyên vô có thì chẳng bao giờ Trời cho loài người đứng trên hết các loài trong cõi hậu thiên này. Muốn lên được bậc trên thì phải có công học tập cho tâm tánh như trên rồi mới thay xác đổi hình mà sống với trên được. Vì lẽ ấy chúng ta nên biết những loài thú ở gần người mà giúp đỡ cho người là thú đương tiến hóa, biết vậy rồi, thì giúp cho nó tiến hóa là giúp Đạo.

Trái cái lý thuyết nhà chùa (chúng ta nói nhà chùa chớ chúng ta không có nói là lời

phật-giáo, vì chúng ta biết chắc rằng phật không có dạy như vậy) lý thuyết nhà chùa nói rằng : Người ác đầu thai trở lại làm thú : đều ấy là đều *thất thiệt*, trái hẳn với lý chơn ; bởi vì Đạo là *Tiến* ; Thần-linh giáo cũng cho Đạo là *Tiến* ; nên có dùng ba chữ biểu hiệu là « Sanh-Sanh-Tiến » (*naître-renaitre et progresser*). Lại cái lý thuyết con người đầu thai trở lại làm thú nó còn *thất thiệt* chỗ này nữa.

Linh hồn vốn là một điểm linh quang, một cái báu riêng của Trời ban cho mỗi người một điểm ; Dầu thay xác mấy muôn lần đi nữa thì linh hồn nào cũng vẫn còn là của riêng của người nấy như vậy hoai. Nếu trong một kiếp, con người làm tội lỗi mà hồn phải trọng trước thêm, không tăng tiến được, thì hồn ở lại đây chờ kiếp sau đăng trả quả trong một cái địa vị thấp hèn. nào đó thôi, chớ có thể nào nhập vào một cái xác thịt của thú cầm cho được, vì thú cầm phải chưa là loại có được linh hồn. Còn nói rằng người tội lỗi như vậy thì phải mất phần linh hồn ; linh hồn là phần bất tiêu, bất diệt, thì đâu có mất được .

Lên không được vì trọng trước, mà xuống

không đặng vì không có chỗ ở, thì mới ở đâu ?

Có phải là ở lại chỗ cũ mà chờ kiếp khác hay không ?

Có tuần tiến của vạn vật chuyển xoay trong lẽ Đạo thì chẳng khác như cơ tuần tiến của học sanh trong trường : đâu đó có đẳng cấp phân biệt nhau. Hễ được cấp bằng đứng vào học ằng nào rồi thì không ai thâu cái cấp bằng đẳng học đó mà đuổi xuống học đẳng dưới cho được. Nếu dở không đủ sức bước lên trên thì phải ở lại lớp cũ mà nhồi nặm học thêm cho đủ sức vậy thôi.

Con người thấy cơ tạo biến sanh vạn-vật có thứ lớp như vậy, rồi vịnh theo lý trí mà cho rằng trời sanh vật đặng dưỡng nhơn ; kích bác sự ăn chay ăn lạc, cho đó là sai lầm không phù hợp với chơn-lý.

Lời luận ấy còn hẹp hòi, tư vị quá ; Trời nào có riêng cho một mình loài người mà phải lo dưỡng nhơn đến nỗi quên cả chúng sanh khác đâu ?

Chớ chi nói trời sanh vật mà dưỡng vật thì còn có lý cho, nhưng đó cũng là còn chưa đúng, bởi vì lấy lý trí mà biện theo sự nuôi sống phần xác thân vật chất như các loài động

vật kia vậy thì phải rồi, nhưng mà người ta quên rằng loài người là giống thú linh, biết chỗ thiện ác, nhờ trong thân thể có nửa phần thiêng liêng; nên cũng phải tưởng đến sự nuôi sống phần linh hồn nữa là sự sống vĩnh viễn, tùy theo đều thiện ác của người làm mà thấp cao, chớ không chết đặng; còn trái lại sự sống của xác thịt, thì là sự sống tạm trong một kiếp mà thôi.

Vì lẽ ấy mà những nhà đạo đức, hể tu đến lối bác-ái đủ đầy rồi thì chẳng vì lệ luật đạo nào bó buộc hết, mà vì lòng nhơn của người ta thôi, mà người ta tự ép lấy mình lựa những vật thực nào nuôi sống được phần xác thịt mà không tổn hại đến phần tinh thần thì người ta dùng, chớ chẳng đành vì chọn món ngon vật lạ mà phải hành thân hoại thể những loài đã biết sự đau, sự thương như mình vậy. Vì đó mà người ta nuôi sống lấy cái thân xác thịt của người ta bằng loài rau cỏ là loài chưa có giác cảm.

Trong các cái lý thuyết về sự ăn chay nghĩ lại chẳng có cái nào chánh đáng hơn là lẽ ấy, bởi vì đó là sự thiệt. Ví bằng chẳng phải vì lòng nhơn mà ăn chay thì cái (ăn chay mà lòng không chay) nó có bổ ích về chỗ nào đâu ? (1)

(1) Người ta thường than rằng: « Đời văn minh

Trước đây chúng ta mới nói rằng trong con người có hai phần: phần xác thịt thì sống về khi hậu thiên, phần linh hồn thì sống về tiên thiên. Trong tam giới chúng sanh, hơn loại làm trung gian cho trên với dưới, nên đứng về trung giới.

vật-chất làm xiêu đổ tinh thần».

Tinh thần xiêu đổ thì cũng có nơi, chớ theo sự thiệt thì lòng bác-ái của con người vẫn tiến bộ mãi.

Chúng ta hãy ngó ngoái lại sau mà thấy rõ:

Hồi đời thượng cổ, lúc tánh người còn cận thú, thì người giết người mà ăn thịt là lẽ tự nhiên; ở cạnh trời nào cũng có vậy. Bước qua trung cổ, sự ăn thịt người hết có, thì còn lại cái tục giết người mà tế thần. Hết tục tế thần như vậy rồi, lại còn thấy sự mua bán người làm tôi mọi. Sự mua bán mọi mới dứt hết chừng vài ba trăm năm nay mà thôi. Bây giờ đây, chẳng những người ta hết còn ngó thấy những điều ác đó nữa rồi, mà lại được thấy cái tình tương thân tương ái của con người phát hiện ra cùng cả các nơi một cách rất mau rất lạ. Ngoài xã-hội, trong quốc-gia nào cũng vậy, người ta đua tranh với nhau mà lập ra những cơ quan phước thiện, càng ngày càng thêm nhiều, để lo khai dân trí cùng là giúp đỡ nhau trong cơn đau, lúc khổ. Cái tình thương ấy nó lại lang rộng ra cho tới bảo hộ thú vật, cho nên có nhiều nơi người ta đã có luật rằng cấm sự hành hung với thú nhà rồi.

Vậy thì về phía tinh thần đạo đức mặc dầu thế sự chinh nghiên, lòng bác-ái con người cũng vẫn tiến tới hoài theo lý đạo cho đến mục-dịch Đại-đồng hơn vật.

Nếu dứt bỏ được phần hậu thiên thì từ nhiên bước ngay lên thượng-giới là cõi vô hình. Mà muốn được vậy chẳng phải là hủy bỏ cái xác thân này đâu; bởi vì bao giờ linh hồn hãy còn sống trong xác thân thì phải cần săn sóc xác thân mà làm việc cho trọn kiếp mới được. Nếu hiểu lầm, làm cho thể thân tiêu tụy mà phải chết trước ngày giờ, hay là tự sát lấy mình mà bỏ gắp cái xác thân lại đây, thì là phạm một tội rất lớn với đạo, bởi vậy trong các tôn-giáo, luật đạo nào cũng cấm sự sát sanh là nhứt. Cái lý chánh của tội sát trong ngũ giới cấm nhà Phật là đây, còn luật đạo Gia-tô lại nói rõ hơn nữa là tội tự sát (1).

Tự sát hay là hủy thân là đều trái hẳn với Đạo, bởi vì Đạo là mẹ của sự Sống. Vạn vật cần bảo thủ cho sự sống của mình mà trã quã, mà luyện thân đăng tiến hóa.

Mình tự sát lấy mình, chẳng bởi duyên cớ nào khác hơn là hai lẽ này :

Một là vì khiếp nhược trốn tránh vai tuồng đời của mình, làm như vậy chẳng khác nào như là tù vượt ngục.

(1) Chẳng cần phải nói, sát sanh (giết người) thì luật đời nào dung !

Hai là vì tham dục, cầu cao quá lẽ mà hủy mình. Trong cái duyên có sau này, dầu hủy mình cho đời hay là cho Đạo thì cũng đồng một tội như nhau.

Người chết như vậy hồn chưa mǎng kiếp mà phải lìa xác trước ngày giờ, thì hồn phải dật dờ không nơi nương dựa. Đó là lẽ tự nhiên; người tây gọi là Âme errante người mình gọi là cô hồn (cô là cô độc vô căn) hai tiếng nghĩa lý in nhau như một.

Người tu hành mà tìm cái phương siêu thoát chỗ này thiệt là sai lầm quá lẽ; muốn mau quá mà thành ra chậm quá, bởi vì khi hồn xuất ra khỏi xác một cách bất ngờ như vậy thì tự nhiên hồn phải ở trong chỗ vô minh lâm tối, không biết mình vì sao mà vậy. Đến lúc định tỉnh biết lỗi tại nơi mình mà ăn-năn, thì đã muộn màng, uổng rồi cho một kiếp.

Muốn thoát ra khỏi cõi hậu thiên thì con người phải bỏ dứt lại đây những điều trần trược là lớp bụi nhơ lấm luốt cái nhị xác thân làm cho vía phải nặng nề mà linh hồn chẳng bay bổng về cõi tiên thiên được.

Tu nghĩa là vậy là đổi trược ra thanh là lau chùi bụi dơ, là tẩy trược; chớ chẳng phải là tìm học phương pháp thành Tiên, thành

Phật nào khác lạ hơn. Muốn thành Tiên, thành Phật, chỉ phải tập sao cho tánh chất được nhẹ nhàn trong sạch như Tiên Phật vậy thôi.

Bao nhiêu những điều sắc tướng âm thanh mà người ta thường thấy mỗi ngày đều là những giả cuộc bày ra cho nghiêm trang, long trọng lễ nghi cúng tế đặng cho dễ bề điều dẫn nhơn sanh mà phần đông là kẻ vô học, chẳng hiểu Chơn lý là gì, vì sự ham mê như vậy mà bước vào đường đạo đức.

Tôn giáo nào cũng có mượn cái hữu hình giả cuộc như thế ấy, mà gọi mà kêu cái đức tin của tín đồ. Đó là một phương pháp rất hay, dụng một chiếc dò đưa người qua khỏi sông mê là nguồn cội của các điều tội lỗi. Nhưng mà qua đến bờ bến bên kia sông rồi thì người còn phải một mình đổ bộ lên trên con đường dốc là đường Chơn lý nữa mới tới mục đích được cho ; bằng ngồi mãi ở dưới dò thì không trông thấy Lẽ Thiệt.

Vì vậy mà trong đường tu có hai lối, lối *Tu Trì* là thời kỳ học tập sửa mình, và lối *Tu thân* là thời kỳ thiệt hành chơn lý,

Trong lối *Tu trì* (trì trai giới cấm) thì cần phải có người chỉ dẫn bước đường, nên phải

phục tùng mạng lịnh. Bởi lẽ ấy mà luật đạo có đặt ra lời nguyện « *Tam qui* » (1) nghĩa là vưng y ba điều.

Điều thứ nhứt là nguyện theo Đạo

Điều thứ nhì là vưng phép Đạo

Điều thứ ba là nguyện nghe theo lời thầy

Trong lối đường đầu này người tu cần lo học tập, khép mình vào khuôn mẫu ung đức hạnh tu mà giảm dứt sự mê sa theo phân ngoài vật chất, dặng lo bổ phần trong là tinh thần (Trì Trai). Tập làm chủ cái tâm, dục tắc lửa lòng, cho dặng lục dục thất tình êm lặng. Nhứt là nghiêm khắc mình đừng cho phạm giới cấm. Ấy là lối lập *tân dân*.

Tập vậy được rồi, là khi hạnh đức đủ đầy thì lại cần phải đem Đạo ra thiết hành trong muôn việc; đó là *minh đức ư chi thiện* là lối *tu thân hành đạo* (2)

Bước lên trên lối đường này thì thí chẳng khác như con nít tập đi vừa biết bước, phải buông tay vịn mà đi một mình, nên phải tự mình điều dẫn lấy mình, không đợi chờ mạng

(1) Tam qui đây cất nghĩa theo lối hạ thừa, bậc trên thì ba điều theo đây là y theo lẽ Đạo, đối với Thượng Đế, đối với vũ trụ đối với chúng sinh.

(2) Đạo bác chánh nhà Phật.

lệnh nào khác hơn là mạng lệnh Đức Đại Từ, là tiếng nói của Lương Tâm. Trong lúc này Đạo đã vào tâm rồi, nếu mình biết nuôi Đạo thì chẳng giây phút nào mà mình nên xa Đạo. Cả thấy hành vi cử chỉ của mình đều là cái hình tượng của Đạo ứng hiện ra đó hết. Trong muôn việc làm đều có ý nghĩa công ; tuy là làm vai tuồng đời đặc biệt của mình, mà mình cũng tưởng đến sự có ích chung cho người theo lẽ công bình mới được. *Không tư riêng mà quên người được.*

Hành Đạo thì chẳng có làm cách nào khác hơn là làm làm vậy, vì Đạo là sự sống chung ; từ Thiên tử chí u thứ dân, biểu lý Đạo rồi thì sự tu thân làm trọng.

Mỗi người sanh ra nơi đây đều phải gánh một vai tuồng, vì duyên vì quả, duyên thì gọi là phước, quả thì gọi là phận. Được phước thì dụng lấy phước mà gây thêm ra duyên cho dễ tiến hóa ; không gặp phước thì an phận trả quả và lập công. Duyên quả, quả duyên cũng do nơi tay mình tạo chớ không ai là ra đó. Không có địa vị nào mà xấu, mà hèn mà không lập công lập quả được, mà không tiến hóa được.

Tu mà bỏ phế là trái Đạo ; cho nên

chẳng phải ở chùa mới gọi được là tu. Theo như lời mới nói trên đây thì sãi ở chùa hiến thân cho Đạo, trọn kiếp làm tròn phận sự, dạy dỗ tín đồ theo lối tu trì (1) thì cũng là một vai tuồng đặc biệt của sãi, có khác nào các vai tuồng đặc biệt của ai ngoài đời đâu? Mà trái lại sãi ở chùa cứ lo gõ tụng kinh tụng cầu phước cho mình, thì tu như vậy đâu phải là hiểu Đạo. Quí cùng không là tại nơi chỗ thiết hạnh cùng không thiết hạnh Chơn lý đó thôi. Bởi vậy người ta mới nói « *Đời có tu là Đạo, Đạo không tu là Đời* »

Sau nữa tu cũng chẳng phải trốn cha mẹ, vợ con, mà lên ở non, ở núi. Làm như vậy thì đã xa hơn đạo rồi. Hơn đạo đã xa thì tìm thiên đạo có mong gì kết quả. Làm người qui hồ tại đức tánh, xa chỗ rèn đức đức tánh thì làm thế nào cho có đức tánh được?

(1) Những tín đồ đạo Phật của phái Nam tôn là người Ấn-độ, Xiêm la, Cao miên khi còn nhỏ đều phải vô ở chùa học tập tu trì một ít lâu rồi mới ra ở đời mà làm ăn được.

CHƯƠNG THỨ X

Kết luận

Hiếu đạo là hiếu luật thiên nhiên khai hóa và tiến hóa của trời đất cùng vạn vật và hiếu sự sống chung của muôn loài trên mặt địa cầu này. Rõ thấu được chơn lý như vậy rồi thì mới biết đời đạo vẫn một chớ không hai ; hễ đời tiến thì đạo phải tiến.

Đạo là thiên lý, đời là nhơn quần.

Đạo đối với đời như hồn đối với xác ; đạo khai ra dặng mà dẫn đời vào đường thẳng nẻo ngay, cũng như hồn điều dẫn xác trong việc làm lành làm phải ; Nghĩa là đạo hay là hồn bao giờ cũng theo cái thiên lý mà độ chúng sanh, cái thiên lý đó là cái lý chơn của Trời.

Đạo là tinh thần của nhơn sanh xã hội. Người mà tinh thần suy kém, chẳng biết phân biện việc của mình làm phải hay là quấy, tội

phước không có huệ minh, cho là người cuồn tâm lãng trí, thì hay làm quấy. Tinh thần của đời vì suy kém thì phong hóa của quần chúng phải lu lờ, lòng nhân của con người bị mờ ám, thì sự cạnh tranh nổi dậy.

Hiện thời cái bánh xe tiến hóa của đời đương chuyển xây rất lẹ trên con đường vật chất văn minh; chẳng có dân tộc nào đứng ra ngoài cái bánh xe đó cho được. Chuyển xây đặng mở lối đường cho chúng sanh đi vào một cái đời mới, muôn phần hạnh phúc; nên đạo cũng vì đó mà chuyển theo đặng đem tinh thần con người lên cao thêm một bậc, cho xứng đáng làm người sống trong cái thế gian hạnh phúc đó.

Đền văn minh càng ngày càng tỏ rạng : Không gian, thời gian, đã như hết có nữa rồi : Người trong bốn bể chung lộn mà tranh đấu với nhau một cách kịch liệt trong đường lập nghiệp sanh nhai ; càng tranh đấu bấy nhiêu thì lại càng có sự bất hòa bấy nhiêu ; vì vậy mà Đạo kỳ ba phải mở rộng, đặng sửa trừ các sự lỗi lầm của cả thấy nhưn sanh, dẫn trở lại có tánh lành, hầu ngày sau này đối đãi với nhau được cách hòa bình, đạo đức ; người đối với người, bất luận là màu da nào, tôn giáo nào, cũng đồng thương yêu nhau như anh em

trong một nhà, một nước, nhìn nhận nhau như con một cha ; trong lúc sống, chung ở cùng nhau trên mặt trái đất này, đâu đâu cũng cá nước chim trời, cũng là quê hương ; một cái quê hương chung mà quê hương tạm, chớ đến lúc về thì hồn nào cũng như hồn nấy, khác nhau có một chỗ thấp cao, siêu đọa, bởi mình ma hay là phật đó thôi.

Trời chuyển đạo kỳ nào cái thiên lý cũng không ngoài ý dẫn nhưn sanh tiến bộ lên đường lành nẻo mới, đó là lập Tân-dân-chí-Thiện. Con người đời nay, trình độ học thức rộng cao nên chẳng bao giờ chịu nghe theo những việc mờ hồ, khó tin, không thấy. Tại vậy mới không đẹp lòng ỏi theo cái lối cũ mà ung đúc tinh thần, rồi mỗi ngày càng thêm xa các tôn giáo ; không chịu công nhận là có nhưn quã luân hồi. cho kiếp chết là kiếp mất. Dầu nay có Cứu thế ra đời mà còn mang cái xác phàm xuống nơi đây giảng dạy trong cái lối cũ ấy thì cũng chưa ắt là người ta nghe theo, mà lại còn e cho phải mang tai hại nơi tay nhưn loại nữa. Tại vậy cho nên thời kỳ khai đạo này đức Chí tôn mới cho chư Tiên chư phật, chư thánh, chư thần, và đủ hạng người ở cõi vô hình, giao thông tư tưởng với nhưn sanh bằng một cách truyền diễn, đặng đem cái đức

tin của chúng ta lại cho vững vàng; thấy rõ người chết chưa phải là mất, mà thật rõ ràng là hãy còn, nhưng mà còn mơ cõi cao hay là cõi thấp, nghĩa là thành tiên phật hay là ma quỷ, được thưởng hay là bị phạt, cũng do bởi nơi cái kiếp sống này chúng ta làm phải hay là làm quấy, làm lành hay là làm dữ.

Nhờ cái phép truyền diễm đó mà con người mới biết Đạo, biết có Trời, hồi đầu tỉnh ngộ đem mình vào chỗ tu hành là sự may mắn.

Đạo chuyển kỳ ba có cái lý-nghiệm chủ nghĩa *đại đồng quang minh*. « La lumière universelle ». Vậy ai là người tu hành, muốn cho hiệp với thiên lý, chẳng cần phải đi quanh chạy tặc lối nào nữa mà kiếm cái cách hành đạo cho hợp thời hơn là thiết hành cái lời Cứu thế đã dạy ngày xưa như vậy : « Các con hãy thương yêu nhau » (*aimez vous les uns les autres*) lại có câu « Tình thương, ai cũng gọi là; rộng suy một chút mà ra đại đồng » (Hơn liên Bạch)

Ừ, bây giờ đây chúng ta hãy tập cho có cái lòng thương đó đi; thương gần mà cũng thương xa, thương trong gia đình, thương ngoài chúng tộc, còn xa hơn nữa là thương cả thấy quần chúng, chúng sanh mà *thương thì phải coi*

người như ta, ta như người ; việc chỉ mình chẳng muốn người ta làm cho mình thì đừng làm cho người ta, mà cái tình thương đó phải thật là vô tâm, thương bởi lòng nhân mới gọi là bác ái được.

Người tu hành, nhà đạo đức, sanh ra gặp cái thời kỳ đạo chuyển, cần phải nghiệm suy cho thấu đáo tình đời mà cao siêu lý đạo. Trước sửa mình, sau là hành đạo cho hiệp với cái ý Trời, thì mới có thể giúp ích cho đời cho Đạo đặng.

Cái đời này người ta kêu là đời kim tiền, bởi ai ai cũng đua tranh với nhau mà kiếm cho được nhiều tiền nhiều bạc là cái chìa khóa mở cửa thiên đàng tại thế. Mà thật vậy. trong cái thời đại này có tiền muốn chi lại không đặng ! Biết bao nhiêu là sự vui, sự sướng !

Vì vậy mới có sanh ra một cái phong trào *tham dục* nó lôi kéo người ta vào đường tội lỗi biết bao về sự *dụng quyền bất công, cầu lợi bất chánh*, mà có người khóc kể cười.

Đương lúc mê sai, ngươn thần bị che tối, lầm lỗi đã đành ; nay nhờ đạo dẫn vào đường lành, thì trong muôn việc phải lấy cái lý chánh, lẽ công làm địa bàn chỉ đường cho mà đi mới khỏi lầm lỗi.

Trong tâm sáng Đức Đại Từ,

Hồi dò cho biết nên hư lẽ nào !

Đã cho rằng người sanh ra ở đời, dầu cao dầu thấp, chẳng phải là một cái địa vị ngẫu nhiên, mà đó là một cái kiếp mình đã tạo ra cho mình trong mấy kiếp trước. Vậy thì người sang giàu, kẻ nghèo khó, phải thương yêu nhau mà giúp đỡ nhau mới phải. Mạnh không nên dùng thế lực mà hiếp yếu : *phải thương thân người như thể thân ta*, (có thương mới tưởng sự đau đớn của người) *rồi dứt bỏ hẳn đi những điều ích kỷ hại nhơn* mà tiếp tay làm âm đức thêm cho tròn địa vị. Người nghèo khó phải an phận tùy duyên, chẳng nên than phiền phàn số vì đem mình mà so sánh với các sự lòa lẹt ở đời rồi cứ gây gây mãi những việc chẳng lành, trã chưa dứt rồi lại thêm vay, cứ làm vậy hoài thì biết bao giờ cho cái kiếp mình đăng tiến hóa !

Người gặp đạo là kẻ hữu duyên, phải biết vậy mà tùy phận, tùy duyên ra giúp Đạo. Trước cần phải lo sửa mình cho đăng sáng, vững tâm làm lành, sau mới có thể làm gương mà rọi lại người. Công quả đầy đủ trong một cái kiếp sống này là thời kỳ lóng *dục lư* trong, cũng nên gọi được là buổi trường thi Long

hoa mỡ cưa. Một người thiện, độ mười người lành, mười ra trăm, trăm ra muôn..., nhờ vậy mà một ngày kia dưới thế gian này mới ngó thấy đặng mặt đất bằng cho. Ngày ấy, là buổi đất Thuần trời Nghiêu, nhơn loại chung hưởng một bầu không khí ôn hòa, thuần phong mỹ tục.

Đó là cái yếu lý của đạo Tam kỳ phổ độ.

CHUNG



185

186

From a very early age, I was
taught to read, and I was
very fond of it. I was
taught to write, and I was
very fond of it. I was
taught to draw, and I was
very fond of it. I was
taught to sing, and I was
very fond of it. I was
taught to dance, and I was
very fond of it. I was
taught to play, and I was
very fond of it. I was
taught to work, and I was
very fond of it. I was
taught to live, and I was
very fond of it.

187



Phụ trương

Pháp-Văn dịch ra Việt-Văn

THE LIBRARY

OF THE UNIVERSITY OF CHICAGO

Principes fondamentaux du spiritisme

Le spiritisme a pour base Dieu, l'âme immortelle, la solidarité fraternelle, la préexistence ou réincarnation, les communications entre les deux mondes, le monde des incarnés et le monde des désincarnés ou Esprits, le progrès permanent et l'harmonie universelle. Il repose sur le libre examen. N'étant ni doctrinaire, ni dogmatique, il n'a pas d'Eglise fermée, ni de foi conquérante. Son principal but est de montrer aux hommes que la mort n'existe pas, qu'elle n'est qu'une phase de l'existence des êtres, et de leur faire comprendre que chacun est responsable de ses fautes, mais qu'il n'y a pas de peines éternelles.

De rechercher l'origine des âmes qui viennent s'incarner en ce monde. La pierre de base a pour objet de chercher la cause des maux constatés par ce que nous voyons et amener de la sorte à la question de l'origine des âmes qui viennent s'incarner ici.

Le spiritisme qui n'est pas une religion mais qui les domine toutes par sa foi raisonnée, son admirable philosophie basée sur le fait expérimental. Le spiritisme qui ne crée point de dogme, mais qui donne des *certitudes* qui élève les âmes vers la lumière du vrai, du beau, du bien, est appelé à régénérer le monde.

A l'origine des âmes qui viennent s'incarner en ce monde, il commence à soulever les voiles du mystérieux abîme sur lequel les portes de la terre donnent d'un côté par la naissance comme de l'autre par la mort, et sans les demi-lueurs des quelles l'histoire de l'homme reste inexplicable.

De quelle manière les âmes font-elles leur apparition sur notre globe. De quelles facilités y jouissent-elles. Quelles sont les causes des inégalités qui se découvrent dans les circonstances préparées pour l'incarnation, telles que nos souffrances du bas-âge ou les morts prématurées.

Il est assurément capital que l'Eglise n'enseigne rien de certain sur l'origine de l'âme.

Cette confession d'ignorance de la part de l'Eglise n'est en effet qu'un appel implicite à l'esprit humain qui, par des études et des idées plus savantes, deviendra peut-être un jour capable de résoudre nos incertitudes actuelles.

KERMARIO

Nguyên-tắc cốt yếu của khoa Thông-Thần-Học

Khoa Thông-Thần-học lấy Thượng-Đế, linh hồn bất tử, sự tương-thân tương-ái, sự luân-hồi, sự giao tiếp trong hai cõi, cõi người có xác và cõi người đã thoát xác, sự tấn-hóa hoài hoài, và sự điều-hòa trong vũ-trụ, làm nền tảng.

Nó căn cứ vào sự tự-do quan sát.

Không thuộc về giáo-lý nào, cũng không thuộc về đảng phái nào, bởi thế Thông-thần-học không có đền thờ riêng dành cho một người nào, cũng không có đức-tin chinh-phục ai cả.

Cái chủ-nghĩa gốc của nó là chỉ cho con người biết rằng: chết là không có, mà là một giai-đoạn của sự sống các loài vật, rằng mỗi

người đều phải chịu lấy trách nhiệm của tội lỗi mình, chứ không có hình phạt đời đời.

Tôn chỉ có là tìm lấy cái nguyên-nhân các sự đau-khổ xảy ra trước mắt ta và nhân đó mà phăng vào vấn-đề nguồn cội các linh hồn đi đâu thai ở trên thế này.

Thông-thần-học chẳng phải là một tôn-giáo, nhưng nó sở-dĩ đứng trên các tôn-giáo là nhờ nơi cái đức-tin có lý-luận của nó, cái triết-học tốt đẹp của nó căn-cứ trên nền tảng của sự thực-nghiệm. Thông-thần-học không tạo giáo-lý gì cả, nó chỉ đem đến cho ta, những sự chắc thật, linh hồn ta vào cõi sáng-sủa của sự Thật, sự Đẹp, và sự Phải, cho nên nó có cái sứ-mạng phục-sinh thế-giới.

Nói về nguyên-thĩ các linh-hồn đâu thai xuống trần này, Thông-thần-học khởi đầu gỡ những tấm màn che đây cái hố sâu huyền-bí, trên đó có hai cái cửa, một bên là cửa sanh, một bên là cửa tử, và nếu không có những yển sáng mập-mờ ấy, thì lịch-sử con người vẫn không bao giờ cắt-nghĩa nổi.

Bằng cách nào các linh-hồn phát hiện trên quả đất này? Các linh-hồn ấy hưởng sự sung sướng bằng những cách dễ dàng gì? Nào đâu nguyên-nhân của những sự bất đồng trong những trường-hợp dự-định sẵn cho sự đâu thai, như sự đau-khổ của chúng ta lúc nhỏ, hoặc những sự thác yếu.

Đành rằng, Thánh-giáo nhà thờ không dạy
gì cho ta chắc chắn về nguồn-cội của linh-
hồn cả.

Chỗ vô-năng ấy, thật ra là tiếng kêu gọi
lấy trí-hóa loài người, nhờ sự học hỏi kê-cứu
và tư-tưởng thông-thái hơn, sẽ có ngày giải-
quyết được những mối ngờ-vực của ta hiện
thời.

KERMARIO



MỤC LỤC

	TRANG
Cùng bạn đọc.	1
Chương thứ nhất	
Đạo-Trời — Đạo tịnh — Đạo động — Lý-chơn — Chơn-lý — Huyền-vi bí- pháp — Phép lạ — Hữu-vi khoa-học — Bí-pháp chơn-truyền — Thần-đồng chơn-nhơn — Thiên-mạng cứu-thế — Chơn-truyền riêng — Chơn-truyền chung.	3
Chương thứ nhì	
Thời đại dị-đoan hay là lối thờ thần	13
Chương thứ ba	
I. Đạo khai tại Ấn-độ (Thích-giáo). .	16
Nhứt kỳ Đạo khai (Lối thờ Trời). .	17
Nhị kỳ Đạo khai (Lối thờ Phật). .	22
II. Đạo khai tại Trung-Hoa (Tiên-giáo)	27
Đạo Khổng.	34

Đạo tại xứ Nhứt-bồn.	35
Đạo tại xứ Judée.	36
Nhị kỳ Đạo khai — Thời kỳ Đức-chúa Jésus ra đời.	40
Các mối Đạo khác trong thời kỳ thứ nhì.	43
Chương thứ tư	
Tam-kỳ phổ-độ — Giáo Lý Đạo mở kỳ ba.	44
Chương thứ năm	
Lời tiên-tri về cơ hiệp nhứt — Cơ Đạo tràng và chỉnh đạo — Đại chơn truyền Đức tin luật nhơn quả luân hồi khi xưa và ngày nay — Duy Tâm vật. .	62
Chương thứ sáu	
Phần hồn — Diễn quan — Diễn Vật, Diễn thần--Vô-tuyến-điện—Sự thưởng phạt — Thiên - đàng, âm - phủ — Siêu thăng, sa đọa — Cốt đồng, cơ bút — Sự lợi hại của cơ phổ-thông Đạo. .	81
Chương thứ bảy	
Bị vương diễn là hay bị tà ám. . .	100
Chương thứ tám	
Về sự xưng tên của người khuất mặt	112
Chương thứ chín	
Thượng-Đế ở đâu ? — Làm cách nào	

cho biết có Thượng-Đế ? — Tại sao phải có vạn-vật ở thế-gian ? — Tại sao phải phân chúng nó ra từng hạn từng vật ? — Làm như thế công bình ở cách nào ? — Tu để làm gì ? — Ăn chay ăn mặn có hại chi không ? 124

Chương thứ mười

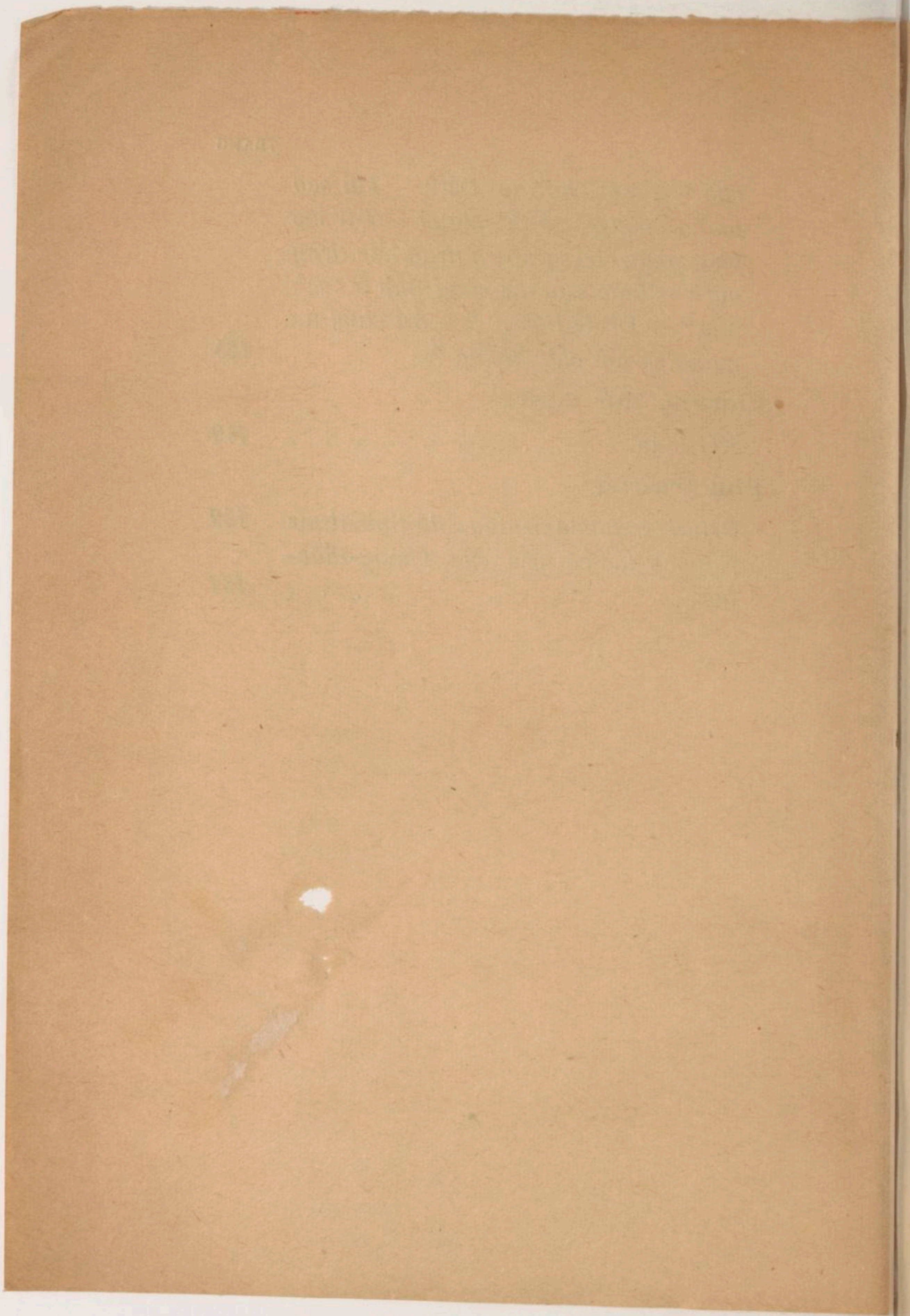
Kết luận. 149

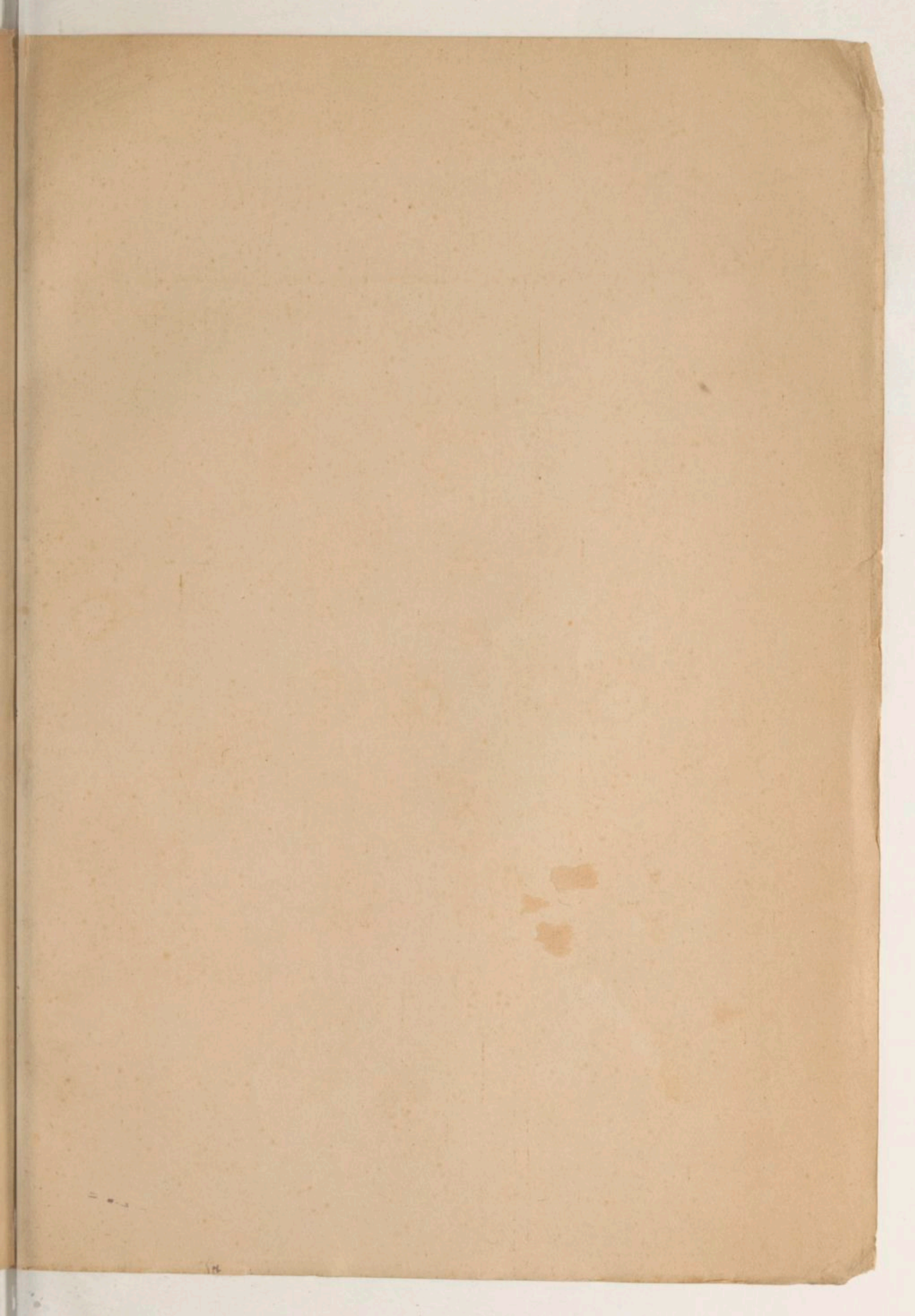
Phụ trương

Principes fondamentaux du Spiritisme 159

Nguyên tắc cốt yếu của Thông-thần-học. 161







L'Antem,
2/10/19